

BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

CHỦ TRƯỞNG, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
CHỦ TRƯỞNG, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ

BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

CHỦ TRƯỞNG, THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2002

Chú dẫn của Nhà xuất bản

Để giúp bạn đọc nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp cùng Ban Khoa giáo Trung ương xuất bản cuốn sách *Giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới: Chủ trương, thực hiện, đánh giá*.

Cuốn sách gồm một số văn kiện của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo, một số bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành tập trung đánh giá những thành tựu cũng như những khuyết điểm của ngành giáo dục và đào tạo trong những năm gần đây, đồng thời chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 2 năm 2002

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Mục lục

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5

PHẦN THỨ NHẤT

Một số văn bản của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo	13
---	----

I. Văn kiện các đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam	13
---	----

1. Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986)	13
2. Trích Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991)	15
3. Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991)	21
4. Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996)	22

5. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 (*Trích Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, tháng 6-1996*) 25
6. Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (*tháng 4-2001*) về giáo dục - đào tạo 29

II. Một số nghị quyết, chỉ thị, thông báo và văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo 37

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII số 04-NQ/HNTU, ngày 14-1-1993 về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo 37
2. Thông báo số 77-TB/TW ngày 19-6-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo 46
3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa VIII*) số 02-NQ/HNTU (*ngày 24-12-1996*) 52
4. Trích phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa VIII*) (*ngày 16-12-1996*) 77
5. Luật Giáo dục (*Luật số 11/1998/QH10 ngày 2-12-1998*) 85

6. Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội ngày 9-12-2000 về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	144
7. Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11-6-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội	148
8. Chỉ thị 34-CT/TW ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học	156
9. Chỉ thị 61-CT/TW ngày 28-12-2000 của Bộ Chính trị về thực hiện phổ cập trung học cơ sở	164
10. Nghị quyết số 41/2000/QH10 của Quốc hội ngày 9-12-2000 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở	167
11. Nghị quyết số 88/2001/NĐ-CP ngày 22-11-2001 của Chính phủ về việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở	171
12. Thông báo số 146-TB/TW ngày 23-6-1998 về kết luận của Bộ Chính trị về một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết 02 NQ/HNTW khóa VIII về giáo dục - đào tạo	192
13. Thông báo số 214-TB/TW ngày 3-5-1999 về ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị về đề án nâng cao chất lượng	

và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học
Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường
đại học, cao đẳng 195

14. Trích Nghị quyết của Chính phủ số 08/2001/NQ-
CP ngày 2-8-2001 về phiên họp Chính phủ thường kỳ
tháng 7-2001 (*Phần nói về Dự thảo Chiến lược phát
triển giáo dục - đào tạo 2001 - 2010*) 197

PHẦN THỨ HAI

**Một số bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo
Đảng và Nhà nước, Ban Khoa giáo Trung ương,
Bộ Giáo dục và Đào tạo** 199

1. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh
tại Lễ khai giảng năm học mới của Trường Đại học
Quốc gia Hà Nội (*Ngày 18-8-2001*) 199

2. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh
tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
(*Ngày 13-10-2001*) 206

3. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh
tại Trường Tiểu học Trưng Vương Hà Nội (*tại Lễ
khai giảng năm học mới Trường Tiểu học Trưng
Vương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, ngày 4-9-2001*) 217

4. Bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ
Phan Văn Khải tại Hội nghị giáo dục đại học
(*Hà Nội, từ ngày 1 đến ngày 3-10-2001*) 221

5. Bài phát biểu của đồng chí Trần Đình Hoan,
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,
Trưởng ban Tổ chức Trung ương (*tại Hội thảo
"Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ 2001-2010",
Hà Nội, ngày 7-5-2001*) 233
6. Bài phát biểu của Phó Chủ tịch nước Nguyễn
Thị Bình tại Hội nghị giáo dục đại học (*Hà Nội,
ngày 1 đến ngày 3-10-2001*) 239
7. Bài phát biểu của Phó Chủ tịch nước Nguyễn
Thị Bình tại Hội nghị các giám đốc Sở Giáo dục và
Đào tạo (*Đà Nẵng, từ ngày 18 đến ngày 20-7-2001*) 251
8. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Minh Hạc,
Phó trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung
ương tại Hội nghị giáo dục đại học
(*Hà Nội, ngày 1-10-2001*) 260
9. Báo cáo tổng kết Hội nghị giáo dục đại học của
đồng chí Nguyễn Minh Hiền, Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo (*Hà Nội, ngày 3-10-2001*) 274
10. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Minh Hạc,
Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung
ương tại Hội nghị các giám đốc Sở Giáo dục và
Đào tạo (*Đà Nẵng, từ ngày 18 đến ngày 20-7-2001*) 288
11. Bài phát biểu kết luận của đồng chí Nguyễn Minh
Hiền, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị
các giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (*Đà Nẵng,
từ ngày 18 đến ngày 20-7-2001*) 306

12. Bài phát biểu của đồng chí Phó Chủ tịch Quốc
hội Vũ Đình Cự tại Hội thảo “Chiến lược đào tạo
nghề thời kỳ 2001-2010” (*Hà Nội, ngày 7-5-2001*) 319
13. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Minh Hạc,
Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung
ương tại Hội thảo “Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ
“2001-2010” 327

PHẦN THỨ NHẤT

Một số văn bản của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo

I. Văn kiện các đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12 - 1986)

Về sự nghiệp giáo dục

Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội. Sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục, điều chỉnh, nâng cao chất lượng của cuộc cải cách này. Phát

triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức: đào tạo và bồi dưỡng chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức. Mục tiêu đào tạo của từng loại hình trường học phải được cụ thể hóa thành các kế hoạch đào tạo và các tiêu chuẩn đánh giá kết quả đào tạo. Cải tiến chế độ thi cử, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và sự công minh.

Xây dựng ngành giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ em, phát triển các lớp mẫu giáo. Xóa bỏ nạn mù chữ còn lại ở một số địa phương, hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I trẻ em, phổ cập cấp II ở những nơi có điều kiện, từng bước mở rộng giáo dục phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Các trường phổ thông phải dạy kiến thức phổ thông cơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở miền núi: thực hiện chủ trương dùng tiếng nói và chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông. Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề, phát triển các trung tâm dạy nghề rộng rãi cho thanh niên và nhân dân lao động. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành. Đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn và năng lực thực hành, coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

Kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chuẩn bị cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu, hiểu và làm tốt nghĩa vụ công dân.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên. Nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những người dạy học. Có chính sách học bổng hợp lý đối với học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đầu tư đúng mức cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ sở cần thiết cho dạy và học. Ngoài ngân sách của Nhà nước, cần quy định rõ sự đóng góp của các ngành và các địa phương, các tổ chức kinh tế, xã hội và các gia đình cho sự nghiệp giáo dục. Tranh thủ sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Chuẩn bị ban hành Luật Giáo dục.

2. Trích Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991)

Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. *Mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn

định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

Phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế lạc hậu lên cơ cấu kinh tế hiện đại, nền kinh tế quốc dân sẽ bao gồm nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại, phát triển kinh tế dịch vụ, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng. Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các

ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hóa.

Xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn, sức lao động...; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới. Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hóa, nâng cao dân trí.

Giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Nhà nước có chính sách toàn diện

thực hiện giáo dục phổ cập phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho mọi người lao động có việc làm, chăm lo cải thiện điều kiện lao động. Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của người mẹ và của thanh thiếu niên. Chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phải thật sự coi việc giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách. Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo

với mọi lớp người. *Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu* phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hóa mới.

Chính sách xã hội tác động trực tiếp đến việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt để xứng đáng là một lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác vì sự nghiệp “*ích nước lợi nhà*”. Động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

Thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán,

hiếm và trợ cấp xã hội. Có chính sách thích đáng đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, những người về hưu. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Phát triển các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa, thể dục, thể thao... Khuyến khích và tạo điều kiện để tập thể và nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở. Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam. Khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền được tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hóa và tinh nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. *Gia đình* là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối

tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

3. Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991)

Mục tiêu *giáo dục và đào tạo* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhà trường đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Nhiệm vụ của 5 năm tới là tiếp tục đổi mới, ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Coi trọng chất lượng giáo dục chính trị, đạo đức cho học sinh và sinh viên; hiện đại hóa một bước nội dung, phương pháp giáo dục; dân chủ hóa nhà trường và quản lý giáo dục; đa dạng hóa loại hình đào tạo và loại hình trường lớp; từng bước hình thành những trường bán công, dân lập, tư thục (dạy nghề), phát triển loại trường vừa học vừa làm. Mở rộng đào

tạo nghề; bồi dưỡng nhiều người giỏi về khoa học, công nghệ, kinh doanh, về quản lý kinh tế, xã hội và nhiều công nhân lành nghề; nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho người lao động.

Củng cố, ổn định trường lớp hiện có của giáo dục mầm non. Tập trung thực hiện chương trình phổ cập giáo dục cấp I và chống mù chữ; phát triển cấp II, cấp III phù hợp với yêu cầu và điều kiện của nền kinh tế. Củng cố và phát triển trường phổ thông cho trẻ em có tật. Sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mở rộng một cách hợp lý quy mô đào tạo đại học, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học. Tiếp tục cải tiến chế độ tuyển sinh và chế độ học bổng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thực nghiệm giáo dục, thể chế hóa cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân.

Tăng đầu tư cho giáo dục ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, mở rộng các trường nội trú, quy hoạch đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Trong những năm tới, cần tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua, chuẩn bị tiến hành cuộc cải cách giáo dục mới theo hướng đào tạo một đội ngũ lao động có trí tuệ thích ứng với nền kinh tế hàng hóa.

4. Trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996)

Giáo dục và đào tạo

Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là

quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Phương hướng chung của lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong 5 năm tới là phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, có việc làm; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong giáo dục và đào tạo.

Đến năm 2000 bảo đảm đại bộ phận trẻ em 5 tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non; thanh toán nạn mù chữ ở những người trong độ tuổi từ 15 đến 35, thu hẹp diện người mù chữ ở độ tuổi khác; cơ bản hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước, trước hết là đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14; phổ cập trung học cơ sở ở những thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung và những nơi mà điều kiện cho phép. Có chính sách bảo đảm cho con em các gia đình trong diện chính sách, gia đình nghèo được đi học, động viên và giúp đỡ những học sinh giỏi, có nhiều triển vọng. Mở cuộc vận động rộng rãi trong toàn dân kiên quyết xóa mù chữ và chống nạn thất học.

Xây dựng hệ thống trường chuyên, trường trọng điểm, trung tâm chất lượng cao ở các bậc học. Coi trọng việc dạy ngoại ngữ và tin học từ cấp phổ thông. Mở thêm các trường phổ thông nội trú ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào thiểu số. Coi trọng giáo dục gia đình. Đổi mới hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. Củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa.

Mở rộng hệ thống các trường lớp dạy nghề và đào tạo công nhân lành nghề. Trong khi tập trung sức xây dựng hệ thống trường công, có chính sách giúp đỡ hướng dẫn phát triển và quản lý tốt các trường, lớp bán công, dân lập, tư thực. Khuyến khích dạy nghề tại doanh nghiệp. Phát triển đào tạo sau đại học; tăng số lượng đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài và tại các trung tâm đào tạo quốc tế ở trong nước. Khuyến khích du học tự túc. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo với sử dụng. Xây dựng đội ngũ trí thức đồng bộ về các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hóa văn nghệ, quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Nhanh chóng xây dựng đội ngũ công chức và nhân viên của hệ thống hành chính các cấp. Đào tạo đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp giỏi. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 10% hiện nay lên khoảng 22-25%. Nâng cao kiến thức văn hóa, nghề nghiệp cho phụ nữ; bồi dưỡng lực lượng cán bộ nữ. Xác định rõ hơn mục tiêu, thiết kế nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục, đào tạo, lựa chọn những nội dung có tính cơ bản, hiện đại. Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức và nhân văn, lịch sử dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc; ý chí vươn lên vì tương lai của bản thân và tiền đồ của đất nước. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình đào tạo; phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp. Ngăn chặn và xử lý nghiêm những tiêu cực trong giảng dạy, học tập, thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi

ngộ đúng công sức và tài năng với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học. Tổng kết cải cách giáo dục; xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước về giáo dục, đào tạo. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các loại hình trường lớp giáo dục và đào tạo. Nâng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo. Động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người, đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các giới, trong và ngoài nước cho giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

Phát huy trách nhiệm của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể, các doanh nghiệp đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

5. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 – 2000 (*Trích Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, tháng 6-1996*)

Nhiệm vụ tổng quát

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến

năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau...

Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo

Mục tiêu:

Nâng cao mặt bằng *dân trí*, bảo đảm những tri thức cần thiết để mọi người gia nhập cuộc sống xã hội và kinh tế theo kịp tiến trình đổi mới và phát triển đất nước. Đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn *nhân lực* để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng tỷ trọng số người tốt nghiệp phổ thông cơ sở (lớp 9) trong độ tuổi lao động lên 55 - 60% và tỷ lệ những người lao động qua đào tạo trong tổng số lao động lên 22-25% vào năm 2000, bảo đảm nguồn lao động có chất lượng cho các lĩnh vực ứng dụng công nghệ tiên tiến. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh, đủ sức giải quyết những vấn đề được đặt ra trong chương trình phát triển khoa học và công nghệ. Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng *nhân tài*, chú trọng các lĩnh vực khoa học và công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, quản lý kinh tế, xã hội và quản trị sản xuất kinh doanh.

Nhiệm vụ và giải pháp

Phát triển giáo dục mầm non, tăng tỷ lệ trẻ em được chăm sóc ở các nhà trẻ hoặc nhóm trẻ, nâng cao hiểu biết cho những người chăm sóc trẻ em ở gia đình. Đưa hầu hết trẻ em trong độ tuổi vào lớp mẫu giáo lớn để chuẩn bị vào tiểu

học. *Thanh toán nạn mù chữ* cho những người lao động ở độ tuổi 15- 35 và thu hẹp diện mù chữ ở các độ tuổi khác. Tích cực xóa mù chữ cho nhân dân ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa và những vùng còn khó khăn.

Hoàn thành cơ bản *phổ cập giáo dục tiểu học* trong cả nước và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố lớn và những nơi có điều kiện. Có chính sách giúp đỡ con em người dân tộc thiểu số, gia đình nghèo, người tàn tật có điều kiện học tập. Phát triển trường lớp nội trú, bán trú. Củng cố và tăng cường các trường chuyên, lớp chọn. Mở thêm trường dân lập, bán công ở các cấp học phổ thông. Thực hiện giáo dục toàn diện ở bậc tiểu học (đặc biệt các môn nhạc, họa, thể dục thể thao). Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, tin học từ cấp phổ thông. Tập trung sức nâng cao chất lượng dạy và học, trang bị đủ kiến thức cần thiết đi đôi với tạo ra năng lực tự học, sáng tạo của học sinh, khắc phục tình trạng phải dạy thêm quá nhiều ngoài giờ học chính khóa.

Thông qua việc cải tiến hệ thống thông tin về lao động và thông qua các chính sách, các quy định của Nhà nước để điều chỉnh cơ cấu đào tạo một cách hợp lý, nhằm đạt tới sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng ở các trình độ và các ngành nghề khác nhau, đặc biệt bảo đảm được nhân lực cho các ngành mũi nhọn và các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm; tăng nhanh tỷ trọng đào tạo ngành nghề dưới bậc đại học.

Kiện toàn, phát triển mạnh và bảo đảm chất lượng các cơ sở *đào tạo nghề*, kể cả các cơ sở dân lập, tư nhân, các doanh nghiệp đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước. Mở rộng quy mô một cách hợp lý và nâng cao chất lượng *đào tạo đại học*,

kết hợp đào tạo mới và đào tạo lại, phát triển giáo dục - đào tạo định cao nhằm lựa chọn, xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học, công nghệ, văn hóa và những nhà kinh doanh giỏi, đội ngũ công chức và cán bộ lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội có năng lực. Thực hiện quy hoạch sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu, xây dựng các đại học đa lĩnh vực ở các trung tâm kinh tế, văn hóa của cả nước. Phát triển các trường đại học và cao đẳng địa phương để đáp ứng nhu cầu học tập và phát huy nguồn nhân lực tại chỗ. Tranh thủ các nguồn tài trợ học bổng và khuyến khích du học tự túc để tăng nhanh số người đi học đại học, sau đại học ở nước ngoài.

Hoàn chỉnh và củng cố các *trường sư phạm* về mọi mặt, khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên và nâng cao chất lượng giáo viên ở tất cả các cấp học. Bổ sung chính sách đãi ngộ giáo viên và có chính sách khuyến khích giáo viên tình nguyện đến các vùng khó khăn. Sử dụng giáo viên đúng năng lực và đãi ngộ đúng công sức với tinh thần ưu đãi nghề dạy học, chú trọng giáo viên vùng núi, vùng sâu và các vùng khó khăn.

Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học. Kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Cụ thể hoá và thể chế hóa chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về *xã hội hóa sự nghiệp giáo dục đào tạo*, trước hết là về đầu tư phát triển và bảo đảm kinh phí hoạt động. Ngoài việc ngân sách dành một tỷ lệ thích đáng cho sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo, cần thu hút thêm các nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các thành

phần kinh tế, các giới kinh doanh trong và ngoài nước đi đôi với việc sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư cho giáo dục đào tạo. Những doanh nghiệp sử dụng người lao động được đào tạo có nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách giáo dục, đào tạo. Đổi mới chế độ học phí phù hợp với phân tầng thu nhập trong xã hội, loại bỏ những đóng góp không hợp lý, nhằm bảo đảm tốt hơn kinh phí giáo dục, đồng thời cải thiện điều kiện học tập cho học sinh nghèo. Nghiên cứu việc tổ chức và phối hợp chỉ đạo chương trình phát triển giáo dục - đào tạo phục vụ công cuộc hiện đại hóa đất nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp nhà nước về giáo dục, sớm xây dựng và ban hành Luật Giáo dục. Định rõ trách nhiệm, mở rộng quyền hạn và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở đào tạo, trước hết là các trường đại học. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý giáo dục, đặc biệt ở các cấp vĩ mô, để kiểm soát được chất lượng đào tạo, điều hành được bộ máy giáo dục ở quy mô ngày càng lớn và bảo đảm được hiệu quả đào tạo đúng mục tiêu mong muốn.

6. Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) về giáo dục - đào tạo

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội

“... Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính

quy và không chính quy, thực hiện “giáo dục cho mọi người”, “cả nước trở thành một xã hội học tập”. Thực hiện phương châm “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội”... Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính.

Chăm lo phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt là ở nông thôn và những vùng có khó khăn.

Củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu để ngày càng có nhiều trường tiểu học đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường, được học ngoại ngữ và tin học. Đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện cho những địa phương có khả năng hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục bậc trung học thông qua việc mở rộng quy mô đào tạo và phát triển đa dạng các loại hình trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích phát triển hệ thống trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, trang bị cho thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm

kiếm cơ hội lập nghiệp.

Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng hai đại học quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao; xây dựng một số trường sư phạm trọng điểm. Từng bước xúc tiến việc nối mạng Internet ở trường học, tạo điều kiện học tập, nghiên cứu trên mạng.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục phát triển các trường phổ thông nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng quyền được học tập của nhân dân ở trên hai nghìn xã nghèo nhất. Có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở các bậc học cao. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý trong con em công nhân và nông dân, để đào tạo ở các bậc đại học và sau đại học. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, đẩy mạnh việc xây dựng các quỹ khuyến khích tài năng, các tổ chức khuyến học, bảo trợ giáo dục.

Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc: sửa đổi chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng “thương mại hóa” giáo dục, ngăn chặn những tiêu cực trong giáo dục; quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập”.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010

“... Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

Bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và tự tôn dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hoá, nhà kinh doanh, nhà quản lý. Chính sách sử dụng lao động và nhân tài phải tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của các tập thể và cá nhân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để thực hiện mục tiêu đó, trong 10 năm tới cần:

Phát triển giáo dục mầm non. củng cố vững chắc kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập

trung học cơ sở trong cả nước; phần lớn thanh, thiếu niên trong độ tuổi ở thành thị và vùng nông thôn đồng bằng được học hết trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp hoặc đào tạo nghề. Tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, suốt đời.

Điều chỉnh hợp lý cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng trong hệ thống giáo dục và đào tạo phù hợp yêu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu của Chiến lược. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ. Phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực, tiến tới đạt trình độ quốc tế. Phát triển giáo dục thường xuyên và đào tạo từ xa. Nhà nước dành ngân sách đưa người giỏi đi đào tạo ở các nước phát triển; khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, kỹ sư thực hành và nhà kinh doanh giỏi. Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi, xuất khẩu lao động, một số ngành mũi nhọn. Phát triển và nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc. Đổi mới chương trình đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng thiết thực, hiện

đại. Chú trọng trang bị và nâng cao kiến thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên.

Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khoá, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay. Đổi mới và tổ chức thực hiện nghiêm minh chế độ thi cử. Đề cao tính tự chủ của trường đại học.

Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng miền núi cao, hải đảo.

Tăng cường cơ sở vật chất và từng bước hiện đại hoá nhà trường (lớp học, sân chơi, bãi tập, phòng thí nghiệm, máy tính nối mạng Internet, thiết bị giảng dạy và học tập hiện đại, thư viện, ký túc xá...). Phấn đấu đến năm 2010 phần lớn các trường phổ thông có đủ điều kiện cho học sinh học tập và hoạt động cả ngày tại trường.

Tăng đầu tư cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, đào tạo. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Ngân sách nhà nước tập trung nhiều hơn cho các bậc giáo dục phổ cập, cho vùng nông thôn, miền núi, cho đào tạo trình độ cao và những ngành khó thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; bảo đảm điều kiện học tập cho con em người có công và gia đình nghèo. Tăng cường quản lý nhà nước, đặc

biệt là hệ thống thanh tra giáo dục, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường quản lý và giúp đỡ người đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài”.

Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005

“... Tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến cơ bản toàn diện về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý; triển khai thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở; ứng dụng nhanh các công nghệ tiên tiến, hiện đại; từng bước phát triển kinh tế tri thức”.

“Tiếp tục quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu và tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện trong phát triển giáo dục và đào tạo. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Giáo dục. Định hình quy mô giáo dục và đào tạo, điều chỉnh cơ cấu đào tạo, nhất là cơ cấu cấp học, ngành nghề và cơ cấu theo lãnh thổ phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên các cấp.

Củng cố và duy trì thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ đặc biệt ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xây dựng thêm trường học ở các cấp học phổ thông, bảo đảm số học sinh trong lớp ở từng cấp học theo tiêu chuẩn, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Đưa số học sinh trung học tăng 7%/năm.

Xây dựng hoàn chỉnh, phát triển các trường đại học và cao đẳng theo mạng lưới hợp lý để hình thành một số trường

đại học có chất lượng đào tạo ngang tầm với những trường đại học có chất lượng cao trong khu vực.

Số học sinh tuyển mới vào đại học và cao đẳng tăng 5%/năm. Đặc biệt chú trọng đào tạo chất lượng cao một số ngành công nghệ, kinh tế và quản lý nhà nước để đáp ứng nhu cầu nhân lực và nhân tài của đất nước.

Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương thức đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kinh tế, kỹ thuật mũi nhọn, công nghệ cao. Gắn việc hình thành các khu công nghiệp, khu công nghệ cao với hệ thống các trường đào tạo nghề. Phát triển nhanh và phân bố hợp lý hệ thống trường dạy nghề trên địa bàn cả nước; mở rộng các hình thức đào tạo nghề đa dạng, linh hoạt, năng động.

Số học sinh công nhân kỹ thuật tăng 11 – 12%/năm.

Đổi mới cơ bản công tác quản lý và tổ chức giáo dục; xây dựng hệ thống giáo dục nhằm tạo điều kiện cho mọi người có thể học tập suốt đời theo hướng thiết thực, hiện đại, gắn chặt với yêu cầu của xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và luật pháp để bảo đảm sự nghiệp giáo dục phát triển ổn định, chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu về con người và nguồn nhân lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Ngăn chặn và đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục, xây dựng một nền giáo dục lành mạnh.

Nhà nước dành tỷ lệ ngân sách thích đáng, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá phát triển giáo dục và đào tạo. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục và

đào tạo. Chủ động dành một lượng kinh phí thích đáng của ngân sách để tăng nhanh số học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh được đào tạo ở một số nước phát triển.”

II. Một số nghị quyết, chỉ thị, thông báo và văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII số 04-NQ/HNTU, ngày 14-1-1993 về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo

A. Thực trạng giáo dục và đào tạo ngày nay

Cuộc cải cách giáo dục theo Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa IV (1 - 1979) triển khai đến năm 1987 chủ yếu mới ở giáo dục phổ thông. Từ sau Đại hội VI, cuộc cải cách giáo dục này được điều chỉnh một bước theo đường lối đổi mới của Đảng và được thực hiện trong hệ thống giáo dục và đào tạo. Hơn 10 năm qua, mặc dù có nhiều khó khăn, sự nghiệp giáo dục đã có những tiến bộ và phát triển, nhưng cũng có một số mặt quan trọng giảm sút so với trước.

1- Hệ thống giáo dục quốc dân mới từ mầm non đến đại học được xác lập, mạng lưới trường học phát triển rộng khắp trong cả nước.

Giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo) có lúc tan vỡ từng mảng khi bước vào cơ chế thị trường nay đang được chấn chỉnh và củng cố. Hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm với chương trình và sách giáo khoa mới đã thống nhất trong cả nước. Công tác phổ cập tiểu học có tiến bộ. Các trường

chuyên, lớp chọn phát triển, chất lượng khá.

Ngành dạy nghề đã trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm các trường dạy nghề chính quy và các lớp dạy nghề không chính quy. Ngành đại học và trung học chuyên nghiệp đã bắt đầu tổ chức lại quá trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức đào tạo. Công tác đào tạo sau đại học được đẩy mạnh.

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục từ mầm non đến sau đại học được thống nhất. Công tác quản lý ngành, quản lý trường học bước đầu được đổi mới.

Những kết quả đạt được thể hiện sự nỗ lực của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, sự cố gắng của học sinh, sinh viên, sự lãnh đạo và quản lý của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể và sự đóng góp to lớn của nhân dân.

2 - Tuy nhiên so với yêu cầu phát triển của đất nước, nền giáo dục của ta còn nhiều yếu kém. Cuộc cải cách giáo dục theo Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị khóa IV (1979) đã đề ra một số chủ trương đúng cần tiếp tục kế thừa. Nhưng nghị quyết đã nêu ra một số mục tiêu quá cao, một số nội dung không thích hợp. Từ sau Đại hội VI đã có sự điều chỉnh, tuy vậy cho đến nay, mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy mô giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài chưa được chú trọng đúng mức.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp. Trình độ văn hóa, nghề nghiệp, năng lực thực hành, hiểu biết và xã hội, nhân văn của học sinh còn yếu. Một bộ phận đáng kể học sinh yếu kém về nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống. Thế

lực học sinh giảm sút. Số học sinh, sinh viên khá giỏi, xuất sắc có tăng lên nhưng số học sinh yếu kém, chất lượng thấp lại tăng nhanh hơn. Con người được đào tạo thường thiếu năng động, chậm thích nghi với nền kinh tế - xã hội đang đổi mới. Học sinh, sinh viên tốt nghiệp khó tìm việc làm.

Giáo dục trung học, giáo dục bổ túc đều giảm sút. Quy mô giáo dục đại học và chuyên nghiệp còn nhỏ bé. Giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn suy giảm nhiều so với 10 năm trước đây.

Đại bộ phận đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo và bồi dưỡng tốt, bất cập với yêu cầu đổi mới giáo dục. Đời sống của giáo viên khó khăn, nhiều người phải làm thêm, “dạy thêm” để sinh sống. Truyền thống tôn sư trọng đạo bị xói mòn, vị trí xã hội của người thầy bị hạ thấp. Ngành giáo dục không thu hút được người giỏi. Hệ thống các trường sư phạm rất yếu, chất lượng thấp. Tình trạng yếu kém của đội ngũ giáo viên và hệ thống trường sư phạm rất đáng lo ngại.

Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân còn bất hợp lý. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các trường rất nghèo nàn, nhiều trường sở xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu khoa học thiếu thốn và lạc hậu.

Công tác quản lý giáo dục chuyển biến chậm; sự phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn giữa các ngành, các cấp còn chưa được hợp lý. Việc sử dụng và quản lý các nguồn đầu tư giáo dục còn ít hiệu quả, chưa tập trung vào những hướng ưu tiên. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp thiếu được đào tạo, bồi dưỡng.

3 - Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng yếu kém và giảm sút nói trên là:

Bản thân ngành giáo dục chậm đổi mới về cơ cấu hệ thống, mục tiêu, nội dung và phương pháp, chưa làm tốt chức năng tham mưu và trách nhiệm quản lý nhà nước.

Các cấp ủy Đảng, các cơ quan nhà nước và xã hội chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của giáo dục, chưa kịp thời đề ra các chủ trương và giải pháp có hiệu quả để thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển.

Kinh tế chậm phát triển, ngân sách nhà nước dành cho giáo dục có hạn, dân số tăng nhanh, gây nhiều khó khăn lớn cho sự phát triển giáo dục.

B. Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo

**** Những quan điểm chỉ đạo***

1 - Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đã được Đại hội VII xem là quốc sách hàng đầu. Đó là một động lực thúc đẩy và là một điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Phải coi đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội. Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của Nhà nước.

2 - Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo những con người có kiến thức văn hóa, khoa học, có kỹ năng nghề nghiệp, lao động

tự chủ, sáng tạo và có kỷ luật, giàu lòng nhân ái, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, sống lành mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai. Phải mở rộng quy mô, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, gắn học với hành, tài với đức.

3 - Giáo dục phải vừa gắn chặt với yêu cầu phát triển đất nước, vừa phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Thực hiện một nền giáo dục thường xuyên cho mọi người, xác định học tập suốt đời là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi công dân.

4 - Đa dạng hóa các hình thức đào tạo. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục; người đi học phải đóng học phí, người sử dụng lao động qua đào tạo phải đóng góp chi phí đào tạo; Nhà nước có chính sách bảo đảm cho người nghèo và các đối tượng chính sách đều được đi học.

** Những chủ trương, chính sách và biện pháp lớn*

1 - Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu mới của hệ thống giáo dục quốc dân. Củng cố các trường công, chuyển một số trường công sang bán công. Khuyến khích mở các trường lớp dân lập. Cho phép mở trường lớp tư thục ở giáo dục mầm non, giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm dạy nghề và trung học chuyên nghiệp), giáo dục đại học. Không mở trường lớp tư thục ở giáo dục phổ thông. Khuyến khích mở rộng các loại hình giáo dục và đào tạo không chính quy. Khuyến khích tự học, bảo đảm cho mọi công dân trong khuôn khổ pháp luật có quyền được học, được thi, được chọn trường, chọn thầy, chọn nghề, được học tập ở trong nước và đi học ở nước ngoài.

2 - Sắp xếp lại hệ thống các trường nhằm nâng cao hiệu quả

đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Đặc biệt phải sắp xếp hợp lý các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu khoa học, gắn viện với trường, gắn công tác giáo dục đào tạo với công tác nghiên cứu khoa học.

Hình thành từng bước các trường lớp trọng điểm có chất lượng cao trong các ngành học, bậc học, cấp học; mở rộng hệ thống trường, lớp năng khiếu ở phổ thông, xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia.

Đổi mới giáo dục bổ túc và đào tạo bồi dưỡng tại chức.

3 - Phấn đấu đến năm 2000 thanh toán nạn mù chữ trong những người lao động ở độ tuổi từ 15 đến 35, tích cực thu hẹp diện người mù chữ ở độ tuổi khác, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, trước hết là đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14. Đẩy mạnh thực hiện phổ cập giáo dục cấp 2, nhất là ở các đô thị.

4 - Hình thành bậc trung học mới nhằm chuẩn bị cho một bộ phận học sinh tiếp tục học lên và đa số tốt nghiệp có thể vào đời, giáo dục kỹ năng lao động và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông theo hướng liên kết giáo dục phổ thông với giáo dục chuyên nghiệp; hình thành cấp trung học chuyên ban.

5 - Mở rộng giáo dục nghề nghiệp, từng bước hình thành nền giáo dục kỹ thuật trong xã hội, đào tạo lực lượng công nhân lành nghề bậc cao. Xây dựng các trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp; phát triển các trường, lớp dạy nghề dân lập, tư thục, khuyến khích dạy các nghề truyền thống, đãi ngộ thỏa đáng các nghệ nhân làm việc truyền nghề.

6 - Mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học. Phát triển hệ cao học, đẩy mạnh đào tạo nghiên cứu sinh.

7 - Xác định lại mục tiêu, thiết kế lại chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo cụ thể của từng bậc học, cấp học, ngành học.

Chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung nhân văn và bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học các môn khoa học, công nghệ, đặc biệt là các môn khoa học kinh tế, khoa học quản lý. Đẩy mạnh giáo dục pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ, môi trường, dân số, rèn luyện thể chất cho học sinh. Mở rộng dạy và học ngoại ngữ, tin học. Thực hiện tốt chương trình giáo dục quốc phòng.

Đổi mới phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp học, bậc học. Kết hợp tốt học với hành, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, gắn nhà trường với xã hội. Áp dụng những phương pháp giáo dục hiện đại để bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề. Chú ý bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu.

8 - Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, nghiên cứu những vấn đề về khoa học giáo dục phục vụ cho mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục.

9 - Củng cố và phát triển ngành giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và những vùng khó khăn.

Thực hiện ngay một số biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tình trạng sa sút về giáo dục ở miền núi. Củng cố và

xây dựng mới các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Coi trọng việc đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo cán bộ cho các vùng dân tộc thiểu số từ trung ương đến địa phương.

10 - Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với sự nghiệp giáo dục, quán triệt sâu sắc Nghị quyết này trong Đảng, trong các ngành, các cấp; xây dựng Đảng vững mạnh và bồi dưỡng lại cán bộ Đảng, cán bộ quản lý trong ngành giáo dục.

Nhà nước ban hành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ về giáo dục, đào tạo nói trên. Tăng dần tỷ trọng chi trong ngân sách cho giáo dục và đào tạo. Huy động các nguồn đầu tư trong nhân dân, viện trợ của các tổ chức quốc tế, kể cả vay vốn của nước ngoài để phát triển giáo dục.

Chấn chỉnh việc thu học phí. Thực hiện miễn học phí ở bậc tiểu học. Quy định diện được miễn giảm học phí, được hưởng học bổng, trợ cấp xã hội. Lập những quỹ hỗ trợ giáo dục do những tổ chức và cá nhân có khả năng ở trong và ngoài nước đóng góp, xóa bỏ những khoản đóng góp tùy tiện, không hợp lý.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, mọi gia đình và mọi người cùng với ngành giáo dục - đào tạo chăm lo xây dựng sự nghiệp giáo dục theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.

11 - Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Thực hiện chính sách khuyến khích vật chất và tinh thần

2. Thông báo số 77-TB/TW ngày 19-6-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Ngày 24-5-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nghe báo cáo “Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương về giáo dục và đào tạo” do Ban Khoa giáo Trung ương trình bày.

Tham dự buổi làm việc có các đồng chí: Nguyễn Thị Bình, Phó chủ tịch nước; Nguyễn Khánh, Phó thủ tướng Chính phủ; Trần Hồng Quân, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trần Thị Tâm Đan, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá và Giáo dục của Quốc hội và đại diện một số ban, bộ có liên quan.

Sau đây là những kết luận chính của Ban Bí thư

1. Những chuyển biến tích cực

Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư, công tác giáo dục - đào tạo đã có những chuyển biến đáng khích lệ. So với năm học 1990 - 1991, số lượng học sinh ở tất cả các cấp học, bậc học đều tăng hơn và bắt đầu có sự phát triển về quy mô. Ngoài trường công, ở một số địa phương bắt đầu phát triển nhiều loại hình trường lớp đa dạng. Các trường phổ thông dân tộc nội trú phát triển nhanh, có tác dụng tốt tới giáo dục ở vùng núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều nơi đã dành thêm kinh phí địa phương, huy động vốn trong dân để xây dựng trường học, nâng cấp hoặc xây nhiều phòng học khang trang hơn. Kỷ cương, nề nếp trong nhà trường phổ thông có chiều hướng tiến bộ.

đối với giáo viên, khuyến khích người giỏi làm nghề dạy học. Có chính sách ưu đãi đặc biệt về tiền lương và phụ cấp đối với giáo viên dạy ở những nơi khó khăn thuộc vùng cao, vùng sâu, hải đảo và một số vùng miền núi. Nhà nước có chính sách thu hút những học sinh giỏi vào học trường sư phạm; tăng mức đầu tư và tăng cường chỉ đạo để tạo ra những chuyển biến về chất ở các trường sư phạm.

Sắp xếp lại giáo viên theo chức danh và tiêu chuẩn. Kết hợp đào tạo giáo viên mới với bồi dưỡng thường xuyên những giáo viên đang làm việc.

12 - Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo.

Định rõ quyền hạn, trách nhiệm quản lý giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các Bộ và các tỉnh, thành phố, các huyện, quận và cơ sở về các khâu: quy hoạch, kế hoạch, tổ chức và cán bộ, tài chính, thanh tra và kiểm tra.

Tăng cường công tác thanh tra giáo dục của Nhà nước.

Công tác kế hoạch hóa phát triển giáo dục phải bao gồm cả hệ thống giáo dục của Nhà nước và các trường bán công, dân lập, tư thục; có cơ chế gắn liền đào tạo với sử dụng.

Đề cao trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, các sở giáo dục đào tạo đồng thời tăng cường quyền tự chủ của cơ sở, nhất là các trường đại học, mở rộng dân chủ trong nhà trường.

Khẩn trương đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp; chú trọng những cán bộ làm công tác nghiên cứu chính sách, cán bộ thanh tra giáo dục.

Các trường, lớp dạy nghề, nhất là dạy nghề ngắn hạn, phát triển khá mạnh, góp phần tích cực vào việc giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên.

Một số trường đại học đã cố gắng gắn đào tạo với sản xuất và có trường đạt những kết quả đáng kể, được xã hội thừa nhận. Ngành đại học đang trong quá trình cải cách hệ thống đào tạo; xây dựng lại mục tiêu, chương trình, nội dung sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp cho phù hợp với yêu cầu đổi mới nền kinh tế và xã hội.

Một số chương trình - mục tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có tác dụng rõ rệt như chương trình hỗ trợ giáo dục miền núi, chương trình nâng cấp cơ sở vật chất, chương trình đưa tin học vào trường phổ thông, chương trình xoá lớp học ba ca, v.v..

2. Những tồn tại chính

Tuy đạt được một số kết quả đáng khích lệ, nhưng so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sự chuyển biến của giáo dục - đào tạo nhìn chung còn chậm; nền giáo dục vẫn ở trong tình trạng yếu kém:

- Hiện nay vẫn còn khoảng 3 triệu người từ 15 đến 35 tuổi mù chữ. Trẻ em thất học trong độ tuổi từ 6 đến 14 có khoảng 2 triệu (không kể 1 triệu trẻ em hàng năm bỏ học ở bậc tiểu học). Những người mù chữ, trẻ em thất học, bỏ học chủ yếu ở vùng dân tộc ít người, vùng cao, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tiến triển chậm. Sở dĩ như vậy vì chúng ta chưa có cách làm đúng, phù hợp với truyền thống và hoàn cảnh nước ta,

chưa gây được phong trào cách mạng của quần chúng trong việc xoá mù chữ và phổ cập cấp I; có tâm lý trông chờ kinh phí của trung ương, thậm chí có hiện tượng cắt xén kinh phí dành cho giáo dục để làm việc khác. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội thiếu năng động và sáng tạo trong công tác xoá mù chữ. Việc chỉ đạo và hỗ trợ của trung ương còn dàn trải, chưa tập trung vào những đối tượng trọng điểm, vùng trọng điểm; thiếu cơ chế thu hút, động viên, khuyến khích những người biết chữ, các tổ chức xã hội, đoàn thể tham gia tích cực công tác này.

- Đội ngũ giáo viên đang thiếu về số lượng (đặc biệt ở bậc tiểu học), yếu về chất lượng, không đồng bộ. Từ trung ương tới địa phương còn thiếu quy hoạch, kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp, bậc học.

Hệ thống trường sư phạm xuống cấp trầm trọng, không đủ sức đáp ứng yêu cầu về đào tạo đội ngũ thầy giáo giỏi cho đất nước.

Tuy đời sống của giáo viên có được cải thiện, nhưng nhìn chung đại bộ phận thầy, cô giáo vẫn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng dạy học.

Hệ thống chế độ, chính sách còn có những điểm chưa hợp lý.

- Tuy có chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung giáo dục ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn ở trình độ rất thấp. Chính sách về giáo dục đối với các vùng này chưa tập trung vào mục tiêu chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; chưa đồng bộ với mục tiêu phát triển

kinh tế - xã hội; thiếu chính sách thực sự hấp dẫn giáo viên và đầu tư chưa thoả đáng đối với các vùng này.

- Việc giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cho học sinh, sinh viên chưa được coi trọng. Chất lượng chính trị chưa được xem là tiêu chuẩn quan trọng trong việc đào tạo thế hệ trẻ, kế tục sự nghiệp của lớp người đi trước.

Việc quản lý và giảng dạy các môn đạo đức ở tiểu học, giáo dục công dân ở phổ thông trung học và các môn khoa học Mác-Lênin ở đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đang gặp nhiều lúng túng cả về nội dung và phương pháp. Việc củng cố, nâng cao chất lượng giảng dạy, bồi dưỡng giáo viên các bộ môn này là yêu cầu bức thiết.

- Việc chỉ đạo thực hiện chủ trương “thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục” còn nhiều lúng túng. Các chế độ hiện hành về học bổng và học phí còn bất hợp lý, làm cho con em các gia đình nghèo không có điều kiện để tiếp tục học bậc cao.

- Số sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm chiếm 41% tổng số sinh viên mới tốt nghiệp; nhiều sinh viên làm những công việc trái với nghề được đào tạo; thiếu chính sách khuyến khích việc làm đối với các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc. Trong khi sinh viên tốt nghiệp không có việc làm thì nhiều trường, viện nghiên cứu lại thiếu cán bộ trẻ; nhiều địa phương thiếu trăm trọng cán bộ có trình độ đại học.

Để giải quyết tốt vấn đề này, cần có chính sách sử dụng sinh viên tốt nghiệp, đào tạo gắn với sử dụng.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của các trường học quá nghèo nàn và lạc hậu so với sự phát triển giáo dục của các nước trong khu vực, thua xa nền giáo dục hiện đại trên thế giới. Đại

bộ phận các trường (kể cả đại học) còn “day chay”.

- Việc sắp xếp mạng lưới các trường đại học tiến hành chậm. Nhiều vấn đề có tính chiến lược phát triển đại học còn chưa xác định rõ ràng, như: quan hệ giữa đào tạo trước mắt và lâu dài, tính cân đối trong đào tạo, giữa số lượng và chất lượng, giữa đào tạo trong nước và nước ngoài, giữa đào tạo, nghiên cứu và sản xuất, v.v..

3. Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về giáo dục - đào tạo, Ban Bí thư yêu cầu:

- Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự Đảng ở các ngành, các cấp cần tiến hành đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về giáo dục - đào tạo trong hơn một năm qua; kịp thời rút kinh nghiệm và tập trung chỉ đạo, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ hơn trong công tác giáo dục ở phạm vi trách nhiệm của mình. Tìm ra phương thức, cách làm riêng, phù hợp với truyền thống cách mạng của nhân dân ta và hoàn cảnh hiện nay của nước ta nói chung và của từng địa phương nói riêng sao cho tạo ra được phong trào cách mạng trên mặt trận giáo dục, huy động tất cả các lực lượng xã hội, các đoàn thể quần chúng, mọi gia đình và mọi người dân tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu và tiến hành xây dựng ngay một số chương trình và đề án nhằm giải quyết từng vấn đề mấu chốt của giáo dục. Chương trình và đề án nào thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì cần tổ chức triển khai thực hiện ngay.

Những chương trình và đề án còn lại cần phân làm hai loại: loại trình Chính phủ xét duyệt và chỉ đạo thực hiện; loại trình Ban Bí thư xem xét, thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo.

Các chương trình và đề án cần tập trung xử lý các vấn đề sau đây: xây dựng đội ngũ thầy giáo; rà soát lại các chế độ, chính sách đối với giáo viên, nhất là chế độ đối với những giáo viên công tác ở những vùng khó khăn; đổi mới hệ thống các trường sư phạm; xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học với những giải pháp và cách làm mới; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các bộ môn đạo đức và khoa học Mác-Lênin; nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cho học sinh, sinh viên; các chế độ học phí, học bổng, tín dụng giáo dục, sử dụng sinh viên tốt nghiệp; chiến lược và kế hoạch cụ thể đào tạo cán bộ ở nước ngoài; kế hoạch xây dựng các trường đại học quốc gia, đại học khu vực; đề án về các nguồn đầu tư cho giáo dục; sự phân công, phân cấp quản lý giáo dục...

Khi tổ chức triển khai thực hiện các chương trình và đề án về giáo dục - đào tạo, nếu xét thấy cần thiết, có thể tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc để bàn bạc.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức phối hợp thực hiện tốt những kết luận của Ban Bí thư nêu trong thông báo này.

Nghị quyết về giáo dục của Hội nghị Trung ương 4 còn phải thực hiện trong thời gian dài. Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và tích cực chuẩn bị tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này vào năm 1995.

3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) số 02 - NQ/HNTU (ngày 24-12-1996)

** Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã quyết định đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Muốn tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá thắng lợi phải phát triển mạnh giáo dục - đào tạo, phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương quyết định định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

I. Thực trạng giáo dục - đào tạo

1. Thành tựu

Từ sau Cách mạng Tháng 8-1945, mặc dù đất nước còn nghèo và có chiến tranh liên tiếp, sự nghiệp giáo dục - đào tạo nước ta đã đạt những thành tựu quan trọng.

Thực hiện Nghị quyết các Đại hội VI, VII và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, trong những năm gần đây, giáo dục - đào tạo có những mặt tiến bộ:

- *Mạng lưới trường học phát triển rộng khắp.* Hầu hết các xã trong cả nước, kể cả các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đã có trường, lớp tiểu học. Phần lớn các xã ở vùng đồng bằng có trường trung học cơ sở. Hầu hết các huyện có trường trung học phổ thông. Các tỉnh và nhiều huyện đông đồng bào dân tộc đã có hệ thống trường dân tộc nội trú.

- *Đã ngăn chặn được sự giảm sút quy mô và có bước tăng trường khá.* Năm học 1996 - 1997 cả nước có hơn 20 triệu học sinh. Giáo dục mầm non, nhất là mẫu giáo 5 tuổi, đang phát triển. Công cuộc chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học được triển khai trong cả nước. Hiện đã có 16 tỉnh, thành phố, trong đó có 3 tỉnh miền núi, 57% số huyện, 76% số xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. So với năm học 1991-1992, trong năm học 1995-1996 số học sinh phổ thông tăng 1,25 lần, sinh viên đại học tăng 2,7 lần. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học đã giảm nhiều. Giáo dục sau đại học đã đào tạo được số lượng đáng kể cán bộ có trình độ cao mà trước đây chủ yếu phải dựa vào nước ngoài. Giáo dục - đào tạo đã góp phần quan trọng nâng cao dân trí, đào tạo đội ngũ lao động có trình độ học vấn tiểu học, trung học và đội ngũ cán bộ đông đảo phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng. Trong nông nghiệp, công nghiệp và một số ngành khác, đội ngũ cán bộ và công nhân nước ta có khả năng nắm bắt và ứng dụng nhanh chóng một số công nghệ mới.

- *Chất lượng giáo dục - đào tạo có tiến bộ bước đầu trên một số mặt về các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ở bậc phổ thông và bậc đại học hệ tập trung.* Số học sinh khá giỏi, số

học sinh đạt giải trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế ngày càng tăng.

- Trong giáo dục - đào tạo đã xuất hiện một số nhân tố mới. Ở nhiều nơi đã hình thành phong trào học tập sôi nổi của cán bộ và nhân dân, nhất là thanh niên. Các loại hình trường lớp, từ phổ thông đến đại học, đa dạng hơn, tạo thêm cơ hội học tập cho nhân dân. Đã huy động được thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục - đào tạo. Các gia đình, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội đã chăm lo cho giáo dục nhiều hơn trước. Các phương tiện thông tin đại chúng đã xây dựng các chuyên mục phục vụ giáo dục - đào tạo. Hợp tác quốc tế về giáo dục - đào tạo bước đầu được mở rộng...

Nguyên nhân của các thành tựu nói trên là:

- Do đường lối giáo dục - đào tạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, chính sách đổi mới, trực tiếp là chính sách đổi mới trong giáo dục - đào tạo, thể hiện tập trung ở Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII).

- Truyền thống hiếu học của dân tộc ta được phát huy, nhu cầu học tập của dân không ngừng tăng lên. Nhân dân đóng góp rất nhiều công, của xây dựng trường lớp và chăm lo sự nghiệp giáo dục.

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và số đông học sinh, sinh viên có những cố gắng rất lớn; đại bộ phận thầy, cô giáo có tâm huyết, gắn bó với nghề. Các giáo viên ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh.

- Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân

nhận thức rõ hơn về vai trò của giáo dục đối với tương lai của đất nước, đã khắc phục nhiều khó khăn, tích cực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục.

- Những thành quả phát triển kinh tế, ổn định chính trị, nâng cao đời sống nhân dân qua mười năm đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục.

2. Yếu kém

Giáo dục - đào tạo nước ta còn nhiều yếu kém bất cập cả về quy mô, cơ cấu, và nhất là về chất lượng và hiệu quả; *chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

- Hiện nay nước ta còn 9% dân số mù chữ; chưa phổ cập được giáo dục tiểu học; tỷ lệ sinh viên trên dân số còn thấp; tỷ lệ lao động qua đào tạo mới đạt hơn 10%, nền kinh tế quốc dân còn thiếu nhiều lao động và cán bộ có tay nghề và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cao.

- Cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu xã hội và cơ cấu vùng của đội ngũ sinh viên, học sinh các trường đại học và chuyên nghiệp chưa hợp lý.

Mấy năm gần đây ở một số ngành rất cần thiết cho sự phát triển của đất nước lại có quá ít học sinh đăng ký theo học. Giáo dục chuyên nghiệp, nhất là đào tạo công nhân kỹ thuật có lúc suy giảm mạnh, mất cân đối lớn về cơ cấu trình độ trong đội ngũ lao động ở nhiều ngành sản xuất. Quy mô đào tạo nghề hiện nay vẫn quá nhỏ bé, trình độ,

thiết bị đào tạo lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Đáng quan tâm nhất là *chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo còn thấp*. Trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành, phương pháp tư duy khoa học, trình độ ngoại ngữ và thể lực của đa số học sinh còn yếu. Ở nhiều học sinh ra trường, khả năng vận dụng kiến thức vào sản xuất và đời sống còn hạn chế. Số đông sinh viên tốt nghiệp chưa có khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng trong ngành nghề và công nghệ. Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước. Đào tạo chưa gắn với sử dụng.

Một số sinh viên tốt nghiệp không chịu đi làm việc ở những vùng khó khăn, trong khi ở các thành phố còn nhiều sinh viên tốt nghiệp không có việc làm hoặc làm không đúng nghề đã được đào tạo.

- *Những biểu hiện tiêu cực, thiếu kỷ cương trong giáo dục đang có chiều hướng gia tăng*: dạy thêm và học thêm tràn lan, tốn nhiều thời gian và tiền bạc của học sinh, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển toàn diện của học sinh và quan hệ thầy trò. Ở một số trường có hiện tượng mua bán điểm và mua bán bằng, nhiều trường đã tăng quy mô tuyển sinh vượt quá khả năng đào tạo, mở quá nhiều lớp tại chức ở các địa phương mà không thực hiện đúng quy chế, đúng chương trình, không bảo đảm chất lượng đào tạo. Tệ nạn xã hội kể cả nạn nghiện hút, tiêm chích ma túy, đang thâm nhập một số trường học.

- Chưa thực hiện tốt *công bằng xã hội trong giáo dục*. Con em gia đình nghèo gặp nhiều khó khăn khi muốn học lên cao. Ở các trường đại học tỷ lệ sinh viên là con em nhà nghèo, con em xuất thân công nông, nhất là nông dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số giảm dần.

- *Đội ngũ giáo viên vừa thiếu, vừa yếu*. Năm học 1995-1996 cả nước còn thiếu gần 120.000 giáo viên phổ thông. Nhìn chung, chất lượng của đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn mới. Ở bậc đại học tỷ lệ giáo viên có trình độ sau đại học còn quá thấp và trong những năm trước mắt sẽ có tình trạng hẫng hụt, thiếu người thay thế cho các cán bộ có trình độ cao sắp nghỉ hưu. Một bộ phận giáo viên và cán bộ quản lý trong giáo dục thiếu gương mẫu về đạo đức và lối sống.

Nguyên nhân của những yếu kém nói trên là:

- *Công tác quản lý giáo dục - đào tạo có những mặt yếu kém, bất cập*. Mấy năm gần đây, có nhiều chủ trương đổi mới về giáo dục, nhưng một số chủ trương chưa được nghiên cứu, chuẩn bị chu đáo trước khi áp dụng, tổ chức thực hiện lại có nhiều thiếu sót. Mở rộng quy mô giáo dục - đào tạo và phát triển nhiều loại hình giáo dục - đào tạo nhưng có nhiều thiếu sót trong việc quản lý chương trình, nội dung và chất lượng. Công tác thanh tra giáo dục còn quá yếu, thiếu những biện pháp hữu hiệu để kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, đặc biệt là đối với các hình thức trường "mở", bán công, dân lập, tư thục và không tập trung. Chậm phát hiện và thiếu nghiêm túc trong xử lý và khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong ngành giáo dục - đào tạo.

Cơ chế quản lý của ngành giáo dục - đào tạo chưa hợp lý,

có tình trạng vừa ôm đồm sự vụ, vừa buông lỏng chức năng quản lý nhà nước; chưa thực hiện tốt sự quản lý thống nhất, giữ vững kỷ cương trong công tác giáo dục, đồng thời chưa phát huy quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương và nhà trường.

Nội dung giáo dục - đào tạo vừa thừa vừa thiếu, nhiều phần chưa gắn với cuộc sống. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức và nhân cách cũng như việc giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ bị xem nhẹ. Hiệu quả giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin bị hạn chế. Công tác giáo dục hướng nghiệp ở bậc phổ thông chưa được chú ý đúng mức.

Phương pháp giáo dục - đào tạo chậm đổi mới, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học.

- Giáo dục - đào tạo chưa kết hợp chặt chẽ với lao động sản xuất, nhà trường chưa gắn với gia đình và xã hội. Hoạt động giáo dục - đào tạo chưa gắn mật thiết với các hoạt động sản xuất và nghiên cứu khoa học. Gia đình và các tập thể, cộng đồng xã hội chưa phát huy vai trò quan trọng trong giáo dục, chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường giáo dục thế hệ trẻ, nhất là về chính trị, đạo đức, đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội và văn hoá phẩm đồi trụy cùng ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đối với trường học.

- Chính phủ và các cơ quan nhà nước chưa có những quyết định đủ mạnh về chính sách, cơ chế và biện pháp tổ chức thực hiện để thể hiện đầy đủ quan điểm coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Các chính sách đã ban hành *chưa đủ khuyến khích* nghề

dạy học và những giáo viên đến dạy ở vùng khó khăn, chưa động viên được những giáo viên dạy giỏi và giảng viên có trình độ cao. Tiền lương giáo viên chưa thoả đáng. Hệ thống các trường sư phạm tuy đã được quan tâm đầu tư hơn trước, nhưng vẫn chưa đủ sức làm tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Thiếu chính sách thu hút học sinh tốt, khá, giỏi vào học sư phạm. Tỷ lệ ngân sách đầu tư cho giáo dục còn thấp; cơ sở vật chất, phương tiện dạy và học của các trường nhìn chung chậm được cải thiện.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (trước đây) chưa thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra sâu sát việc thực hiện những mục tiêu, phương hướng, chủ trương về giáo dục - đào tạo trong Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII). Chưa có chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Không ít cấp uỷ đảng và cấp chính quyền nhận thức về vai trò của giáo dục đối với tương lai đất nước chưa đủ sâu sắc, chưa thấy hết trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp phát triển giáo dục, tuy đã chú ý đầu tư xây dựng trường sở, tăng cường trang bị phương tiện dạy và học cho các trường, tăng thu nhập cho các giáo viên... nhưng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo nội dung giáo dục, công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong giáo viên và học sinh, công tác xây dựng đảng trong nhà trường; chưa động viên được nhân dân tham gia sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Thậm chí một số nơi còn cắt xén kinh phí của giáo dục - đào tạo.

Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan cũng cần thấy những nguyên nhân khách quan như tác động của khủng

hoảng kinh tế - xã hội những năm trước, tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường.

Hiện nay sự nghiệp giáo dục - đào tạo đang *đứng trước mâu thuẫn lớn* giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh quy mô giáo dục - đào tạo, vừa phải gấp rút nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn nhiều hạn chế. Đó là mâu thuẫn trong quá trình phát triển. Những thiếu sót chủ quan, nhất là những yếu kém về quản lý đã làm cho những mâu thuẫn đó càng thêm gay gắt. Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đặc biệt là những chủ trương, giải pháp từ nay đến năm 2000 phải được thực hiện với tinh thần cách mạng sâu sắc để giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn nói trên.

II. Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá

A. Những tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá là:

1. *Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục* là nhằm xây dựng những con người và thể hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có

tác phong công nghiệp, có tinh tổ chức và kỷ luật; có sức khoẻ, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên” như lời căn dặn của Bác Hồ.

Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo, trong các chính sách, nhất là chính sách công bằng xã hội. Phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đối với giáo dục - đào tạo. Chống khuynh hướng “thương mại hoá”, đề phòng khuynh hướng phi chính trị hoá giáo dục - đào tạo. Không truyền bá tôn giáo trong trường học.

2. Thực sự coi *giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu*. Nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu tiên ưu đãi đối với giáo dục - đào tạo, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương. Có các giải pháp mạnh mẽ để phát triển giáo dục.

3. *Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và toàn dân*. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Phê phán thói lười học. Mọi người chăm lo cho giáo dục. Các cấp uỷ và tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội, các gia đình và các cá nhân đều có trách nhiệm tích cực góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể.

4. *Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.* Coi trọng cả ba mặt; mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Thực hiện giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội.

5. *Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo.* Tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Bảo đảm điều kiện cho những người học giỏi phát triển tài năng.

6. *Giữ vai trò nòng cốt của các trường công lập đi đôi với đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo,* trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý, từ nội dung chương trình, quy chế học, thi cử, văn bằng, tiêu chuẩn giáo viên, tạo cơ hội cho mọi người có thể lựa chọn cách học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mình. Phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như: mầm non, phổ thông trung học (cấp III), trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học. Mở rộng các hình thức đào tạo không tập trung, đào tạo từ xa, từng bước hiện đại hoá hình thức giáo dục.

B. Từ nay đến năm 2020 giáo dục - đào tạo nhằm các mục tiêu sau đây:

Xây dựng hoàn chỉnh và phát triển bậc học mầm non cho hầu hết trẻ em trong độ tuổi. Phổ biến kiến thức nuôi, dạy trẻ cho các gia đình.

Nâng cao chất lượng toàn diện bậc tiểu học. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 và trung học phổ thông vào năm 2020. Phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, phấn đấu giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng lãnh thổ.

Phát triển đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp, đẩy mạnh đào tạo công nhân lành nghề, bảo đảm có được nhiều nhân tài cho đất nước trong thế kỷ XXI.

Nâng cao chất lượng và bảo đảm đủ số lượng giáo viên cho toàn bộ hệ thống giáo dục. Tiêu chuẩn hoá và hiện đại hoá các điều kiện dạy và học. Phấn đấu sớm có một số cơ sở đại học và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế.

III. Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2000

1. Nhiệm vụ

- Phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục các mặt yếu kém theo hướng: *chấn chỉnh* công tác quản lý, khẩn trương lập lại trật tự, kỷ cương, kiên quyết đẩy lùi tiêu cực; *sắp xếp và củng cố* hệ thống giáo dục - đào tạo và mạng lưới trường lớp; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo; *phát triển* quy mô giáo dục - đào tạo, chuẩn bị *tiền đề* cho những bước phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XXI.

- Trên cơ sở định hướng chiến lược trình bày ở trên, tiến hành *xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo* cho thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ban hành *Luật Giáo dục*.

- Trong 5 năm này, Đảng, Nhà nước, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội và toàn dân phải tập trung sức thực hiện bằng được các nhiệm vụ nêu trên, giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm, tạo nên sự phát triển ổn định với một chất lượng được cải thiện, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho nhân dân, nhất là thanh niên.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2000

Mục tiêu chủ yếu là thực hiện giáo dục toàn diện đức dục, tri dục, thể dục, mỹ dục ở tất cả các bậc học. Hết sức coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành. Cụ thể là:

- Phát triển bậc học mầm non phù hợp với điều kiện và yêu cầu của từng nơi. Bảo đảm hầu hết trẻ 5 tuổi được học chương trình mẫu giáo lớn, chuẩn bị vào lớp 1.

- Phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước, phần lớn học sinh tiểu học được học đủ 9 môn theo chương trình quy định. Thực hiện tốt 5 điều dạy của Bác Hồ. Phổ cập trung học cơ sở ở các thành phố, đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm và những nơi có điều kiện.

- Tính chung cả nước có khoảng 60% trẻ em độ tuổi 11-15 học phổ thông trung học cơ sở. Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, ngoại ngữ, tin học ở trường trung học. Nâng cao năng lực tự học và thực hành cho học sinh.

- Thanh toán nạn mù chữ cho những người trong độ tuổi 15 - 35, thu hẹp diện mù chữ ở các độ tuổi khác, đặc biệt chú ý vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, để tất

cả các tỉnh đều đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học trước khi bước sang thế kỷ XXI.

- Tăng quy mô học nghề bằng mọi hình thức để đạt 22% - 25% đội ngũ lao động được qua đào tạo vào năm 2000. Kế hoạch đào tạo nghề phải theo sát chương trình kinh tế - xã hội của từng vùng, phục vụ cho sự chuyển đổi cơ cấu lao động, cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Tăng cường đầu tư, củng cố và phát triển các trường dạy nghề, xây dựng một số trường trọng điểm. Đào tạo đủ công nhân lành nghề cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, có tính đến nhu cầu xuất khẩu lao động.

- Nâng quy mô giáo dục đại học, cao đẳng lên 1,5 lần so với năm 1995 với cơ cấu đào tạo hợp lý, theo sát nhu cầu của sự phát triển. Tiếp tục sắp xếp lại các trường đại học. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm. Xây dựng một số trường cao đẳng cộng đồng ở các địa phương để đào tạo nhân lực tại chỗ. Tăng nhanh số người đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài.

- Mở rộng các hình thức học tập thường xuyên, đặc biệt là hình thức học từ xa. Quan tâm đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân các doanh nghiệp. Kiện toàn hệ thống trường chính trị và hành chính. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp, các ngành.

- Có hình thức trường, lớp thích hợp nhằm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xuất thân từ công nông và lao động ưu tú, con em các gia đình thuộc diện chính sách.

- Đối với miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, xóa "điểm

trắng” về giáo dục ở ấp, bản. Mở thêm các trường dân tộc nội trú và các trường bán trú ở cụm xã, các huyện, tạo nguồn cho các trường chuyên nghiệp và đại học để đào tạo cán bộ cho các dân tộc, trước hết là giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ lãnh đạo và quản lý.

IV. Những giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục - đào tạo

- Đầu tư cho giáo dục - đào tạo lấy từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực cho giáo dục - đào tạo và phải được sử dụng tập trung, ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đào tạo cán bộ cho một số ngành trọng điểm, bồi dưỡng nhân tài, trợ giúp cho giáo dục ở những vùng khó khăn và diện chính sách. Tăng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo để đạt được 15% tổng chi ngân sách vào năm 2000.

- Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách như học phí, nghiên cứu ban hành chính sách đóng góp phí đào tạo từ phía các cơ sở sử dụng lao động, huy động một phần lao động công ích để xây dựng trường sở. Khuyến khích các đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội xây dựng quỹ khuyến học. Lập quỹ giáo dục quốc gia. Phát hành sổ sổ kiến thiết để xây dựng trường học.

- Cho phép các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các viện nghiên cứu lập cơ sở sản xuất và dịch vụ khoa học đúng với ngành nghề đào tạo.

- Xây dựng và công bố công khai quy định về học phí và các

khoản đóng góp theo nguyên tắc không thu bình quân, miễn giảm cho người nghèo và người thuộc diện chính sách. Căn cứ vào nhu cầu phát triển giáo dục, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp của các tầng lớp nhân dân địa phương, hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức học phí cụ thể trong khung học phí do Chính phủ quy định cho từng khu vực và các khoản đóng góp ổn định khác. Không thu học phí ở bậc tiểu học trong các trường công lập.

- Có chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với việc xuất bản sách giáo khoa, tài liệu dạy học, sản xuất và cung ứng máy móc, đồ dùng dạy học, nhập khẩu sách, báo, tài liệu, thiết bị dạy học mà trong nước chưa sản xuất được để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

- Các ngân hàng lập quỹ tín dụng đào tạo cho con em các gia đình có thu nhập thấp, trước hết ở nông thôn và các vùng khó khăn, cho vay với lãi suất ưu đãi để có điều kiện học tập ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nhà nước quy định cơ chế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công tác đào tạo và đào tạo lại. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước giúp đỡ phát triển giáo dục - đào tạo Việt Nam. Phần tài trợ cho giáo dục - đào tạo dưới mọi hình thức sẽ được khấu trừ trước khi tính thuế lợi tức, thuế thu nhập.

- Dành ngân sách nhà nước thoả đáng để cử những người giỏi và có phẩm chất tốt đi đào tạo và bồi dưỡng về những ngành nghề và lĩnh vực then chốt ở những nước có nền

khoa học, công nghệ phát triển.

Khuyến khích đi học nước ngoài bằng con đường tự túc, hướng vào những ngành mà đất nước đang cần, theo quy định của Nhà nước.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài có khả năng về nước tham gia giảng dạy và đào tạo, mở trường học, hoặc hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước; các tổ chức và cá nhân nước ngoài có thể vào Việt Nam mở các trung tâm đào tạo quốc tế, tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Sử dụng một phần vốn vay và viện trợ của nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tích cực góp sức phát triển giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục xã hội, giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Hệ thống phát thanh truyền hình dành thời lượng thích đáng phát các chương trình giáo dục. Các ngành văn hoá, nghệ thuật thông tấn, báo chí có trách nhiệm cung cấp những sản phẩm tinh thần có nội dung tốt cho việc giáo dục thế hệ trẻ. Không để các sản phẩm văn hoá tư tưởng độc hại, các tệ nạn xã hội thâm nhập trường học. Định kỳ tổ chức hội nghị giáo dục các cấp để kiểm điểm, rút kinh nghiệm, bàn biện pháp phát triển giáo dục, khen thưởng cá nhân và đơn vị có thành tích. Thể chế hoá chủ trương xã hội hoá giáo dục đã ghi trong Nghị quyết Đại hội VIII.

Tiếp tục phát triển các trường dân lập ở tất cả các bậc học. Từng bước phát triển vững chắc các trường lớp tư thục ở giáo dục mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và đại học. Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn và quản lý thống nhất chương trình, nội dung chất lượng giảng dạy và học tập ở các trường dân lập và tư thục. Hiệu trưởng và giáo viên của các trường này đều do Nhà nước đào tạo, cấp bằng. Ở các trường dân lập, tư thục lập các tổ chức đảng và đoàn thể như trường công lập. Khung học phí của các trường dân lập, tư thục do Nhà nước quy định.

2. Xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học

Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng của giáo dục và được xã hội tôn vinh. Giáo viên phải có đủ đức, tài. Do đó phải:

- Củng cố và tập trung đầu tư nâng cấp các trường sư phạm. Xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm để vừa đào tạo giáo viên có chất lượng cao vừa nghiên cứu khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến.

- Không thu học phí và thực hiện chế độ học bổng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên ngành sư phạm. Có chính sách thu hút học sinh tốt, khá, giỏi vào ngành sư phạm. Tăng chỉ tiêu đào tạo của các trường sư phạm, đồng thời giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên một số môn học phù hợp cho các trường đại học và cao đẳng khác.

Đào tạo giáo viên gắn với địa chỉ và có chính sách sử dụng hợp lý để khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên hiện nay.

- Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuẩn hoá, nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên để đến năm 2000 có ít nhất 50% giáo viên phổ thông và 30% giáo viên đại học đạt tiêu chuẩn quy định. Ở đại học cần có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước các cán bộ phụ trách các bộ môn khoa học và giảng viên trẻ kế cận để khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ. Không bố trí người kém phẩm chất đạo đức làm giáo viên, kể cả giáo viên hợp đồng.

- Lương giáo viên được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm chế độ phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng do Chính phủ quy định. Có chế độ ưu đãi và quy định hợp lý tuổi nghỉ hưu đối với giáo viên cũng như các trí thức khác có trình độ cao.

- Có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng giá trị nguồn nhân lực được đào tạo. Trọng dụng người tài. Khuyến khích mọi người, nhất là thanh niên say mê học tập và tự tu dưỡng vì tiền đồ bản thân và tương lai đất nước.

3. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học

Rà soát lại và đổi mới một bước sách giáo khoa, loại bỏ những nội dung không thiết thực, bổ sung những nội dung cần thiết theo hướng bảo đảm kiến thức cơ bản, cập nhật với tiến bộ của khoa học, công nghệ, tăng nội dung khoa học, công nghệ ứng dụng, tăng cường giáo dục kỹ thuật tổng hợp và năng lực thực hành ở bậc học phổ thông, kỹ năng hành nghề ở khối đào tạo. Trên cơ sở một bước đổi mới và cải tiến ấy, bảo đảm sự ổn định tương đối về nội dung, chương trình, sách giáo khoa ở các cấp học cho đến năm 2000.

- Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục tư tưởng - đạo đức, lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa việc giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhà trường phù hợp với lứa tuổi và với từng bậc học. Coi trọng hơn nữa các môn khoa học xã hội và nhân văn, nhất là tiếng Việt, lịch sử dân tộc, địa lý và văn hoá Việt Nam. Soát xét lại nội dung sách giáo khoa các môn khoa học xã hội và nhân văn, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài một cách có chọn lọc, xây dựng các môn khoa học kinh tế, quản lý, luật pháp phù hợp với điều kiện nước ta và quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, văn hoá - thể thao phù hợp với lứa tuổi và với yêu cầu giáo dục toàn diện.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy - học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học, phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên.

- Chấm dứt tình trạng lớp học ba ca. Bảo đảm diện tích đất đai và sân chơi, bãi tập cho các trường theo đúng quy định của Nhà nước. Tất cả các trường phải có công trình vệ sinh hợp quy cách. Trong quy hoạch khu dân cư mới, khu công nghiệp tập trung phải có địa điểm trường học, nơi sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao cho thanh niên, thiếu niên. Ban hành chuẩn quốc gia về trường học. Tất cả các trường

phổ thông đều có tủ sách, thư viện và các trang bị tối thiểu để thực hiện các thí nghiệm trong chương trình. Sớm chấm dứt tình trạng “day chay”.

- Thay thế, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị cho các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp và đại học. Xây dựng thêm và quản lý tốt các ký túc xá của học sinh, sinh viên. Xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm và trạm sản xuất thử ở trình độ hiện đại phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Bổ sung thường xuyên vào các tạp trí chuyên ngành để các trường đại học có điều kiện tiếp cận những thành tựu của khoa học và công nghệ.

- Tổ chức các hội đồng bộ môn gồm các nhà giáo dục và khoa học đầu ngành có uy tín nhằm nghiên cứu, biên soạn, thử nghiệm nội dung, chương trình, sách giáo khoa, tài liệu, phương pháp giảng dạy, cùng danh mục thiết bị đồ dùng dạy học các môn học, các mặt hoạt động trong nhà trường của tất cả các bậc học sẽ áp dụng sau năm 2000.

A. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường công tác dự báo và kế hoạch hoá sự phát triển giáo dục. Đưa giáo dục vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương. Có chính sách điều tiết quy mô và cơ cấu đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay. Gắn đào tạo với sử dụng. Đối với miền núi và các vùng khó khăn, các lĩnh vực và ngành nghề cần thiết tiếp tục thực hiện chính sách cử tuyển để đào tạo theo địa chỉ. Xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo với cơ quan

quản lý nhân lực và việc làm. Khuyến khích thành lập các tổ chức thông tin tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh chọn ngành nghề và tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Ban hành chế độ nghĩa vụ công tác sau khi tốt nghiệp các trường.

- Quy định lại chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo theo hướng tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước, xây dựng hoàn thiện các chính sách, cơ chế về giáo dục - đào tạo, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chương trình và chất lượng. Sớm ban hành Luật Giáo dục và các văn bản dưới luật (điều lệ các loại trường, trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý giáo dục - đào tạo, quy định hệ thống chuẩn kiến thức...). Nhanh chóng cải tiến các hình thức thi và đánh giá. Sớm có kết luận về một số chủ trương như phân ban ở bậc phổ thông trung học, đào tạo hai giai đoạn ở bậc đại học... Trong lúc chưa có kết luận, không mở rộng các chủ trương đó. Không tổ chức lớp chọn ở các cấp học. Không tổ chức trường chuyên ở tiểu học và trung học cơ sở, trừ các trường năng khiếu về nghệ thuật và thể thao.

- Xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục. Trong năm 1997 tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng tiêu cực trong thi, tuyển sinh, bảo vệ luận án, cấp bằng. Có biện pháp sớm chấm dứt tình trạng thu tiền của học sinh không chính thức, không công khai và tình trạng dạy thêm tràn lan.

- Đổi mới cơ chế quản lý, bồi dưỡng cán bộ, sắp xếp, chấn chỉnh và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giáo dục - đào tạo. Hoàn thiện hệ thống thanh tra giáo dục, tăng cường cán bộ thanh tra tập trung vào thanh tra chuyên môn.

- Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, tận dụng tối ưu năng lực của đội ngũ và cơ sở vật chất hiện có. Rút kinh nghiệm việc tổ chức các đại học quốc gia và đại học khu vực, làm tốt việc xây dựng một số trường đại học quốc gia lớn, một số trung tâm đào tạo kỹ thuật có chất lượng và uy tín cao. Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống. Hết sức quan tâm quản lý tốt nội dung và chất lượng đào tạo của các đại học mở, đại học dân lập và các loại hình không chính quy.

- Coi trọng hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học giáo dục nhằm giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn trong giáo dục và phổ biến các tri thức khoa học giáo dục thường thức đến các gia đình. Các chủ trương, chính sách về giáo dục, những đổi mới về nội dung, quy trình, phương pháp giáo dục, đánh giá, thi... đều phải dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng và trải qua thực nghiệm, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đưa vào nhà trường theo đúng quy định.

- Thành lập Hội đồng quốc gia giáo dục với nhiệm vụ cấp bách trước mắt là giúp Chính phủ tổng kết công cuộc đổi mới về giáo dục và soạn thảo chiến lược giáo dục - đào tạo.

- Phân cấp cho uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý toàn diện giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, có thể cả một số trường cao đẳng. Phát triển các trường lớp đào tạo cán bộ và công nhân chuyên ngành ở các tổng công ty, các doanh nghiệp. Tổ chức thi điểm mô hình gắn đào tạo với

ngiên cứu triển khai trong một số doanh nghiệp lớn. Định rõ trách nhiệm, tăng thêm quyền chủ động cho các cơ sở đào tạo nhất là các trường đại học.

- Tiếp tục đổi mới và mở rộng quan hệ trao đổi và hợp tác giáo dục - đào tạo với nước ngoài.

V. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục - đào tạo

- Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo kịp thời thể chế hoá và thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu phát triển giáo dục - đào tạo từ nay đến năm 2000; chỉ đạo tổng kết đổi mới giáo dục - đào tạo và xây dựng chiến lược giáo dục - đào tạo trình Bộ Chính trị.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo sớm hoàn thiện dự án Luật Giáo dục trình Quốc hội.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận tổ chức phong trào toàn dân học tập tham gia làm giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh ở từng địa phương, trước hết trong đoàn thể mình.

- Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo cần kiểm điểm làm rõ phần trách nhiệm của mình về những yếu kém của giáo dục - đào tạo, sớm chấn chỉnh công tác quản lý ngành, có chương trình hành động cụ thể tổ chức thực hiện nghị quyết. Các cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng các bộ, ngành, đảng đoàn các đoàn thể có liên quan nhiều đến giáo dục - đào tạo cũng phải làm như vậy.

- Các cấp uỷ đảng từ tỉnh, thành phố, đến cơ sở tổ chức cho đảng viên, nhân dân quán triệt Nghị quyết này, cùng với xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết; kiện toàn bộ máy tham mưu và bộ máy quản lý giáo dục - đào tạo, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chủ trương về giáo dục - đào tạo, đặc biệt là kiểm tra công tác chính trị, tư tưởng và việc xây dựng nền nếp kỷ cương trong các trường học, phát hiện và giải quyết dứt điểm các biểu hiện tiêu cực trong giáo dục - đào tạo. Từng thời gian nhất định cấp uỷ nghe báo cáo, cho ý kiến chỉ đạo để phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở địa phương. Từ nay, khi xét công nhận đảng bộ trong sạch vững mạnh phải coi việc quan tâm phát triển giáo dục - đào tạo, tổ chức học tập bồi dưỡng cho cán bộ là một tiêu chuẩn không thể thiếu.

- Tăng cường xây dựng và củng cố tổ chức đảng để thật sự trở thành hạt nhân lãnh đạo trong các trường học. Tích cực phát triển đảng trong trường học, trước hết trong đội ngũ giáo viên, bảo đảm trường phổ thông nào cũng có đảng viên, có chi bộ. Trường đại học nào cũng có đảng bộ. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, cán bộ, công nhân, viên chức và học sinh, phát huy vai trò công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong, Hội thanh niên học sinh - sinh viên, Hội phụ huynh học sinh, Hội khuyến học và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

- Ban Khoa giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị làm đầu mối thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến bổ sung, uốn nắn,

điều chỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

4. Trích phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) (ngày 16 tháng 12 năm 1996)

“...Điều đáng quan tâm là quan điểm của Đảng coi giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là **quốc sách hàng đầu** đến nay vẫn chưa được nhận thức sâu sắc và chưa được cụ thể hoá đầy đủ bằng các chủ trương, chính sách của Nhà nước, bằng các biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện sâu sát của các ngành, các cấp. Hội nghị Trung ương lần này cần thảo luận và có những quyết định hữu hiệu khắc phục tình hình trên.

Đảng và Nhà nước cần tập trung mọi cố gắng, dành ưu tiên cao nhất cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, thể hiện trên các mặt **chính sách, đội ngũ cán bộ và tổ chức quản lý**. Các cấp uỷ đảng và mỗi đảng viên phải quán triệt sâu sắc quan điểm cơ bản này trong mọi lĩnh vực hoạt động. Các tổ chức đảng phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động của mình.

Từ khi thành lập đến nay, trong mọi thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn luôn dựa vào dân. Nghị quyết của Đảng phải biến thành hành động cách mạng của toàn dân, tạo nên động lực cho hoạt động của mỗi người lao động. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khoá V) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khoá VI) về “khoán” trong nông nghiệp là một thí dụ điển hình, hợp quy luật, thuận lòng dân, đã động viên, cổ vũ nông dân cả nước hăng hái phát triển sản xuất, mang lại

những thành tựu chưa từng có trong nông nghiệp nước ta. Lần này cũng vậy, phải làm sao cho Nghị quyết Trung ương 2 khi triển khai vào thực tiễn sẽ cổ vũ toàn dân trên mọi lĩnh vực, ở khắp các địa bàn trong cả nước, động viên đội ngũ thầy, cô giáo, cán bộ khoa học, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp... tiến quân vào khoa học, công nghệ, làm cho việc phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ trở thành **sự nghiệp của toàn dân**. Nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, nhanh chóng đưa những kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, gắn lý thuyết với thực hành, gắn nghiên cứu với ứng dụng, tạo ra hiệu quả cao trong toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Nguồn động lực của đội ngũ lao động khoa học, công nghệ và nguồn động lực của toàn dân trong hoạt động kinh tế - xã hội dựa vào khoa học, công nghệ sẽ kết hợp chặt chẽ, tạo nên sức mạnh to lớn của phong trào quần chúng...

... Bước vào thời kỳ mới, chúng ta phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, phát huy đầy đủ năng lực nội sinh của dân tộc, lấy phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ làm yếu tố cơ bản, coi đó là **khâu đột phá**. Đảng ta cần đổi mới và tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hai lĩnh vực này, trước hết là xác định các quan điểm chỉ đạo và những định hướng chiến lược về mục tiêu và giải pháp cho đến các năm 2000, 2010 và 2020.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược mà Đại hội VIII đã đề ra, cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó **nguồn lực con người** là quý báu nhất, có vai trò

quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp.

Nguồn lực đó là người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại. Giáo dục phải làm tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, đội ngũ lao động cho khoa học và công nghệ.

Đề nghị các đồng chí khi thảo luận đặc biệt quan tâm để xuất những **chủ trương, chính sách và biện pháp** bảo đảm cho giáo dục đào tạo và khoa học, công nghệ thật sự là quốc sách hàng đầu. Chúng ta chỉ có thể phát triển kinh tế - xã hội một cách lành mạnh và bền vững bằng việc chăm lo phát triển giáo dục với tốc độ nhanh hơn, chất lượng tốt hơn, hiệu quả lớn hơn và bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục.

Phải coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cơ bản quan trọng nhất cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Gắn chiến lược phát triển giáo dục với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và cả hai đều phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới nền giáo dục với cách làm thích hợp, trên các mặt tổ chức và quản lý, dạy và học, nghiên cứu và ứng dụng. Quan tâm thích đáng đến cả mặt bằng lẫn đỉnh cao dân trí, coi trọng giáo dục nhân cách, lý tưởng và đạo đức, trí lực và thể lực; gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn. Ra sức phấn đấu xây dựng một nền giáo dục tiên tiến có quy mô, trình độ và cơ cấu ngành nghề hợp lý. Đó là nền giáo dục thấm nhuần sâu sắc **tính nhân dân, tính dân tộc và tính hiện đại**.

Đi đôi với truyền thụ kiến thức, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho học sinh, sinh viên; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong nhà trường. Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin; nghiên cứu biên soạn chương trình giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường học; coi trọng giáo dục về lịch sử, văn hiến Việt Nam; giới thiệu tinh hoa văn hoá nhân loại cho thế hệ trẻ; tổ chức tốt việc biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam.

Giáo dục, đào tạo phải theo hướng cân đối giữa “dạy người”, dạy chữ, dạy nghề, trong đó “dạy người” là mục tiêu cao nhất như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có bản lĩnh vững vàng, có tư duy sáng tạo và năng lực thực hành giỏi, có chí học tập, rèn luyện để lập thân, lập nghiệp, vững vàng tiếp bước các thế hệ đi trước, góp phần đưa đất nước đến hưng thịnh, phú cường.

Từ nay đến năm 2000, phấn đấu hoàn thành xóa mù chữ trong toàn quốc và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở hầu hết các địa phương, tiến tới cơ bản phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào khoảng năm 2010. Phát triển mạnh giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên mà trọng tâm là đào tạo công nhân lành nghề có khả năng tiếp thụ và ứng dụng các loại công nghệ thích hợp, kể cả công nghệ hiện đại. Khuyến khích và hướng dẫn dạy nghề tại các doanh nghiệp. Mở rộng quy mô với cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân

lực có trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài. Phấn đấu tạo điều kiện đưa nền giáo dục nước ta đi trước một bước thích hợp so với phát triển kinh tế để sớm tiếp cận trình độ học vấn của nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Phát triển giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, của Nhà nước và mỗi cộng đồng, của từng gia đình và mỗi công dân. Kết hợp tốt giáo dục học đường với giáo dục gia đình, giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; người lớn làm gương cho con trẻ noi theo. Phát động phong trào rộng khắp toàn dân học tập, người người đi học, học ở trường, lớp và tự học suốt đời; người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít; mỗi người phải không ngừng tự nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa. Tiếp tục đa dạng hoá các hình thức giáo dục và các loại hình trường lớp phù hợp với đòi hỏi của tình hình mới, với nhu cầu học tập của tuổi trẻ và của toàn xã hội.

Hiện nay là thời đại của những giá trị nhân văn tốt đẹp, của trí tuệ cao và của những “bàn tay vàng”, nguồn gốc trực tiếp tạo ra của cải vật chất và văn hoá, tinh thần có chất lượng cao. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải có con người rất mực trung thành, giàu lòng yêu nước, có trình độ kiến thức hiện đại và kỹ năng thành thạo, có khả năng làm ra những sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Ngành giáo dục phải thực sự cầu thị, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém, nâng cao năng lực tổ chức và quản lý, đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển giáo dục. Nghiên cứu ứng dụng những

phương thức và phương pháp giáo dục và đào tạo mới ở tất cả các bậc học, sao cho giáo dục không chỉ là truyền thụ kiến thức mà quan trọng hơn là phải khơi dậy tính chủ động và tiềm năng sáng tạo to lớn trong mỗi con người nhằm phát triển toàn diện bản thân và đóng góp tốt hơn cho sự phát triển của đất nước.

Khâu then chốt để thực hiện chiến lược phát triển giáo dục là phải đặc biệt chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn hoá đội ngũ giáo viên cũng như cán bộ quản lý giáo dục cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Ưu tiên xây dựng các trường sư phạm và có chính sách thu hút người giỏi vào ngành sư phạm. Phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo”, sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi ngộ theo tài năng và cống hiến với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, một trong những vấn đề quan trọng mà Trung ương cần thảo luận và quyết định là những giải pháp khả thi đối với những điều rất cơ bản, rất hợp lý được ghi trong những nghị quyết của Bộ Chính trị và của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI và khoá VII nhưng đến nay chưa được thực hiện hoặc chưa thực hiện tốt, cũng như đối với các chủ trương mới được đặt ra tại Hội nghị lần này.

Hơn lúc nào hết, xã hội đang rất quan tâm đến giáo dục, đòi hỏi có những giải pháp đủ mạnh để kiên quyết và nhanh chóng khắc phục những tiêu cực đang có chiều hướng gia tăng trong học đường. Đảng ta phải đáp ứng yêu cầu đó của nhân dân.

Trong quá trình vươn tới mục tiêu nhân bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng phải nêu cao quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục, thực hiện công bằng xã hội để con em người nghèo và các đối tượng trong diện chính sách cũng có điều kiện đến trường, ai cũng có cơ hội hưởng quyền được học tập thường xuyên, được đào tạo suốt đời. Kết hợp sự phát triển có trọng điểm về giáo dục, đào tạo với sự phát triển giáo dục, đào tạo ở các vùng lãnh thổ, tránh gây nên sự chênh lệch xa về nhịp độ và trình độ giữa các vùng. Xây dựng tốt các trường dân tộc nội trú, các trường công nông, tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc thiểu số và gia đình công nông có điều kiện học tập lên trình độ cao hơn.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền và đoàn thể phải thường xuyên chăm lo phát triển giáo dục; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ thầy, cô giáo về chính trị, tư tưởng, chuyên môn, đời sống; chăm lo công tác xây dựng đảng và các đoàn thể trong nhà trường; làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục và kết nạp những giáo viên, sinh viên ưu tú vào Đảng; thường xuyên đưa những vấn đề về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ vào chương trình nghị sự trong sinh hoạt của cấp mình.

Vấn đề hàng đầu hiện nay là phải tìm ra động lực cho người dạy và người học, sao cho người dạy nêu cao trách nhiệm trước thế hệ trẻ, toàn tâm, toàn ý với nhiệm vụ của mình, phấn đấu vươn lên đáp ứng những tiêu chuẩn về chính trị, tư tưởng, đạo đức, chuyên môn của người thầy giáo trong chế độ mới; còn người học thì chăm lo hoàn thiện nhân cách, hăng say, miệt mài học tập tiếp thu tri thức

khoa học để trở thành những công dân hữu ích đối với xã hội. Theo tinh thần đó, kỳ họp Trung ương lần này cần xem xét điều chỉnh thang bậc lương cho giáo dục, đề ra chính sách khuyến khích thanh niên có tài năng theo học ngành sư phạm và có phụ cấp thích đáng để động viên các thầy, cô giáo bám trụ ở những nơi xa xôi, hẻo lánh, mang ánh sáng văn hoá đến từng người dân. Mặt khác, Trung ương cũng phải bàn những biện pháp để quản lý tốt lĩnh vực giáo dục, kiểm tra được chất lượng giáo dục, thống nhất chương trình, nội dung sách giáo khoa trong cả nước, hướng trường học đi vào trật tự, kỷ cương, nề nếp...

... Trong lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã tỏ rõ khí phách anh hùng, phát huy cao nhất lòng yêu nước, trí thông minh và tinh thần dũng cảm, xây dựng nên truyền thống **Nhân, Trí, Dũng** của dân tộc ta. Đây là phẩm chất toàn vẹn mà Bác Hồ thường xuyên chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính Người là bậc Đại nhân, Đại trí, Đại dũng, biểu tượng tập trung của truyền thống đó.

Nhân là lòng nhân ái, nghĩa tình, yêu nước, thương dân, là tinh thần đại đoàn kết toàn dân, triệu người như một, là tình cảm thiết tha, mãnh liệt đối với Tổ quốc, đồng bào: “Trung với nước, hiếu với dân”.

Trí là sự sáng suốt, minh mẫn trong nhận thức, sự hiểu biết về tự nhiên và xã hội, trí thông minh, tài năng sáng tạo; kế thừa và phát huy trí tuệ của dân tộc, tiêu biểu là tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp thụ tinh hoa của loài người mà đỉnh cao là học thuyết Mác - Lênin để vận dụng một cách phù hợp vào điều kiện của đất nước.

Dũng là ý chí bất khuất quật cường, tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc ta, là lòng dũng cảm đương đầu với mọi thách thức, vượt qua mọi trở ngại: “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua...”.

Chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ chính là nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống Nhân, Trí, Dũng, nhân lên gấp bội sức mạnh của cả dân tộc trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xoá bỏ lạc hậu, nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, biến lý tưởng mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội thành hiện thực.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết phát huy truyền thống của tổ tiên, thực hành nhân nghĩa, rèn luyện lòng dũng cảm, nêu cao tinh thần hiếu học, thực hiện bằng được sự nghiệp trọng đại phát triển giáo dục và khoa học, nâng trí tuệ dân tộc lên tầm cao thời đại, đưa đất nước bước vào thiên niên kỷ mới, sánh vai cùng bầu bạn khắp năm châu như Bác Hồ kính yêu hằng mong ước...”

5. Luật Giáo dục (Luật số 11/1998/QH10 ngày 2-12-1998)

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân;

Để phát triển sự nghiệp giáo dục, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động giáo dục.

CHƯƠNG I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Luật giáo dục

Luật giáo dục quy định về hệ thống giáo dục quốc dân; nhà trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, của lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục.

Điều 2. Mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 3. Tính chất, nguyên lý giáo dục

1. Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa

có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.

2. Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Điều 4. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục

1. Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại và có hệ thống; coi trọng giáo dục tư tưởng và ý thức công dân; bảo tồn và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý lứa tuổi của người học.

2. Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng năng lực tự học, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.

3. Nội dung, phương pháp giáo dục phải được thể hiện thành chương trình giáo dục; chương trình giáo dục phải được cụ thể hoá thành sách giáo khoa, giáo trình. Chương trình giáo dục, sách giáo khoa, giáo trình phải phù hợp với mục tiêu giáo dục của từng bậc học, cấp học và từng trình độ đào tạo, bảo đảm tính ổn định và tính thống nhất.

Điều 5. Ngôn ngữ dùng trong nhà trường

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường.

2. Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Việc dạy và học

tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 6. Hệ thống giáo dục quốc dân

Hệ thống giáo dục quốc dân gồm:

1. Giáo dục mầm non có nhà trẻ và mẫu giáo;
2. Giáo dục phổ thông có hai bậc học là bậc tiểu học và bậc trung học; bậc trung học có hai cấp học là cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông;
3. Giáo dục nghề nghiệp có trung học chuyên nghiệp và dạy nghề;
4. Giáo dục đại học đào tạo hai trình độ là trình độ cao đẳng và trình độ đại học; giáo dục sau đại học đào tạo hai trình độ là trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

Phương thức giáo dục gồm giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy.

Điều 7. Văn bằng, chứng chỉ

1. Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học sau khi tốt nghiệp bậc học, cấp học hoặc trình độ đào tạo theo quy định của Luật này.

Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân gồm bằng tốt nghiệp tiểu học, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp đào tạo nghề, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ.

2. Chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho

người học để xác nhận kết quả học tập sau khi được đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp.

Điều 8. Phát triển giáo dục

Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học - công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền; mở rộng quy mô trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả; kết hợp giữa đào tạo và sử dụng.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, bảo đảm điều kiện để những người học giỏi phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật và đối tượng hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình.

Điều 10. Phổ cập giáo dục

1. Nhà nước quyết định kế hoạch và trình độ giáo dục phổ cập, có chính sách bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước.

2. Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.

3. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên trong độ tuổi quy định của gia đình mình được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.

Điều 11. Xã hội hoá sự nghiệp giáo dục

Mọi tổ chức, gia đình và công dân đều có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; thực hiện đa dạng hoá các loại hình nhà trường và các hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Điều 12. Đầu tư cho giáo dục

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển.

Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục.

Ngân sách nhà nước phải giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

Điều 13. Quản lý nhà nước về giáo dục

Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn nhà giáo, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng.

Điều 14. Vai trò của nhà giáo

Nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục.

Nhà giáo phải không ngừng học tập, rèn luyện nêu gương tốt cho người học.

Nhà nước tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; có chính sách bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện nhiệm vụ của mình; giữ gìn và phát huy truyền thống quý trọng nhà giáo, tôn vinh nghề dạy học.

Điều 15. Nghiên cứu khoa học

1. Nhà nước tạo điều kiện cho nhà trường tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến khoa học, công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và phục vụ xã hội, từng bước thực hiện vai trò trung tâm văn hoá, khoa học, công nghệ của địa phương hoặc của cả nước.

2. Trường cao đẳng, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất có trách nhiệm phối hợp trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến khoa học giáo dục. Các chủ trương, chính sách về giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Điều 16. Không truyền bá tôn giáo trong các trường, cơ sở giáo dục khác

Không truyền bá tôn giáo, tiến hành các nghi thức tôn giáo

trong các trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, của lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 17. Cấm lợi dụng các hoạt động giáo dục

Cấm lợi dụng các hoạt động giáo dục để xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, phá hoại thuần phong mỹ tục, truyền bá mê tín, hủ tục, lôi kéo người học vào các tệ nạn xã hội.

Cấm mọi hành vi thương mại hoá hoạt động giáo dục.

CHƯƠNG II

Hệ thống giáo dục quốc dân

Mục 1

Giáo dục mầm non

Điều 18. Giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

Điều 19. Mục tiêu của giáo dục mầm non

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

Điều 20. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non

1. Nội dung giáo dục mầm non phải bảo đảm hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo và người trên; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.
2. Phương pháp chủ yếu trong giáo dục mầm non là thông qua việc tổ chức các hoạt động vui chơi để giúp trẻ em phát triển toàn diện; chú trọng việc nêu gương, động viên, khích lệ.

Điều 21. Cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non gồm:

1. Nhà trẻ, nhóm trẻ nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi;
2. Trường, lớp mẫu giáo nhận trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi;
3. Trường mầm non là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và trường mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.

Mục 2

Giáo dục phổ thông

Điều 22. Giáo dục phổ thông

Giáo dục phổ thông gồm:

1. Giáo dục tiểu học là bậc học bắt buộc đối với mọi trẻ em từ 6 đến 14 tuổi; được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi;
2. Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải có bằng tốt nghiệp tiểu học, có tuổi là mười một tuổi;
3. Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có tuổi là mười lăm tuổi.

Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định những trường hợp có thể bắt đầu học ở tuổi cao hơn tuổi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 23. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có trình độ học vấn phổ thông cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Điều 24. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục phổ thông

1. Nội dung giáo dục phổ thông phải bảo đảm tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và hệ thống; gắn với thực tiễn cuộc sống, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở mỗi bậc học, cấp học.

Giáo dục tiểu học phải bảo đảm cho học sinh có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kỹ năng cơ bản về nghe, đọc, nói, viết và tính toán; có thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát, múa, âm nhạc, mỹ thuật.

Giáo dục trung học cơ sở phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có những hiểu biết phổ thông cơ bản về tiếng Việt, toán, lịch sử dân tộc; kiến thức khác về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; có những hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp.

Giáo dục trung học phổ thông phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung giáo dục phổ thông. Ngoài nội dung chủ yếu nhằm bảo đảm chuẩn kiến thức phổ thông, cơ bản, toàn diện và hướng nghiệp cho mọi học sinh còn có nội dung nâng cao ở một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của học sinh.

2. Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.

3. Nội dung, phương pháp giáo dục phổ thông được thể hiện thành chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định ban hành.

Điều 25. Sách giáo khoa

1. Sách giáo khoa phải thể hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, cụ thể hoá nội dung, phương pháp giáo dục quy định trong chương trình giáo dục của từng bậc học, cấp học, lớp học.

2. Sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn và duyệt trên cơ sở thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa để sử dụng chính thức, thống nhất, ổn định trong giảng dạy, học tập ở nhà trường và các cơ sở giáo dục khác.

3. Nhà nước quản lý việc xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa.

Điều 26. Cơ sở giáo dục phổ thông

Cơ sở giáo dục phổ thông gồm:

1. Trường tiểu học;
2. Trường trung học cơ sở;
3. Trường trung học phổ thông;
- 4. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

Điều 27. Văn bằng giáo dục phổ thông

1. Học sinh học hết chương trình tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

2. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) cấp bằng tốt nghiệp tiểu học.

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

Mục 3

Giáo dục nghề nghiệp

Điều 28. Giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp gồm:

1. Trung học chuyên nghiệp được thực hiện từ ba đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;
2. Dạy nghề dành cho người có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học; được thực hiện dưới một năm đối với các chương trình dạy nghề ngắn hạn, từ một đến ba năm đối với các chương trình dạy nghề dài hạn.

Điều 29. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Giáo dục trung học chuyên nghiệp nhằm đào tạo kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp.

Dạy nghề nhằm đào tạo người lao động có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phổ thông, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ.

Điều 30. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục nghề nghiệp

1. Nội dung giáo dục nghề nghiệp phải tập trung vào đào tạo năng lực nghề nghiệp, coi trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ học vấn theo yêu cầu đào tạo.
2. Phương pháp giáo dục nghề nghiệp phải kết hợp giảng dạy lý thuyết với rèn luyện kỹ năng thực hành, bảo đảm để sau khi tốt nghiệp người học có khả năng hành nghề.
3. Nội dung, phương pháp giáo dục nghề nghiệp phải được thể hiện thành chương trình giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ chuyên ngành quy định chương trình khung về giáo dục trung học chuyên nghiệp gồm cơ cấu nội dung, số môn học, thời lượng các môn học, tỷ lệ thời gian giữa lý thuyết và thực hành, thực tập đối với từng ngành, nghề đào tạo. Căn cứ vào chương trình khung, trường trung học chuyên nghiệp xác định chương trình giáo dục của trường mình.

Cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề quy định về nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình dạy nghề.

Điều 31. Giáo trình trung học chuyên nghiệp, giáo trình dạy nghề dài hạn

1. Giáo trình trung học chuyên nghiệp, giáo trình dạy nghề dài hạn phải thể hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, cụ thể hoá nội dung, phương pháp giáo dục quy định trong chương trình giáo dục trung học chuyên nghiệp, chương trình dạy nghề dài hạn.
2. Giáo trình trung học chuyên nghiệp, giáo trình dạy nghề

dài hạn do Hiệu trưởng nhà trường tổ chức biên soạn và duyệt trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong nhà trường.

Điều 32. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm:

- a) Trường trung học chuyên nghiệp;
- b) Trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề).

2. Cơ sở dạy nghề có thể được tổ chức độc lập hoặc gắn với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở giáo dục khác.

Điều 33. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp

1. Học sinh học hết chương trình trung học chuyên nghiệp, chương trình dạy nghề dài hạn, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tốt nghiệp.

Học sinh học hết chương trình dạy nghề ngắn hạn, chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề tại các trường trung học chuyên nghiệp, có đủ điều kiện theo quy định được dự kiểm tra để lấy chứng chỉ.

2. Hiệu trưởng trường trung học chuyên nghiệp cấp bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp đào tạo nghề, chứng chỉ nghề.

Hiệu trưởng trường dạy nghề cấp bằng tốt nghiệp đào tạo nghề, chứng chỉ nghề; Giám đốc trung tâm dạy nghề cấp chứng chỉ nghề.

Mục 4

Giáo dục đại học và sau đại học

Điều 34. Giáo dục đại học và sau đại học

Giáo dục đại học và sau đại học gồm:

1. Giáo dục đại học đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ đại học:

a) Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện trong ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp;

b) Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp; từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

2. Giáo dục sau đại học đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ:

a) Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện trong hai năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong bốn năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm đối với người có bằng thạc sĩ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ có thể được kéo dài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Chính phủ quy định cụ thể việc đào tạo sau đại học ở một số ngành chuyên môn đặc biệt.

Điều 35. Mục tiêu của giáo dục đại học và sau đại học

Mục tiêu của giáo dục đại học và sau đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản về một ngành nghề, có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về một ngành nghề, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Đào tạo trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề khoa học - công nghệ và hướng dẫn hoạt động chuyên môn.

Điều 36. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục đại học và sau đại học

Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục đại học và sau đại học được quy định như sau:

1. Đối với giáo dục đại học:

a) Nội dung giáo dục đại học phải có tính hiện đại và phát triển, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa kiến thức khoa học cơ bản với kiến thức chuyên ngành và các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hoá dân tộc; tương ứng với trình độ chung của khu vực và thế giới.

Đào tạo trình độ cao đẳng phải bảo đảm cho sinh viên có những kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành cần thiết; chú trọng rèn luyện kỹ năng cơ bản và năng lực thực hiện công tác chuyên môn.

Đào tạo trình độ đại học phải bảo đảm cho sinh viên có những kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh; có phương pháp làm việc khoa học; có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn;

b) Phương pháp giáo dục đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng;

c) Nội dung, phương pháp giáo dục đại học phải được thể hiện thành chương trình giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình khung gồm cơ cấu nội dung các môn học, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các môn học cơ bản và chuyên ngành; giữa lý thuyết với thực hành, thực tập. Căn cứ vào chương trình khung, trường cao đẳng, trường đại học xác định chương trình giáo dục của trường mình.

2. Đối với giáo dục sau đại học:

a) Nội dung giáo dục sau đại học phải giúp cho người học phát triển và hoàn thiện kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành, các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy năng lực sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng đóng góp vào sự phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế - xã hội của đất nước.

Đào tạo trình độ thạc sĩ phải bảo đảm cho học viên được bổ sung và nâng cao những kiến thức đã học ở trình độ đại học; tăng cường kiến thức liên ngành; có đủ năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành của mình.

Đào tạo trình độ tiến sĩ phải bảo đảm cho nghiên cứu sinh nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức cơ bản; có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có đủ năng lực tiến hành độc lập công tác nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong công tác chuyên môn.

b) Phương pháp đào tạo thạc sĩ được thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng việc phát huy năng lực thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

Phương pháp đào tạo tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

c) Nội dung, phương pháp giáo dục các môn học, chuyên đề, luận văn, luận án theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 37. Giáo trình cao đẳng, giáo trình đại học

1. Giáo trình cao đẳng, giáo trình đại học phải thể hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, cụ thể hoá nội dung, phương pháp giáo dục quy định trong chương trình đào tạo của trường cao đẳng, trường đại học.

2. Nhà nước có chính sách bảo đảm để các trường cao đẳng, trường đại học có đủ giáo trình chủ yếu.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức biên soạn và duyệt các giáo trình sử dụng chung cho các trường cao đẳng, trường đại học. Giáo trình cao đẳng, giáo trình đại học theo chuyên ngành của từng trường do Hiệu trưởng trường cao đẳng, trường đại học tổ chức biên soạn và duyệt trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong nhà trường.

Điều 38. Cơ sở giáo dục đại học và sau đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học và sau đại học gồm:

a) Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng;

b) Trường đại học đào tạo trình độ cao đẳng, đại học; đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ khi được Thủ tướng Chính phủ giao;

c) Viện nghiên cứu khoa học đào tạo trình độ tiến sĩ, phối hợp với trường đại học đào tạo trình độ thạc sĩ khi được

Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Mô hình tổ chức cụ thể của các loại trường đại học do Chính phủ quy định.

Điều 39. Văn bằng giáo dục đại học và sau đại học

1. Sinh viên học hết chương trình cao đẳng, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng.

Sinh viên học hết chương trình đại học, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi hoặc bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tốt nghiệp đại học.

Bằng tốt nghiệp đại học của ngành kỹ thuật được gọi là bằng kỹ sư, của ngành kiến trúc là bằng kiến trúc sư, của ngành y tế là bằng bác sĩ, bằng dược sĩ, của các ngành khoa học cơ bản, sư phạm, luật, kinh tế là bằng cử nhân; đối với các ngành còn lại là bằng tốt nghiệp đại học.

2. Học viên hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được bảo vệ luận văn và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng thạc sĩ.

Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được bảo vệ luận án và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tiến sĩ.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tiến sĩ.

Đối với bằng thạc sĩ, bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt

nghiệp cao đẳng, nhà trường được phép đào tạo ở trình độ nào thì Hiệu trưởng cấp bằng ở trình độ ấy.

4. Chính phủ quy định văn bằng tốt nghiệp sau đại học của một số ngành chuyên môn đặc biệt.

Mục 5

Phương thức giáo dục không chính quy

Điều 40. Giáo dục không chính quy

Giáo dục không chính quy là phương thức giáo dục giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm và thích nghi với đời sống xã hội.

Điều 41. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục không chính quy

1. Nội dung giáo dục không chính quy được thể hiện trong các chương trình sau đây:

- a) Chương trình xoá nạn mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ;
- b) Chương trình đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng;
- c) Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học;
- d) Chương trình giáo dục để lấy văn bằng của hệ thống

giáo dục quốc dân theo hình thức vừa học vừa làm, học từ xa, tự học có hướng dẫn.

2. Nội dung giáo dục của các chương trình quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải bảo đảm tính thiết thực, giúp người học nâng cao khả năng lao động, sản xuất, công tác và chất lượng cuộc sống.

Nội dung giáo dục của chương trình giáo dục quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phương pháp giáo dục không chính quy phải phát huy vai trò chủ động, khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học.

Điều 42. Cơ sở giáo dục không chính quy

1. Cơ sở giáo dục không chính quy gồm:

- a) Trung tâm giáo dục thường xuyên;
- b) Giáo dục không chính quy còn được thực hiện tại trường phổ thông, trường trung học chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề, trường cao đẳng, trường đại học và thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Cơ sở giáo dục chính quy thực hiện các chương trình giáo dục theo phương thức giáo dục không chính quy phải bảo đảm nhiệm vụ đào tạo của mình; chỉ thực hiện đối với chương trình giáo dục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Luật này khi các chương trình đó đang được thực hiện ở hệ chính quy và được cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có thẩm quyền cho phép.

2. Trung tâm giáo dục thường xuyên không thực hiện các chương trình giáo dục để lấy bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học.

Điều 43. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục không chính quy

1. Học viên theo học chương trình giáo dục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Luật này được dự thi để lấy bằng tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đăng ký tại một cơ sở giáo dục có thẩm quyền đào tạo ở bậc học, cấp học, trình độ tương ứng;

b) Học hết chương trình, thực hiện đủ các yêu cầu về kiểm tra kết quả học tập và được cơ sở giáo dục nơi đăng ký xác nhận đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Học viên học hết các chương trình giáo dục quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 41 của Luật này, nếu có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự kiểm tra; nếu đạt yêu cầu thì được cấp chứng chỉ giáo dục không chính quy.

3. Học viên học hết chương trình giáo dục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 của Luật này, nếu có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi; nếu đạt yêu cầu thì được cấp văn bằng tốt nghiệp theo phương thức giáo dục không chính quy, trên văn bằng có ghi hình thức học tập; nếu có đủ điều kiện theo quy định của kỳ thi tốt nghiệp hệ chính quy thì được dự thi và nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tốt nghiệp của hệ chính quy.

4. Thẩm quyền cấp văn bằng giáo dục không chính quy được quy định như thẩm quyền cấp văn bằng giáo dục chính quy.
5. Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên cấp chứng chỉ giáo dục không chính quy.

CHƯƠNG III

Nhà trường và cơ sở giáo dục khác

Mục 1

Tổ chức, hoạt động của nhà trường

Điều 44. Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân

1. Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và được tổ chức theo các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục.

Nhà trường thuộc các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục đều chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý giáo dục theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ.

Nhà nước tạo điều kiện để trường công lập giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục quốc dân; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân mở trường dân lập, tư thục đáp ứng

nhu cầu học tập của xã hội

2. Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của các loại hình nhà trường.

Điều 45. Nhà trường của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, của lực lượng vũ trang nhân dân

1. Nhà trường của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Nhà trường của lực lượng vũ trang nhân dân có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân quốc phòng; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước về nhiệm vụ và kiến thức quốc phòng, an ninh.

2. Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện Luật này đối với nhà trường quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 46. Điều kiện thành lập

1. Nhà trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 47 của Luật này ra quyết định thành lập khi bảo đảm các điều kiện về cán bộ quản lý, nhà giáo, trường sở, thiết bị và tài chính theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định thủ tục thành lập trường cao đẳng, trường đại học; Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thủ tục thành lập trường ở các bậc học, cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 47. Thẩm quyền thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường

1. Thẩm quyền thành lập nhà trường được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề thuộc tỉnh;
- c) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề trực thuộc;
- d) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập trường cao đẳng, trường dự bị đại học;
- đ) Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trường đại học.

2. Cấp nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì cấp đó có thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường.

Chính phủ quy định cụ thể về thủ tục đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường

Điều 48. Điều lệ nhà trường

1. Nhà trường được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và Điều lệ nhà trường.

2. Điều lệ nhà trường phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường;
- b) Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường;
- c) Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo;
- d) Nhiệm vụ và quyền của người học;
- đ) Tổ chức và quản lý nhà trường;
- e) Cơ sở vật chất và thiết bị nhà trường;
- g) Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Điều lệ trường đại học; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định ban hành Điều lệ nhà trường ở các bậc học, cấp học khác.

Điều 49. Hiệu trưởng

- 1. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận.
- 2. Hiệu trưởng các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân phải được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý trường học.
- 3. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng; thủ tục bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng trường cao đẳng, trường đại học do Thủ tướng Chính phủ quy định; đối với các trường ở các bậc học, cấp học khác do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Điều 50. Hội đồng tư vấn trong nhà trường

- 1. Hội đồng tư vấn trong nhà trường do Hiệu trưởng thành

lập để tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường theo quy định của Luật này. Hội đồng tư vấn trong trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông gọi là Hội đồng giáo dục; trong trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề gọi là Hội đồng đào tạo; trong trường cao đẳng, trường đại học gọi là Hội đồng khoa học và đào tạo.

2. Tổ chức và hoạt động của các hội đồng tư vấn nói tại khoản 1 Điều này được quy định trong Điều lệ nhà trường.

Điều 51. Tổ chức Đảng trong nhà trường

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Điều 52. Đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường

Đoàn thể, tổ chức xã hội hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục theo quy định của Luật này.

Mục 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Nhà trường có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục

- Thực theo mục tiêu, chương trình giáo dục;
- 2. Quản lý nhà giáo, cán bộ, nhân viên;
- 3. Tuyển sinh và quản lý người học;
- 4. Quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật;
- 5. Phối hợp với gia đình người học, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục;
- 6. Tổ chức cho nhà giáo, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội;
- 7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học trong nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội

- 1. Ngoài các nhiệm vụ quy định tại Điều 53 của Luật này, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học còn có những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, tham gia giải quyết những vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước;
 - b) Thực hiện các dịch vụ khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo theo quy định của pháp luật.
- 2. Khi thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng,

trường đại học có những quyền hạn sau đây:

- a) Được Nhà nước giao đất; được thuê đất, miễn giảm thuế, vay tín dụng theo quy định của pháp luật;
- b) Liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hoá, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho nhà trường;
- c) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, mở rộng sản xuất, kinh doanh và chi cho các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường cao đẳng, trường đại học

Trường cao đẳng, trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ nhà trường trong các công tác sau đây:

- 1. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo;
- 2. Tổ chức tuyển sinh theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng theo thẩm quyền;
- 3. Tổ chức bộ máy nhà trường;
- 4. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục;
- 5. Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hoá, thể

dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

Mục 3

Các loại trường chuyên biệt

Điều 56. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học

1. Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các vùng này.
2. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học được ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách.

Điều 57. Trường chuyên, trường năng khiếu

1. Trường chuyên được thành lập ở cấp trung học phổ thông dành cho những học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện.
2. Trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao được thành lập nhằm phát triển tài năng của học sinh trong các lĩnh vực này.

3. Nhà nước ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách cho các trường chuyên, trường năng khiếu. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quyết định ban hành chương trình giáo dục, quy chế tổ chức cho các trường này.

Điều 58. Trường, lớp dành cho người tàn tật

Nhà nước thành lập và khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập trường, lớp dành cho người tàn tật nhằm giúp các đối tượng này phục hồi chức năng, học văn hoá, học nghề, hoà nhập với cộng đồng.

Điều 59. Trường giáo dưỡng

1. Trường giáo dưỡng có nhiệm vụ giáo dục người chưa thành niên vi phạm pháp luật để các đối tượng này rèn luyện, phát triển lành mạnh, trở thành người lương thiện, có khả năng tái hội nhập vào đời sống xã hội.
2. Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chương trình giáo dục cho loại trường này.

Mục 4

Tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục khác

Điều 60. Các cơ sở giáo dục khác

Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định cụ thể về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục khác.

CHƯƠNG IV

Nhà giáo

Mục 1

Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo

Điều 61. Nhà giáo

1. Nhà giáo là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục khác.

2. Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn sau đây :

- a) Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- b) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;
- c) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- d) Lý lịch bản thân rõ ràng.

3. Nhà giáo dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp gọi là giáo viên; ở cơ sở giáo dục đại học và sau đại học gọi là giảng viên.

Điều 62. Giáo sư, phó giáo sư

Giáo sư, phó giáo sư là các chức danh của nhà giáo đang giảng dạy, đào tạo đại học và sau đại học.

Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh giáo sư và phó giáo sư.

Điều 63. Nhiệm vụ của nhà giáo

Nhà giáo có những nhiệm vụ sau đây:

1. Giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý, chương trình giáo dục;
2. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và Điều lệ nhà trường;
3. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
4. Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học.
5. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Quyền của nhà giáo

Nhà giáo có những quyền sau đây:

1. Được giảng dạy theo chuyên ngành đào tạo;
2. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
3. Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở giáo dục và nghiên cứu khác với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình, kế hoạch do nhà trường giao cho;
4. Được nghỉ hè, nghỉ Tết âm lịch, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Thỉnh giảng

1. Nhà trường và cơ sở giáo dục khác được mời người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật này đến giảng dạy.
2. Người được thỉnh giảng phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 63 của Luật này.
3. Người được thỉnh giảng nếu là cán bộ, công chức thì phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ ở nơi mình công tác.

Điều 66. Ngày Nhà giáo Việt Nam

Ngày 20 tháng 11 hằng năm là ngày Nhà giáo Việt Nam.

Mục 2

Đào tạo và bồi dưỡng nhà giáo

Điều 67. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau:
 - a) Có bằng tốt nghiệp trung học sư phạm đối với giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học;
 - b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;
 - c) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;
 - d) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc bằng tốt

ng nghiệp cao đẳng khác đối với giáo viên dạy các môn văn hoá, kỹ thuật, nghề nghiệp; có bằng tốt nghiệp trường dạy nghề, nghề nhân, kỹ thuật viên, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao đối với giáo viên hướng dẫn thực hành ở trường dạy nghề;

đ) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc bằng tốt nghiệp đại học khác đối với giáo viên trung học chuyên nghiệp;

e) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với nhà giáo giảng dạy cao đẳng hoặc đại học; có bằng thạc sĩ trở lên đối với nhà giáo giảng dạy, đào tạo thạc sĩ; có bằng tiến sĩ đối với nhà giáo đào tạo tiến sĩ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc tuyển chọn, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo chưa đạt trình độ chuẩn.

Điều 68. Trường sư phạm

1. Trường sư phạm do Nhà nước thành lập để đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ giáo dục.

2. Trường sư phạm được ưu tiên trong việc tuyển dụng nhà giáo, bố trí cán bộ quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và cấp kinh phí đào tạo.

3. Trường sư phạm có ký túc xá, trường hoặc cơ sở thực hành.

Điều 69. Đào tạo nhà giáo cho trường cao đẳng, trường đại học

Việc đào tạo nhà giáo cho trường cao đẳng, trường đại học được thực hiện theo phương thức ưu tiên tuyển chọn các sinh viên tốt nghiệp đại học loại khá, loại giỏi, có phẩm

chất tốt và những người có trình độ đại học, sau đại học, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có nguyện vọng trở thành nhà giáo để tiếp tục đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Mục 3

Chính sách đối với nhà giáo

Điều 70. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Nhà nước có chính sách bồi dưỡng nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ và chuẩn hoá nhà giáo.

Nhà giáo được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của Chính phủ.

Điều 71. Tiền lương

1. Thang, bậc lương của nhà giáo là một trong những thang, bậc lương cao nhất trong hệ thống thang, bậc lương hành chính sự nghiệp của Nhà nước.

2. Nhà giáo được hưởng phụ cấp nghề nghiệp và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 72. Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác tại trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội

trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường dành cho người tàn tật, trường giáo dưỡng hoặc các trường chuyên biệt khác được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ.

2. Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện về chỗ ở, được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà nước có chính sách luân chuyển nhà giáo công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khuyến khích và ưu đãi nhà giáo ở vùng thuận lợi đến công tác tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tạo điều kiện để nhà giáo ở vùng này an tâm công tác.

CHƯƠNG V

Người học

Mục 1

Nhiệm vụ và quyền của người học

Điều 73. Người học

1. Người học là người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân. Người học

bao gồm:

- a) Trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non;
- b) Học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;
- c) Sinh viên của cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học;
- d) Học viên của cơ sở đào tạo thạc sĩ;
- đ) Nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sĩ;
- e) Học viên theo học các chương trình giáo dục không chính quy.

2. Những quy định trong Chương này chỉ áp dụng cho người học nói tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định về quyền và chính sách đối với trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 74. Nhiệm vụ của người học

Người học có những nhiệm vụ sau đây:

- 1. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục khác;
- 2. Kính trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, công nhân, nhân viên của nhà trường, cơ sở giáo dục khác; tuân thủ pháp luật của Nhà nước; thực hiện nội quy, Điều lệ nhà trường;
- 3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực;

4. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, cơ sở giáo dục khác;
5. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, cơ sở giáo dục khác.

Điều 75. Quyền của người học

Người học có những quyền sau đây:

1. Được nhà trường, cơ sở giáo dục khác tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập của mình;
2. Học trước tuổi, học vượt lớp, học rút ngắn thời gian thực hiện chương trình, học lưu ban theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật;
4. Sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể dục, thể thao của nhà trường, cơ sở giáo dục khác;
5. Trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường, cơ sở giáo dục khác các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học;
6. Được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước trong tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước nếu tốt nghiệp loại giỏi và có đạo đức tốt.

Điều 76. Nghĩa vụ của người học tại trường cao đẳng, trường

đại học công lập

1. Người tốt nghiệp cao đẳng, tốt nghiệp đại học tại các trường công lập; người đi học chương trình đại học, sau đại học ở nước ngoài nếu hưởng học bổng do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo hiệp định ký kết với Nhà nước thì phải chấp hành sự điều động làm việc có thời hạn của Nhà nước; nếu không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.
2. Chính phủ quy định cụ thể thời gian làm việc theo sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thời gian chờ phân công công tác và mức bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

Chính sách đối với người học

Điều 77. Học bổng, trợ cấp xã hội

1. Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, sau đại học; cấp học bổng chính sách cho sinh viên hệ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dạy nghề dành cho thương binh, người tàn tật.
2. Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội

đặc biệt khó khăn, người mồ côi không nơi nương tựa, người tàn tật có khó khăn về kinh tế, người có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn vượt khó học tập.

3. Học sinh, sinh viên ngành sư phạm, người theo học các khoá đào tạo nghiệp vụ sư phạm không phải đóng học phí, được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân cấp học bổng hoặc trợ cấp cho người học theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Chế độ cử tuyển

1. Nhà nước thực hiện tuyển sinh vào đại học và trung học chuyên nghiệp theo chế độ cử tuyển đối với con em các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để đào tạo cán bộ, công chức cho vùng này.

2. Người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học. Thời gian công tác tối thiểu ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cử đi học quy định. Nếu không chấp hành sự điều động và bố trí công tác, người học phải bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan cử người đi học và cơ quan tiếp nhận người học theo chế độ cử tuyển phải cử người đi học và tiếp nhận người học theo đúng tiêu chuẩn quy định. Cơ quan cử người đi học có trách nhiệm tiếp nhận và bố trí công tác cho người đi học sau khi tốt nghiệp.

Điều 79. Tín dụng giáo dục

Người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại

học và sau đại học có khó khăn về kinh tế được Quỹ tín dụng giáo dục của Ngân hàng cho vay để học tập.

Điều 80. Miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên

Học sinh, sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về y tế, giao thông, giải trí, khi tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hoá theo quy định của Chính phủ.

CHƯƠNG VI

Nhà trường, gia đình và xã hội

Điều 81. Trách nhiệm của nhà trường

Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 82. Trách nhiệm của gia đình

1. Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, tạo điều kiện cho con em hoặc người được giám hộ được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường.

2. Mọi người trong gia đình có trách nhiệm xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, làm gương cho con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Điều 83. Quyền của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

Cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có những quyền sau đây:

1. Yêu cầu nhà trường cho biết kết quả học tập, rèn luyện của con em hoặc người được giám hộ;
2. Tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; tham gia các hoạt động của cha mẹ, người giám hộ của học sinh do nhà trường tổ chức;
3. Yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em hoặc người được giám hộ.

Điều 84. Trách nhiệm của xã hội

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm:
 - a) Giúp nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, thực tập, nghiên cứu khoa học;
 - b) Góp phần xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến thanh niên, thiếu niên và nhi đồng;
 - c) Tạo điều kiện để người học được vui chơi, hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao lành mạnh;
 - d) Đóng góp về nhân lực, tài lực, vật lực cho sự nghiệp giáo dục tùy theo khả năng của mình.
2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành

viên của Mặt trận có trách nhiệm động viên toàn dân chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

3. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp với nhà trường giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; vận động đoàn viên, thanh niên gương mẫu trong học tập, rèn luyện và tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Điều 85. Quỹ khuyến học, Quỹ bảo trợ giáo dục

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập Quỹ khuyến học, Quỹ bảo trợ giáo dục hoạt động theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

Quản lý nhà nước về giáo dục

Mục 1

Nội dung quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục

Điều 86. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục

Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; ban hành Điều lệ nhà trường; ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục khác;
3. Quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục; tiêu chuẩn nhà giáo; tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị trường học; việc biên soạn, xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa, giáo trình; quy chế thi cử và cấp văn bằng;
4. Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục;
5. Tổ chức, chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng, quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
6. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục;
7. Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ trong ngành giáo dục;
8. Tổ chức, quản lý công tác quan hệ quốc tế về giáo dục;
9. Quy định việc tặng các danh hiệu vinh dự cho những người có nhiều công lao đối với sự nghiệp giáo dục;
10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục.

Điều 87. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục.

Chính phủ trình Quốc hội trước khi quyết định những chủ trương lớn có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập

của công dân trong phạm vi cả nước, những chủ trương về cải cách nội dung chương trình của cả một bậc học, cấp học; hằng năm báo cáo Quốc hội về hoạt động giáo dục và việc thực hiện ngân sách giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định của Chính phủ.

Chính phủ quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của Chính phủ.

Mục 2

Đầu tư cho giáo dục

Điều 88. Các nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục

Các nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục gồm:

1. Ngân sách nhà nước;
2. Học phí; tiền đóng góp xây dựng trường, lớp; các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các cơ sở giáo dục; các khoản tài

trợ khác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 89. Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục

1. Nhà nước dành ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục.
2. Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục phải được phân bổ theo nguyên tắc công khai, tập trung dân chủ, căn cứ vào quy mô giáo dục, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, thể hiện được chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
3. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp phát kinh phí giáo dục đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ của năm học. Cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả phần ngân sách giáo dục được giao và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 90. Ưu tiên đầu tư xây dựng trường học

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đưa việc xây dựng trường học, các công trình thể dục, thể thao, văn hoá, nghệ thuật phục vụ giáo dục vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, kế hoạch xây dựng cơ bản và dành ưu tiên đầu tư cho việc xây dựng trường học, ký túc xá trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mình.

Điều 91. Khuyến khích đầu tư cho giáo dục

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho giáo dục. Khoản đóng góp, tài

trợ của doanh nghiệp cho giáo dục được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp; khoản đóng góp của doanh nghiệp, cá nhân không phải tính vào thu nhập chịu thuế theo quy định của Chính phủ.

2. Chi phí của tổ chức kinh tế để mở trường, lớp đào tạo tại cơ sở, phối hợp đào tạo với trường học, viện nghiên cứu khoa học, cử người đi đào tạo, tiếp thu công nghệ mới phục vụ cho nhu cầu của đơn vị mình được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3. Nhà trường, cơ sở giáo dục khác được hưởng các ưu đãi về quyền sử dụng đất, tín dụng, miễn giảm thuế do Chính phủ quy định.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình phục vụ cho giáo dục, ủng hộ tiền hoặc hiện vật để phát triển sự nghiệp giáo dục được xem xét ghi nhận bằng hình thức thích hợp.

Điều 92. Học phí, lệ phí tuyển sinh, tiền đóng góp xây dựng trường

1. Học phí, lệ phí tuyển sinh là khoản đóng góp của gia đình người học hoặc người học để góp phần bảo đảm cho các hoạt động giáo dục. Học sinh bậc tiểu học trường công lập không phải đóng học phí.

Chính phủ quy định khung học phí, cơ chế thu và sử dụng học phí đối với tất cả các loại hình trường, cơ sở giáo dục khác theo nguyên tắc không bình quân, thực hiện miễn, giảm cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội và người nghèo.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khung học phí của

Chính phủ quy định mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh cụ thể đối với các trường, cơ sở giáo dục khác thuộc tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính căn cứ vào quy định của Chính phủ về học phí hướng dẫn việc thu và sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh của các trường và cơ sở giáo dục khác trực thuộc trung ương.

2. Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào nhu cầu phát triển giáo dục, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp của nhân dân ở địa phương quy định mức đóng góp xây dựng trường, lớp trên cơ sở lấy ý kiến của nhân dân và đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 93. Ưu đãi về thuế trong xuất bản sách giáo khoa, sản xuất đồ dùng dạy học, đồ chơi

Nhà nước có chính sách ưu đãi về thuế đối với việc xuất bản sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu dạy học; sản xuất và cung ứng thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ em; nhập khẩu sách, báo, tài liệu, đồ dùng dạy học, thiết bị nghiên cứu dùng trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác.

Mục 3

Quan hệ quốc tế về giáo dục

Điều 94. Quan hệ quốc tế về giáo dục

Nhà nước mở rộng, phát triển quan hệ quốc tế về giáo dục

theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

Điều 95. Khuyến khích hợp tác về giáo dục với nước ngoài

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các trường, cơ sở giáo dục khác của Việt Nam hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

2. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật theo các hình thức tự túc hoặc bằng kinh phí do tổ chức, cá nhân ở trong nước cấp hoặc do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ.

3. Nhà nước dành ngân sách cử người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức và trình độ đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài về những ngành nghề và lĩnh vực then chốt để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 96. Khuyến khích hợp tác về giáo dục với Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được Nhà nước Việt Nam khuyến khích, tạo điều kiện để giảng dạy, học tập, đầu tư, tài trợ, hợp tác, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục ở Việt Nam; được bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

2. Việc hợp tác đào tạo, mở trường, cơ sở giáo dục khác của

người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam do Chính phủ quy định.

Điều 97. Công nhận văn bằng nước ngoài

1. Việc công nhận văn bằng của người Việt Nam do nước ngoài cấp được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.
2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hiệp định tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng với các nước, các tổ chức quốc tế.

Mục 4

Thanh tra giáo dục

Điều 98. Thanh tra giáo dục

Thanh tra giáo dục là thanh tra chuyên ngành về giáo dục. Tổ chức và hoạt động của Thanh tra giáo dục do Chính phủ quy định.

Điều 99. Nhiệm vụ của Thanh tra giáo dục

Thanh tra giáo dục có những nhiệm vụ sau đây:

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục;
2. Thanh tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế chuyên

môn; quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về điều kiện cần thiết bảo đảm chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục;

3. Xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hoạt động giáo dục; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục;

4. Kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về giáo dục; đề nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách và quy định của Nhà nước về giáo dục.

Điều 100. Quyền hạn của Thanh tra giáo dục

Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra giáo dục có những quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu đương sự và các bên có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề cần thiết có liên quan trực tiếp đến việc thanh tra;

2. Lập biên bản thanh tra, kiến nghị biện pháp giải quyết đối với những sai phạm;

3. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 101. Trách nhiệm của Thanh tra giáo dục

Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra giáo dục có những trách nhiệm sau đây:

1. Xuất trình quyết định thanh tra và thẻ Thanh tra viên;

2. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra, không gây

phiên hà, cản trở hoạt động giáo dục bình thường và gây thiệt hại tới lợi ích hợp pháp của người dạy và người học;

3. Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết;

4. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mọi hành vi và quyết định của mình.

Điều 102. Quyền của đối tượng thanh tra

Khi Thanh tra giáo dục thực hiện việc thanh tra, đối tượng thanh tra có những quyền sau đây:

1. Yêu cầu thanh tra viên xuất trình quyết định thanh tra, thẻ Thanh tra viên và thực hiện đúng pháp luật về thanh tra;

2. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyết định thanh tra, hành vi của Thanh tra viên và kết luận thanh tra mà mình có căn cứ cho là không đúng;

3. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do các biện pháp xử lý không đúng pháp luật của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên gây ra.

Điều 103. Trách nhiệm của đối tượng thanh tra

Khi Thanh tra giáo dục thực hiện việc thanh tra, đối tượng thanh tra có những trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện yêu cầu của Đoàn thanh tra, Thanh tra viên;

2. Tạo điều kiện để thanh tra thực hiện nhiệm vụ;
3. Chấp hành các quyết định xử lý của Đoàn thanh tra, Thanh tra viên theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

Khen thưởng và xử lý vi phạm

Điều 104. Phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú

Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

Điều 105. Khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích về giáo dục

Tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 106. Khen thưởng đối với người học

Người học có thành tích trong học tập, rèn luyện được nhà trường, cơ sở giáo dục khác, cơ quan quản lý giáo dục khen thưởng. Trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 107. Phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự

Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế; nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đóng góp nhiều cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam được trường đại học tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự theo quy định của Chính phủ.

Điều 108. Xử lý vi phạm

Người nào có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

Thành lập cơ sở giáo dục trái phép;

Vi phạm các quy định về tổ chức, hoạt động của nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác;

Tự ý thêm, bớt số môn học, nội dung giảng dạy đã được quy định trong chương trình giáo dục; xuyên tạc nội dung giáo dục;

Xuất bản, phát hành sách giáo khoa trái phép;

Làm hồ sơ giả, vi phạm quy chế tuyển sinh, thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ;

Xâm phạm nhân phẩm, thân thể nhà giáo; ngược đãi, hành hạ người học;

Gây rối, làm mất an ninh, trật tự trong nhà trường hoặc cơ

sở giáo dục khác;

Sử dụng kinh phí giáo dục sai mục đích, làm thất thoát kinh phí giáo dục; lợi dụng hoạt động giáo dục để thu tiền sai quy định;

Gây thiệt hại về cơ sở vật chất của nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác;

Các hành vi khác vi phạm pháp luật về giáo dục.

CHƯƠNG IX

Điều khoản thi hành

Điều 109. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 1999.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 110. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 02 tháng 12 năm 1998.

6. Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội ngày 9-12-2000 về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật giáo dục;

Sau khi xem xét tờ trình của Chính phủ về chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, báo cáo thẩm tra của Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

Tán thành đề nghị của Chính phủ về chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

I. Mục tiêu của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Mục tiêu của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông là xây dựng nội dung chương trình, phương pháp giáo dục, sách giáo khoa phổ thông mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thế hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam; tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

Việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông phải quán triệt mục tiêu, yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục của các bậc học, cấp học quy định trong Luật giáo dục; khắc phục những mặt còn hạn chế của chương trình, sách giáo khoa hiện hành; tăng cường tính thực tiễn, kỹ năng thực hành, năng lực tự học; coi trọng kiến thức khoa học xã hội và nhân văn; bổ sung những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh.

Bảo đảm sự thống nhất, kế thừa và phát triển của chương trình giáo dục; tăng cường tính liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; thực hiện phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân để tạo sự cân đối về cơ cấu nguồn nhân lực; bảo đảm sự thống nhất về chuẩn kiến thức và kỹ năng, có phương án vận dụng chương trình, sách giáo khoa phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của các địa bàn khác nhau.

Đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy và học phải được thực hiện đồng bộ với việc nâng cấp và đổi mới trang thiết bị dạy học, tổ chức đánh giá, thi cử, chuẩn hoá trường sở, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và công tác quản lý giáo dục.

II. Tiến độ thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Việc xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa, triển khai thí điểm, tổng kết rút kinh nghiệm phải chu đáo, khẩn trương để đạt được các mục tiêu nêu trên; lần lượt triển khai đại trà việc áp dụng chương trình, sách giáo

khoa mới bắt đầu ở lớp 1 và lớp 6 từ năm học 2002 - 2003, bắt đầu ở lớp 10 từ năm học 2004 - 2005; đến năm học 2006 - 2007, tất cả các lớp cuối cấp đều thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới.

III. Tổ chức thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

1. Giao Chính phủ chỉ đạo việc thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; hàng năm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả và tiến độ thực hiện.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm huy động, tập hợp các nhà khoa học, các nhà sư phạm, các cán bộ quản lý giáo dục am hiểu, có kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và các giáo viên giỏi tham gia biên soạn, thi điểm, thẩm định chương trình, sách giáo khoa mới và hướng dẫn áp dụng đối với các địa bàn khác nhau; xây dựng đề án giảng dạy, học tập ngoại ngữ, tin học ở nhà trường phổ thông; đổi mới chương trình đào tạo ở các trường, các khoa sư phạm; tổ chức bồi dưỡng để giáo viên có đủ khả năng giảng dạy theo chương trình, sách giáo khoa mới; chỉ đạo địa phương xây dựng, phát triển các trường trung học phổ thông kỹ thuật bảo đảm để học sinh vừa có trình độ trung học phổ thông, vừa có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thực hiện phân luồng sau trung học cơ sở.

Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm các điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất, biên chế, xây dựng chính sách đối với giáo viên để

thực hiện có hiệu quả việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông ở địa phương; xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật giáo dục; tiến hành nâng cấp và xây dựng trường, lớp, trang thiết bị theo hướng chuẩn hoá.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát việc thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

2. Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội giám sát việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Nông Đức Mạnh

7. Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11-6-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 11 tháng 01 năm 1979 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IV), từ năm học 1981-1982, các trường phổ thông đã triển khai dạy và học về cơ bản theo chương trình và sách giáo khoa thống nhất từ lớp 1 đến lớp 12. Bộ chương trình và sách giáo khoa đó đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện có kết quả nhiệm vụ xây dựng một hệ thống giáo dục phổ thông thống nhất trong phạm vi cả nước; tạo điều kiện hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học; chuẩn bị các điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện phổ cập trung học cơ sở; ổn định, phát triển và nâng cao dần chất lượng giáo dục phổ thông trong 20 năm qua.

Đến nay, trước yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, trước sự phát triển nhanh và mạnh mẽ của kinh tế - xã hội, của khoa học - công nghệ nói chung và khoa học giáo dục nói riêng, chương trình và sách giáo khoa hiện hành đã bộc lộ những hạn chế và bất cập. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có một bước chủ động chuẩn bị cho việc đổi mới chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

Ngày 9-12-2000 Quốc hội đã có Nghị quyết số 40/2000/QH10 về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 đã nêu

rõ việc “khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông, phù hợp với yêu cầu phát triển mới”.

Để việc thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đạt kết quả tốt, tạo ra sự chuyển biến quan trọng về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương thực hiện việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm về giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông nói riêng và của hệ thống giáo dục - đào tạo nói chung.

2. Mục tiêu của việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông là:

a) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tăng cường bồi dưỡng cho thế hệ trẻ lòng yêu nước, yêu quê hương và gia đình; tinh thần tự tôn dân tộc; lý tưởng xã hội chủ nghĩa; lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật; tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập thân, lập nghiệp.

b) Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự học của học sinh.

c) Tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

d) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, chuẩn bị tốt cho học sinh học tập tiếp tục ở bậc sau trung học hoặc tham gia lao động ngoài xã hội.

3. Việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông cần bảo đảm những nguyên tắc sau:

a) Quán triệt các mục tiêu, yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục của các cấp học, bậc học quy định trong Luật Giáo dục.

b) Bảo đảm tính hệ thống, kế thừa và phát triển của chương trình giáo dục; phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp thu những thành tựu giáo dục tiên tiến trên thế giới.

c) Thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá. Bảo đảm thống nhất về chuẩn kiến thức và kỹ năng, tăng cường tính liên thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục sau trung học, đồng thời có các phương án áp dụng chương trình, sách giáo khoa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các địa bàn khác nhau; chọn lọc, đưa vào chương trình các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh; hết sức coi trọng tính thực tiễn, “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội”.

d) Thực hiện đồng bộ việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy và học với việc đổi mới về cơ bản phương pháp đánh giá, thi cử, đổi mới đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên; đổi mới công tác quản lý giáo dục, nâng

cấp cơ sở vật chất của nhà trường theo hướng chuẩn hoá, bảo đảm đủ trang thiết bị và đồ dùng dạy học.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng một đề án tổng thể đổi mới chương trình giáo dục phổ thông trình Chính phủ phê duyệt trong tháng 7 năm 2001, trong đó bao gồm cả vấn đề cải tiến tổ chức giảng dạy và học tập ngoại ngữ, tin học trong nhà trường phổ thông; những định hướng về việc thiết kế mục tiêu, chương trình giáo dục, chuẩn kiến thức và kế hoạch dạy học cho trường trung học phổ thông kỹ thuật.

Khi xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện đề án cần lưu ý:

a) Đề án cần nêu rõ những việc phải làm, kết quả cần đạt được đối với mỗi công việc, các giải pháp thực hiện, thời hạn hoàn thành, nguồn lực cần và có thể huy động, đồng thời quy định trách nhiệm của đơn vị và cơ quan hữu quan.

Đề xuất những nguyên tắc để thiết kế tổng thể về mục tiêu và chuẩn kiến thức chung cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông, phân bố chương trình, kế hoạch dạy học ở các cấp, các lớp bảo đảm yêu cầu khoa học, không trùng lặp, chồng chéo; tạo mối liên kết chặt chẽ và liên thông giữa các loại hình: trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và các trường nghề; chuẩn bị tiếp cho giai đoạn đào tạo kế tiếp sau trung học.

b) Về tổ chức xây dựng chương trình, sách giáo khoa và sách giáo viên mới, cần huy động, tập hợp các nhà khoa học, các nhà sư phạm, các cán bộ quản lý giáo dục am hiểu,

có kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và các giáo viên giỏi tham gia biên soạn, thẩm định, thử nghiệm chương trình sách giáo khoa mới và hướng dẫn áp dụng cho các địa bàn khác nhau.

Tổ chức tham khảo ý kiến rộng rãi của mọi tầng lớp trong xã hội, từ những người trực tiếp thực hiện là các thầy cô giáo, các nhà quản lý giáo dục đến các nhà khoa học và đặc biệt là phụ huynh học sinh, nghiêm túc rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời trước khi triển khai đại trà. Kết hợp trưng cầu ý kiến rộng rãi với hội thảo hẹp của các chuyên gia về chương trình giáo dục. Bảo đảm quy trình biên soạn, thẩm định lấy ý kiến đóng góp, nghiệm thu và hoàn chỉnh thực sự nghiêm túc, khoa học, khách quan và cầu thị.

Thiết kế chương trình các cấp học thích hợp với việc tổ chức học một buổi/ngày trong giai đoạn chuyển tiếp, khi chưa đủ điều kiện để tổ chức đại trà việc học hai buổi/ngày cho học sinh phổ thông.

c) Về xây dựng đội ngũ giáo viên, cần lập kế hoạch rất cụ thể về bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình mới. Cần tính toán để có giải pháp đổi mới chương trình đào tạo tại các trường sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và từng bước đổi mới phương pháp dạy của thầy, cô giáo, khắc phục phương pháp giảng dạy cũ kỹ đang còn rất phổ biến hiện nay.

d) Về cơ sở vật chất - kỹ thuật và đồ dùng dạy học: cần xây dựng kế hoạch cụ thể bảo đảm đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học để thực hiện chương trình và phương pháp dạy

học mới, trong đó sớm tổ chức các phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Cần có cơ chế để các giáo viên đứng lớp thẩm định đồ dùng dạy học và dạy thử trên các đồ dùng này trước khi đưa ra sản xuất và sử dụng đại trà.

Đặc biệt ưu tiên cung cấp đồ dùng dạy học cho các vùng núi, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Đồng thời, cần tổ chức huy động nhiều nguồn lực trong xã hội, tham gia đóng góp xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường.

e) Về các giải pháp hỗ trợ khác. Tăng cường công tác thanh tra giáo dục để bảo đảm thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, đạt hiệu quả chương trình mới và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Tăng cường việc tuyên truyền vận động trong toàn xã hội, làm cho phụ huynh học sinh hiểu được mục tiêu và tính ưu việt của chương trình mới, cùng tham gia giúp các học sinh học tập.

g) Về tiến độ. Khẩn trương hoàn thành tốt công tác chuẩn bị để thực hiện rộng rãi trong toàn quốc việc dạy - học theo chương trình mới, bắt đầu ở lớp 1 và lớp 6 từ năm học 2002 - 2003, ở lớp 10 từ năm học 2004 - 2005. Phấn đấu đến năm học 2006 - 2007, tất cả các lớp cuối cấp đều thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo lập kế hoạch ngân sách, huy động vốn vay và viện trợ không hoàn lại của nước ngoài,

vốn huy động từ xã hội và các nguồn vốn khác để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

6. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và cấp phát kịp thời, bảo đảm kinh phí thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

7. Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định lại biên chế, xây dựng chính sách đối với giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

8. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo nghề, bảo đảm mối liên kết chặt chẽ và sự liên thông giữa các trường nghề với trung học phổ thông và giáo dục sau trung học, thực hiện có hiệu quả việc phân luồng sau trung học cơ sở.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tập trung chỉ đạo và tạo điều kiện để cho ngành giáo dục địa phương bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và có chất lượng việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu môn học, đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật giáo dục, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên tiếp tục nâng cao trình độ sau khi đạt chuẩn;

- Cân đối ngân sách địa phương, khai thác và huy động

thêm các nguồn ngoài ngân sách, bảo đảm kinh phí cho việc nâng cấp và xây dựng trường lớp, khắc phục tình trạng học ba ca, thực hiện kiên cố hoá trường lớp, tạo điều kiện từng bước chuyển sang dạy học hai buổi/ngày, trước hết là đối với các trường tiểu học; đồng thời tăng cường cung cấp trang thiết bị và đồ dùng dạy học cho nhà trường theo chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Củng cố, tăng cường bộ máy quản lý ở địa phương và cơ sở, tăng cường trật tự, kỷ cương trong giáo dục, đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, giáo viên, bảo đảm thực hiện tốt việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

10. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia, hỗ trợ vào quá trình tổ chức triển khai việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

11. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và thường xuyên báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

12. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này.

TM.CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

8. Chỉ thị 34-CT/TW ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học

Thi hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII) “Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000”, vừa qua, đi đôi với việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác trong trường học, các cấp uỷ và tổ chức đảng, ngành giáo dục - đào tạo đã quan tâm hơn trong việc chỉ đạo công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng ở các trường học.

Tuy nhiên, tới nay công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức ở không ít trường còn bị coi nhẹ; việc giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí có nơi bị thu hẹp; công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể còn nhiều mặt yếu. Nhiều trường, nhất là ở cấp tiểu học, trung học cơ sở và ở các tỉnh, thành phố phía Nam, Tây Nguyên, vùng miền núi, ven biển, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo... chưa có đảng viên, chưa lập được chi bộ. Tỷ lệ đảng viên trong giáo viên ở các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non và trong học sinh, sinh viên còn thấp. Sức chiến đấu của đảng viên và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở nhiều trường không cao, thậm chí có nơi bị tê liệt.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do sự chỉ đạo của các cấp uỷ đối với công

tác xây dựng đảng và công tác quần chúng chưa được tăng cường đúng mức; quan hệ phối hợp giữa các ban cán sự đảng ngành giáo dục - đào tạo với các cấp uỷ địa phương trong nhiệm vụ giáo dục - đào tạo còn thiếu chặt chẽ.

Để thực hiện tốt định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo; chiến lược cán bộ của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện có kết quả một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và công nhân viên ở các trường học:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong trường học về lý tưởng cách mạng, về các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của công tác giáo dục - đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng con người có đủ đức, tài, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong thời kỳ mới.

- Tổ chức đảng ở mỗi trường học phải căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của mình, lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII), trong đó đặc biệt chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cách mạng. Xác định rõ trách nhiệm của

cấp uỷ đảng, hiệu trưởng, hội đồng khoa học, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, đội ngũ giáo viên, các đoàn thể, khoa Mác - Lênin, phòng công tác chính trị, ban quản lý ký túc xá, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Xây dựng đội ngũ giáo viên thực sự là những chiến sĩ trên mặt trận giáo dục, là tấm gương sáng về đạo đức, nhân cách cho học sinh, sinh viên noi theo. Bồi dưỡng ý thức tự giác của học sinh, sinh viên trong học tập, hoạt động xã hội, rèn luyện phẩm chất chính trị và nhân cách. Kiên quyết khắc phục tư tưởng chuyên môn đơn thuần, xem nhẹ các mặt công tác chính trị tư tưởng.

- Làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên chính trị, giáo viên dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục công dân. Cải tiến nội dung giáo trình và phương pháp giảng dạy để từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, quốc văn... Thường xuyên cung cấp thông tin thời sự, chính sách cho giáo viên, học sinh, sinh viên, làm cho nhà trường luôn bám sát nhiệm vụ chính trị và thực tiễn cuộc sống.

- Có biện pháp tích cực củng cố tổ chức và tạo mọi điều kiện để phát huy vai trò của các đoàn thể trong nhà trường, góp phần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên về lý tưởng cách mạng, đạo đức và lối sống lành mạnh. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên phải là nòng cốt trong các phong trào dạy tốt, học tốt; trong các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; xây

dựng trường, lớp, ký túc xá văn minh, sạch đẹp và tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Ban cán sự đảng ngành giáo dục và đào tạo ở Trung ương và địa phương phối hợp với Ban Tư tưởng, Văn hoá Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và các ban tuyên giáo của cấp uỷ các cấp, tổ chức các lớp bồi dưỡng thường xuyên và theo định kỳ (vào các dịp nghỉ hè) về chính trị, nghiệp vụ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cho các cấp uỷ viên, hiệu trưởng, hiệu phó, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, giáo viên, cán bộ đoàn thể ở các trường; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức tốt các chương trình có ý nghĩa giáo dục sinh động và phát triển trí thông minh của học sinh, sinh viên như các chương trình “SV 96”, “7 sắc cầu vồng”..., và các chủ đề bổ ích khác.

- Cấp uỷ huyện, quận... chỉ đạo các trung tâm bồi dưỡng chính trị, mở các lớp chuyên đề về Đảng cho những người là đối tượng, cảm tình đảng, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và kinh nghiệm công tác xây dựng đảng, công tác vận động quần chúng cho các cấp uỷ viên, cán bộ quản lý và đảng viên dự bị ở các chi bộ, đảng bộ nhà trường.

- Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp uỷ và ngành giáo dục và đào tạo cần định kỳ kiểm tra công tác chính trị tư tưởng; công tác xây dựng tổ chức đảng và đoàn thể ở các trường học; tổ chức hội thảo, tiếp xúc đối thoại với quần chúng, giải thích đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và giải đáp thắc mắc của quần chúng khi có yêu cầu.

2. Xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh:

Từ nay đến năm 2000, phấn đấu xây dựng các tổ chức đảng trong trường học đa số đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; thu hẹp diện cơ sở yếu kém.

- Các tổ chức đảng nhà trường sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy định số 51-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khoá VII) về chức năng nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trường học; xây dựng, bổ sung quy chế hoạt động của tổ chức đảng, quy chế thực hiện dân chủ bảo đảm thực hiện thắng lợi mọi đường lối, chủ trương của Đảng trong nhà trường.

Các tổ chức đảng trường học phải chú trọng lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học; lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ theo phân cấp; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; phát huy quyền làm chủ của quần chúng; chống quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Ở các trường dân lập, nếu có đủ ba đảng viên chính thức trở lên thường xuyên làm việc tại trường thì thành lập chi bộ; chi bộ hoạt động theo các quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với cơ chế quản lý trường dân lập. Hằng năm tổ chức hội nghị đảng viên đang giảng dạy và công tác ở trường dân lập, bảo đảm thực hiện tốt quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước trong công tác giáo dục, đào tạo.

3. Tích cực tạo nguồn, làm tốt công tác phát triển đảng viên trong cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên, nhất là ở những cơ sở hiện còn ít hoặc chưa có đảng viên:

- Trên cơ sở bảo đảm chất lượng, đổi mới công tác giáo dục, nâng cao ý thức tự giác phấn đấu của quần chúng vì lý tưởng của Đảng, thông qua phong trào thi đua dạy và học và lao động sáng tạo ở các trường để tạo nguồn bổ sung nhân tố mới cho Đảng. Phấn đấu từ nay đến năm 2000, ở tất cả các trường đều có đảng viên; các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non có chi bộ hoặc tổ đảng; các trường phổ thông trung học, dạy nghề và các trường dân lập đều có chi bộ; các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học công lập có đảng bộ.
- Cấp uỷ, chi bộ ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề cần làm tốt công tác tạo nguồn phát triển đảng viên, nâng cao hơn tỷ lệ đảng viên trong số giáo viên trẻ và học sinh, sinh viên.
- Ở các trường thuộc cấp huyện và cơ sở quản lý, cấp uỷ huyện và cơ sở cần phân công đảng viên làm công tác phát triển Đảng, đồng thời phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo cấp trên có kế hoạch cử cán bộ, giáo viên ở các trường có đông đảng viên đến tăng cường cho các trường còn ít hoặc chưa có đảng viên, đẩy mạnh hoạt động của các đoàn thể, qua đó mà lựa chọn các giáo viên ưu tú để kết nạp vào Đảng, tiến tới lập tổ đảng, chi bộ đảng. Chú ý vận dụng thực hiện các chế độ, chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những cán bộ, đảng viên, giáo viên được

điều động đến công tác ở các vùng có nhiều khó khăn.

Củng cố và phát huy mạnh hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng.

4. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các trường học:

Các ban cán sự đảng ở bộ, sở và lãnh đạo phòng giáo dục (theo phân cấp quản lý cán bộ) cùng với cấp uỷ địa phương tiến hành việc nhận xét, đánh giá chất lượng cán bộ lãnh đạo chủ chốt (hiệu trưởng, bí thư cấp uỷ...) theo định kỳ; xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt; kịp thời thay thế những cán bộ không đủ tiêu chuẩn.

Các cấp uỷ cấp trên của tổ chức đảng trường học phải chỉ đạo chặt chẽ việc kiện toàn nhân sự, nâng cao chất lượng cấp uỷ qua các kỳ đại hội đảng bộ, chi bộ trường học. Bí thư chi bộ, bí thư đảng uỷ phải có đủ tiêu chuẩn như Điều lệ Đảng quy định.

5. Tổ chức chỉ đạo thực hiện:

Từ nay đến hết năm 1998, các cấp uỷ địa phương (tỉnh, thành, huyện, quận, xã, phường) và cấp uỷ, chi bộ ở các trường phải sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chính trị tư tưởng, xây dựng, củng cố các tổ chức đảng và đoàn thể; tạo nguồn phát triển đảng viên trong các trường học từ khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII) đến nay. Trên cơ sở đó xây dựng chương trình hành động cụ thể từ nay đến năm 2000, định rõ mục tiêu

phần đầu từng năm và trọng điểm chỉ đạo đối với từng loại trường một cách thiết thực.

- Sắp xếp lại hệ thống tổ chức chỉ đạo của các cấp uỷ cấp trên đối với các tổ chức cơ sở đảng trường học; không lập tổ chức đảng ngành dọc mà gắn vào sự chỉ đạo của các cấp uỷ địa phương theo phân cấp.

- Các ban cán sự đảng và đảng đoàn ở Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... có kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị này trong bộ, ngành, đoàn thể mình. Các cơ quan có trách nhiệm cần nghiên cứu, bổ sung một số chính sách, chế độ cụ thể đối với các trường học, bảo đảm và thực hiện đúng các chế độ chi tiêu ngân sách của nhà trường, bao gồm cả các khoản chi cho hoạt động của các tổ chức đảng, các đoàn thể, các hoạt động chính trị tư tưởng và tổ chức đời sống tinh thần cho học sinh, sinh viên theo quy định của Nhà nước.

- Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng, Văn hoá Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này ở các cấp, các ngành, tổng hợp tình hình báo cáo với Bộ Chính trị theo định kỳ.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
Phạm Thế Duyệt

9. Chỉ thị 61-CT/TW ngày 28-12-2000 của Bộ Chính trị về việc thực hiện phổ cập trung học cơ sở

Hơn 10 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, ngành giáo dục đã cùng với các ngành, các cấp tích cực triển khai công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đến nay cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và đang củng cố, phát huy các kết quả này, tiếp tục phát triển mạnh giáo dục thường xuyên.

Bước vào thế kỷ XXI, chất lượng nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định trong việc phát huy nội lực, phát triển đất nước, hợp tác và cạnh tranh trong hội nhập khu vực và quốc tế, điều đó đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao học vấn của những người lao động. Vì vậy, việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn 2001-2010 có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhằm góp phần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của phổ cập trung học cơ sở là nâng cao mặt bằng dân trí một cách toàn diện, làm cho hầu hết công dân đến 18 tuổi đều tốt nghiệp trung học cơ sở, kết hợp phân luồng sau cấp học này, tạo cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, phát huy cao độ tính độc lập, năng động, sáng tạo và bản lĩnh chính trị của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa VIII đã đề ra và thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến địa phương phải:

1. Nhanh chóng xây dựng và thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở gắn với việc đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ, với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mở cửa, hội nhập, toàn cầu hoá, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
2. củng cố và phát huy kết quả của công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; tiếp tục công việc này ở những nơi còn chưa đạt chuẩn.
3. Có kế hoạch tiếp tục củng cố và xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng tiêu chuẩn hoá và hiện đại hoá.
4. Có kế hoạch cụ thể củng cố và nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các trường sư phạm, đặc biệt là đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm bảo đảm đủ về số lượng và chuẩn hoá về trình độ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện tốt nội dung chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở - mở rộng và hoàn thiện mạng lưới trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ, chính sách

đãi ngộ thoả đáng đối với giáo viên nói chung và giáo viên tham gia công tác phổ cập trung học cơ sở nói riêng.

5. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động giáo dục, đặc biệt đối với việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các cấp uỷ đảng, uỷ ban nhân dân, hội đồng nhân dân phải có kế hoạch chỉ đạo ngay từ năm học này và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc làm tốt công tác tuyên truyền, vận động học sinh, giáo viên, nhân dân thực hiện đúng tiến độ và có chất lượng phổ cập trung học cơ sở ở địa phương.

6. Những nơi đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở cần tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, tổ chức phân luồng sau cấp học này và tuỳ điều kiện có thể tiến hành phổ cập bậc trung học (trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề).

Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hoá về mặt nhà nước các giải pháp, chính sách được nêu trong Chỉ thị này và Nghị quyết của Quốc hội thông qua ngày 9-12-2000, xây dựng kế hoạch, bước đi, bảo đảm các điều kiện và chỉ đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Các ban cán sự đảng các bộ, ngành, các cấp uỷ đảng từ Trung ương đến địa phương phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở, coi đây là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội động viên nhân dân tích cực, chủ động tham gia có hiệu quả vào các hoạt động phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối giúp Bộ Chính trị hướng dẫn và đôn đốc, kiểm tra thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Phạm Thế Duyệt

10. Nghị quyết số 41/2000/QH10 của Quốc hội ngày 9-12-2000 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật giáo dục;

Sau khi xem xét tờ trình của Chính phủ về chủ trương đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, báo cáo thẩm tra của Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT ĐỊNH

Tán thành đề nghị của Chính phủ về chủ trương thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong cả nước từ năm 2001 đến năm 2010; đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau:

I. Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2001-

2010 là phải bảo đảm cho hầu hết thanh niên, thiếu niên sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học tập để đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết tuổi 18, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở phải đạt được các chỉ tiêu sau:

1. Đối với xã, phường, thị trấn:

- Bảo đảm duy trì, củng cố kết quả và hoàn thiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học.

- Huy động số học sinh tốt nghiệp tiểu học hằng năm vào học trung học cơ sở đạt tỷ lệ từ 95% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 80% trở lên.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở trung học cơ sở; giảm tỷ lệ lưu ban, bỏ học; bảo đảm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hằng năm từ 90% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 75% trở lên.

- Bảo đảm tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đạt trình độ trung học cơ sở từ 80% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 70% trở lên.

2. Đối với quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Bảo đảm 90% số xã, phường, thị trấn đạt các mục tiêu phổ

cấp giáo dục trung học cơ sở.

3. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Bảo đảm 100% số quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt các mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

II. Trách nhiệm của công dân, gia đình, tổ chức và Nhà nước đối với việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1. Công dân trong diện phổ cập giáo dục có quyền và nghĩa vụ học tập để đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết tuổi 18.

2. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Nhà nước có chính sách bảo đảm các điều kiện về giáo viên, trường lớp, sách giáo khoa, trang thiết bị và tài chính để phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tiếp tục thực hiện thu học phí ở trung học cơ sở, đồng thời miễn, giảm học phí cho đối tượng nghèo, đối tượng được hưởng chính sách xã hội; cấp sách giáo khoa, học phẩm cho đối tượng có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn.

4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân đóng góp công sức và vật chất cho việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm động viên toàn

dân tích cực thực hiện và giám sát việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

III. Tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1. Giao Chính phủ chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm các điều kiện về tài chính, biên chế giáo viên, nâng cấp và xây dựng trường lớp, trang thiết bị theo hướng chuẩn hoá đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội giám sát việc triển khai thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Nông Đức Mạnh

11. Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22-11-2001 của Chính phủ về việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

NGHỊ ĐỊNH CHÍNH PHỦ

Về việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30-9-1992;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 02-12-1998;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2000/QH10 ngày 9-12-2000 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 8 về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Nghị định

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định và hướng dẫn chi tiết thi hành Luật giáo dục và Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện phổ

cấp giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010; xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, nhà trường và cơ sở giáo dục khác, gia đình, tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 2. Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở là thanh niên, thiếu niên Việt Nam trong độ tuổi từ 11 đến hết 18, đã tốt nghiệp tiểu học, chưa tốt nghiệp trung học cơ sở.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Những từ ngữ dưới đây dùng trong Nghị định này được hiểu như sau:

- 1. Độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở* là từ 11 tuổi đến hết 18 tuổi.
- 2. Người đạt trình độ trung học cơ sở* là người được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định tại Điều 27 của Luật giáo dục.
- 3. Nơi cư trú* là nơi học sinh có đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc là nơi học sinh đã đăng ký tạm trú và sống thường xuyên tại đó từ 6 tháng trở lên.
- 4. Trường trung học cơ sở công lập tại nơi cư trú của học sinh* là trường trung học cơ sở công lập ở trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi học sinh cư trú.
- 5. Địa bàn phụ trách của một trường trung học cơ sở công lập* là khu vực dân cư nơi nhà trường chịu trách nhiệm tuyển sinh theo quy định của cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp.

6. Xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn là những xã thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa được Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 4. Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở là bảo đảm cho hầu hết thanh niên, thiếu niên sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học tập để đạt trình độ trung học cơ sở trước khi hết tuổi 18, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điều 5. Chương trình giáo dục, phương thức giáo dục

1. Chương trình giáo dục được áp dụng để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở là chương trình trung học cơ sở hoặc chương trình bổ túc trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Phương thức giáo dục được áp dụng để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở là phương thức giáo dục chính quy hoặc phương thức giáo dục không chính quy.
3. Việc áp dụng chương trình trung học cơ sở theo phương thức giáo dục chính quy và chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy tại các cơ sở giáo dục được quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Điều 6. Đầu tư cho phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở là một mục tiêu thuộc

Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở; khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế, chính phủ các nước, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở Việt Nam theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

Quyền và nghĩa vụ của đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ học tập của đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1. Học tập để đạt trình độ trung học cơ sở là quyền và nghĩa vụ của tất cả các đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
2. Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở được học tại các trường trung học cơ sở tại nơi cư trú theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở nếu vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không thể học chương trình trung

học cơ sở theo phương thức giáo dục chính quy thì có thể học chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy do trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, cơ sở giáo dục khác tổ chức.

Điều 8. Thu và miễn, giảm học phí, cấp sách giáo khoa và học phẩm đối với đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

1. Thu học phí đối với đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trừ các đối tượng thuộc diện được miễn theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở thuộc diện sau:

a) Được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ;

b) Được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ;

c) Học theo phương thức không chính quy vì hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Cấp sách giáo khoa và học phẩm cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở thuộc diện sau:

a) Học sinh ở các cơ sở giáo dục thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn;

b) Học sinh học chương trình bổ túc trung học cơ sở, theo

phương thức không chính quy vì hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với thanh niên, thiếu niên Việt Nam ở nước ngoài và thanh niên, thiếu niên người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam

1. Thanh niên, thiếu niên Việt Nam thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống ở nước ngoài được cha, mẹ hoặc người giám hộ tạo điều kiện cần thiết và được Nhà nước giúp đỡ để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
2. Thanh niên, thiếu niên là người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam, đã tốt nghiệp tiểu học, có nguyện vọng học trung học cơ sở ở nhà trường Việt Nam được phép vào học tại trường trung học cơ sở nơi cư trú và được hưởng mọi quyền lợi như học sinh Việt Nam.

Chương III

Nhà trường, gia đình và xã hội trong việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Điều 10. Trách nhiệm của trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân

1. Trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường

xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác thuộc các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục có trách nhiệm thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phối hợp với chính quyền, gia đình, tổ chức và cá nhân vận động học sinh thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở đến trường; phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

2. Trường trung học cơ sở có trách nhiệm:

a) Thực hiện chương trình trung học cơ sở theo phương thức giáo dục chính quy, bảo đảm chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Tổ chức thực hiện chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tập theo phương thức chính quy, khi được cơ quan quản lý trực tiếp về giáo dục giao nhiệm vụ;

c) Tiếp nhận, tổ chức học tập cho các đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở cư trú thường xuyên trên địa bàn thuộc phạm vi trường phụ trách; có thể tiếp nhận thêm học sinh ngoài địa bàn phụ trách nhưng không vượt định mức về số học sinh/lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trung tâm giáo dục thường xuyên có trách nhiệm thực hiện chương trình bổ túc trung học cơ sở theo phương thức giáo dục không chính quy cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tại các trường trung học cơ sở.

4. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ quy định ở các khoản 2 và 3 của Điều này.

5. Các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn theo yêu cầu của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Cha, mẹ hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha, mẹ) có những trách nhiệm và quyền sau đây:

1. Bảo đảm cho con hoặc trẻ em được giám hộ (sau đây gọi chung là con em) thuộc đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở học tập để đạt trình độ trung học cơ sở.
2. Tạo mọi điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường để phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ nhằm đạt được mục tiêu giáo dục trung học cơ sở.
3. Đóng học phí cho con em theo quy định hiện hành, nếu thuộc diện phải đóng học phí.
4. Kết hợp với nhà trường và đoàn thể trong việc giáo dục con em, thực hiện sự phối hợp giáo dục phù hợp luật pháp; làm gương tốt cho con em trong đời sống gia đình và xã hội.
5. Góp ý kiến với nhà trường hoặc cơ quan quản lý giáo dục

về việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

6. Tham gia các hoạt động của cha, mẹ do nhà trường hoặc cơ quan quản lý về giáo dục tổ chức nhằm thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức và công dân đối với việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm và có quyền tham gia thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở tùy theo khả năng, điều kiện của mình và theo quy định của pháp luật. Cụ thể là:

1. Vận động cha, mẹ bảo đảm cho con em trong độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở học tập đạt trình độ trung học cơ sở.
2. Phối hợp với nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giúp đỡ đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
3. Thực hiện và vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp tiền của, công sức cho nhà trường hoặc cơ quan quản lý giáo dục theo quy định của pháp luật để phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
4. Kiểm tra, giám sát cơ quan nhà nước, nhà trường, gia đình, tổ chức và các nhân trong việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở; khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đối với hành vi ngăn cản phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
5. Tuyên truyền vận động phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

CHƯƠNG IV

Điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Điều 13. Tài chính

1. Các nguồn tài chính dùng để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở bao gồm: ngân sách nhà nước; học phí, tiền đóng góp xây dựng trường, lớp; các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu.
2. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), căn cứ vào khung học phí do Thủ tướng Chính phủ quy định để quy định mức thu học phí và việc sử dụng học phí trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.
3. Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào nhu cầu phát triển giáo dục, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp của nhân dân ở địa phương quy định mức đóng góp xây dựng trường, lớp trên cơ sở lấy ý kiến nhân dân và đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 14. Giáo viên

1. Giáo viên các trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp

và các cơ sở giáo dục khác tham gia giảng dạy tại các lớp phổ cập trung học cơ sở nếu chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 của Luật giáo dục thì có trách nhiệm học tập và được cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp tạo điều kiện học tập.

2. Giáo viên khi tham gia giảng dạy tại các lớp bổ túc giáo dục trung học cơ sở dành cho đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có điều kiện học tập theo phương thức chính quy được hưởng thù lao theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 15. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn về cơ sở vật chất kỹ thuật của trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

2. Các địa phương phải bảo đảm để các trường trung học cơ sở có đủ các điều kiện về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng hoặc bãi tập luyện thể dục - thể thao, thư viện, sân chơi theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; tạo điều kiện để các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết nhằm tổ chức các hoạt động giáo dục không chính quy, giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp.

Điều 16. Chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục ngoài công lập

1. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập khi tiến hành các hoạt

động thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến khích về cơ sở vật chất, đất đai, về thuế, phí, lệ phí và về tín dụng quy định trong Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.

2. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập khi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, cấp sách giáo khoa và học phẩm theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này được Nhà nước hỗ trợ ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG V

Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền nhằm bảo đảm điều kiện, chất lượng và tiến độ thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
2. Quy định mục tiêu, chương trình giáo dục, bảo đảm tính thống nhất về chuẩn trình độ giáo dục; đồng thời có giải

pháp và phương án vận dụng chương trình giáo dục để phù hợp điều kiện và hoàn cảnh học tập của học sinh; phối hợp với các cơ quan có liên quan quy định việc tổ chức biên soạn, duyệt, in, phát hành và sử dụng sách giáo khoa trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ; về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

4. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phục vụ sự nghiệp giáo dục nói chung và phổ cập giáo dục trung học cơ sở nói riêng.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra các địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp dưới trong việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở; kịp thời phát hiện và đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn trong việc thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở; hằng năm báo cáo tình hình và kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở với Thủ tướng Chính phủ.

6. Đề nghị Nhà nước khen thưởng các cá nhân, tổ chức, địa phương có thành tích trong sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Tổng hợp kế hoạch, cân đối nguồn lực, bảo đảm tiến độ

thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới trường học và thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp trường học phục vụ nhu cầu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Ưu tiên sử dụng vốn ODA trong giai đoạn 2001 - 2010 để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đổi mới quy định về tuyển dụng giáo viên vào biên chế phù hợp với tình thần cải cách bộ máy hành chính và điều kiện, hoàn cảnh thực tế; giao chỉ tiêu biên chế cho ngành giáo dục bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với việc triển khai nhiệm vụ từng năm học; chỉ đạo, hướng dẫn củng cố, tăng cường bộ máy quản lý giáo dục ở cấp tỉnh và cấp huyện.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hoàn thiện chính sách tài chính, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài chính của tổ chức hoặc cá nhân trong quản lý và sử dụng nguồn tài chính được huy động thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; ưu tiên dành ngân sách nhà nước đầu tư cho sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Ban hành các định mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục học sinh trung học cơ sở theo phương thức chính quy, không chính quy; bảo đảm phân bổ và cấp phát ngân sách kịp thời để thực hiện mục tiêu phổ cập trung học cơ sở.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao

động, Thương binh và Xã hội, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xây dựng chính sách cho giáo viên, học sinh và cho cơ sở giáo dục ngoài công lập trong sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với các trường hợp quy định tại Điều 8, Điều 14 và Điều 16 của Nghị định này.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam xây dựng chính sách hỗ trợ, giúp đỡ các trẻ em là con liệt sĩ, con thương binh nặng, trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em thuộc diện hộ đói nghèo thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2. Cùng cố, tăng cường, phát triển các cơ sở dạy nghề, phối hợp giáo dục nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, thu hút một phần học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở để đào tạo thành những người lao động có kỹ năng nghề nghiệp.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Thể dục Thể thao

Bộ Y tế, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Thể dục Thể thao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm các yêu cầu về y tế học đường, giáo dục môi trường và giáo dục thể chất của các trường trung học cơ sở.

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham gia thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 24. Trách nhiệm của uỷ ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng và cân đối ngân sách địa phương, khai thác và huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở của địa phương, thể hiện bằng các chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm và 10 năm của địa phương.

2. Thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trong việc thực hiện các chính sách về phổ cập giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở địa phương.

3. Đầu tư và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành xây dựng, nâng cấp trường, lớp; mua sắm trang thiết bị cho các trường trung học cơ sở công lập, bán công; kiểm tra các trường trung học cơ sở dân lập, tư thục thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật nhà trường.

4. Xây dựng kế hoạch biên chế giáo viên trên địa bàn làm căn cứ để Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ giao chỉ tiêu; tổ chức tuyển dụng giáo viên bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên.

5. Hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý các trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc mọi

loại hình cơ sở giáo dục trên địa bàn; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn.

2. Thực hiện các quy định về sử dụng ngân sách chi cho giáo dục trong đó có phần dành cho việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; bảo đảm các điều kiện về tổ chức, nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất cho các trường tiểu học và trung học cơ sở công lập, bán công theo quy định của Nhà nước.

3. Bảo đảm việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh theo quy định của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi và có biện pháp cải thiện đời sống của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bằng các chính sách đãi ngộ của địa phương.

4. Vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia đóng góp cho sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Theo dõi việc học tập của đối tượng phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn; phối hợp với tổ chức đoàn thể xã hội trên địa bàn tuyên truyền, vận động, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để các gia đình cho con em trong độ tuổi phổ cập giáo dục trung học cơ sở được đi học để đạt trình độ trung học cơ sở.

2. Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tổ chức các hình thức học tập thích hợp giúp đối tượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có

điều kiện học tập theo phương thức chính quy được học tập theo phương thức không chính quy để đạt trình độ trung học cơ sở.

3. Vận động nhân dân đóng góp tiền của, công sức xây dựng, tu tạo, bảo vệ các công trình giáo dục trên địa bàn; phối hợp với nhà trường và các đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục hoàn thành nhiệm vụ.

CHƯƠNG VI

Công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Điều 27. Đơn vị được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Đơn vị được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 của Nghị định này tùy theo từng cấp và có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đối với cấp xã:

a) Duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học: số trẻ em 6 tuổi đi học lớp 1 đạt tỷ lệ từ 90% trở lên; có ít nhất 80% số trẻ em ở độ tuổi 11 đến 14 tốt nghiệp tiểu học, số

trẻ em còn lại trong độ tuổi này đang học tiểu học; đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn huy động số trẻ em 6 tuổi đi học lớp 1 đạt tỷ lệ từ 80% trở lên và có ít nhất 70% số trẻ em ở độ tuổi 11 đến 14 tốt nghiệp tiểu học, số trẻ em còn lại trong độ tuổi này đang học tiểu học;

b) Hằng năm, huy động số học sinh tốt nghiệp tiểu học vào trung học cơ sở đạt tỷ lệ từ 95% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 80% trở lên;

c) Bảo đảm tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở từ 80% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 70% trở lên;

d) Hằng năm, bảo đảm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở từ 90% trở lên; ở những xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn từ 75% trở lên.

2. Đối với cấp huyện: ít nhất có 90% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

3. Đối với cấp tỉnh: có tất cả các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 28. Thẩm quyền công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trách nhiệm của đơn vị đạt chuẩn

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công

nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với cấp xã.

2. Thành phần tham gia kiểm tra ở từng cấp bao gồm đơn vị chủ trì được quy định tại khoản 1 Điều này và đại diện của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội cùng cấp.

3. Đối với những đơn vị đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm củng cố, duy trì, hoàn thiện kết quả thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc duy trì kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG VII

Khen thưởng và xử lý vi phạm

Điều 29. Khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích về phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phổ

cấp giáo dục trung học cơ sở được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng.

Điều 30. Xử lý vi phạm

Người nào có hành vi gây khó khăn, cản trở việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

Điều khoản thi hành

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

12. Thông báo số 146-TB/TW ngày 23-6-1998 về kết luận của Bộ Chính trị về một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết 02 NQ/HNTW khoá VIII về giáo dục-đào tạo

Sau khi nghe báo cáo về kết quả triển khai việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về giáo dục - đào tạo, Bộ Chính trị đã thảo luận và nhấn mạnh một số điểm như sau:

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai được Chính phủ, các địa phương và ngành giáo dục - đào tạo triển khai khẩn trương, nghiêm túc, sâu rộng và đã thu được một số kết quả tốt. Đặc biệt phong trào học tập được khơi dậy mạnh mẽ trong nhân dân, mọi nhà chăm lo cho con em đi học, xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục; quy mô tất cả các cấp học, bậc học đều tăng rõ rệt. Một số chủ trương đã được thể chế hoá bằng các văn bản pháp quy, bước đầu đã phát huy được tác dụng.

Tuy nhiên, việc khắc phục nhiều mặt yếu kém trong công tác giáo dục - đào tạo đã được chỉ rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai chưa có chuyển biến đáng kể; chủ yếu là do việc thảo luận để đi đến nhất trí cao về chủ trương, biện pháp làm chưa kỹ; các cấp, các ngành chậm xây dựng kế hoạch và chưa phối hợp thật tốt trong việc tổ chức thực hiện. Công tác quản lý sự nghiệp giáo dục của ngành giáo dục - đào tạo tuy đã có cố gắng nhưng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm.

2. Những vấn đề cụ thể cần giải quyết:

Để giải quyết những vấn đề cụ thể của công tác giáo dục - đào

xuất với Chính phủ giải pháp tổ chức lại Đại học Quốc gia, xây dựng trường Đại học Sư phạm trọng điểm để Chính phủ quyết định.

- Về chủ trương phân ban ở trung học phổ thông.

Phải bảo đảm cho học sinh phổ thông trung học được giáo dục kiến thức phổ thông, toàn diện, hướng nghiệp. Chính phủ sớm quyết định cụ thể về mô hình phân ban ở phổ thông trung học để kịp thực hiện trong năm học 1998-1999.

- Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng-Văn hoá Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo có đề án cụ thể để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân phù hợp với các cấp học, các lứa tuổi.

- Về dạy nghề.

Đây là vấn đề cấp thiết phải được coi trọng và đẩy mạnh trong những năm tới. Hiện nay, Chính phủ đã có quyết định thành lập Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ đạo Tổng cục Dạy nghề cần khẩn trương xây dựng các đề án về dạy nghề và xây dựng chiến lược dạy nghề trình Chính phủ. Việc Tổng cục Dạy nghề vẫn thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hay trực thuộc Chính phủ, cần được bàn kỹ và Chính phủ quyết định. Ban Khoa giáo Trung ương theo dõi công tác đào tạo nghề và thường xuyên báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

- Về chính sách đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành có liên quan khẩn trương nghiên cứu trình Chính phủ tiếp tục ban hành các chế độ, chính sách đối với giáo dục theo

tạo, Bộ Chính trị yêu cầu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Hội đồng Quốc gia giáo dục, lãnh đạo ngành giáo dục - đào tạo phối hợp với các ban ngành liên quan xây dựng các đề án, đề xuất những chủ trương để Chính phủ xem xét, quyết định theo tinh thần Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII. Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau:

- Vấn đề phát triển quy mô và bảo đảm chất lượng đào tạo

Đảng và Nhà nước ta không chủ trương hạn chế quy mô phát triển giáo dục, song cần có những biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về công tác giáo dục, đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo như đội ngũ thầy giáo, cơ sở vật chất, tổ chức quản lý, nội dung chương trình...

- Vấn đề đào tạo hai giai đoạn ở đại học và đại học đại cương: Bộ Chính trị đồng ý với nhiều ý kiến đề nghị bỏ trường đại học đại cương và quy định cứng về đào tạo hai giai đoạn, bỏ kỳ thi chuyển giai đoạn như là một kỳ thi quốc gia. Việc tổ chức học chương trình đại cương giao cho Giám đốc Đại học Quốc gia, đại học vùng, Hiệu trưởng các trường đại học chủ động bàn bạc, thực hiện.

Tuy nhiên, trong khi triển khai cụ thể chủ trương này, các trường cần tính toán kỹ, có kế hoạch và biện pháp cụ thể xử lý những vấn đề phức tạp có thể nảy sinh.

- Về Đại học Quốc gia và trường Đại học Sư phạm trọng điểm

Chủ trương xây dựng Đại học Quốc gia có chất lượng cao là đúng. Giao cho Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng Ban Khoa giáo Trung ương có đề án đánh giá cụ thể kết quả thực hiện chủ trương này những năm vừa qua; trong đó phân tích kỹ những mặt được và chưa được, đề

tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ hai.

- Vấn đề ký túc xá.

Chính phủ chỉ đạo cụ thể việc thực hiện chương trình sửa chữa, nâng cấp, xây mới ký túc xá cho học sinh, sinh viên. Cần định rõ trách nhiệm và phạm vi các ngành Trung ương, tỉnh, thành phải làm. Cho tư nhân được tham gia đầu tư xây dựng ký túc xá, nhưng phải có sự quản lý theo quy định.

Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai về giáo dục - đào tạo, cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý của ngành giáo dục và của các cấp chính quyền, đưa Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai thực sự vào cuộc sống.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Phạm Thế Duyệt

13. Thông báo số 214-TB/TW ngày 3-5-1999 về ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị về đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng

Sau khi nghe Ban Khoa giáo Trung ương trình bày đề án “Nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng” và ý kiến phát biểu của các đồng chí Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Phú Trọng, Phạm Gia Khiêm, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương... Thường vụ Bộ Chính trị nhất trí với nội

dung cơ bản đã nêu trong đề án và lưu ý mấy điểm sau:

- Cần tính kỹ số lượng và phạm vi nội dung những bộ môn về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đưa vào chương trình giảng dạy và học tập tại các trường đại học và cao đẳng. Chính phủ cần ban hành quy định về các bộ môn chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh bắt buộc phải học đối với cả sinh viên trong nước và nước ngoài học tập tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam và phải được tổ chức giảng dạy, thi cử nghiêm túc.

Nhanh chóng ban hành giáo trình chuẩn thống nhất về các môn học này.

- Cần có phương án cụ thể chọn lựa đối tượng đào tạo giáo viên cho các môn học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu giáo dục và học tập tại các trường đại học và cao đẳng trong những năm tới, chọn lựa trong đội ngũ sĩ quan quân đội trẻ đã được rèn luyện, số cán bộ trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, những cán bộ đã có trình độ đại học... có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực nghiên cứu và giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng nội dung, tư tưởng giảng dạy các bộ môn này.

- Về chế độ đối với cán bộ giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nên giải quyết theo hướng có phụ cấp thoả đáng, động viên được anh em. Việc này Chính phủ xem xét quyết định cụ thể.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các ban, ngành liên quan xây dựng các đề án cụ thể về các vấn đề trên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin thông báo các đồng chí biết và thực hiện.

14. Trích Nghị quyết của Chính phủ số 08/2001/NQ-CP ngày 2-8-2001 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7-2001 (Phần nói về Dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo 2001-2010)

Trong hai ngày 30 và 31-7-2001, Chính phủ họp phiên thường kỳ tháng 7, thảo luận và quyết nghị các vấn đề sau:

...

2. Chính phủ nghe Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đọc tờ trình về Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo từ năm 2001 đến năm 2010.

Chính phủ nhận định: qua 15 năm đổi mới, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước đã có bước phát triển về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất; trình độ dân trí được nâng lên rõ rệt; chủ trương xã hội hoá giáo dục đã đem lại kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, chất lượng giáo dục đại trà ở các cấp học, bậc học còn thấp. Khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và kỹ năng thực hành của học sinh, sinh viên còn yếu. Nhiệm vụ rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống đạt hiệu quả thấp. Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, phương pháp giáo dục, phương tiện giảng dạy còn nhiều bất cập. Cơ cấu đào tạo còn bất hợp lý. Giáo dục đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất khó khăn. Những hiện tượng tiêu cực, thiếu kỷ cương trong giáo dục và đào tạo còn khá phổ biến.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong những năm tới, Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo cần thể hiện quyết tâm cao của Chính phủ bằng những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chấn chỉnh những lệch lạc, nhanh chóng đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực, nhức nhối trong giáo dục đang diễn ra hiện nay, khẩn trương cải tiến chế độ thi cử, tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hoá giáo dục, phấn đấu thoát khỏi tình trạng lạc hậu so với các nước trong khu vực.

Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ và các đại biểu dự họp, lấy ý kiến của các chuyên gia, tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh Dự thảo chiến lược, trình Chính phủ thông qua.

Đối với những vấn đề bức xúc trong giáo dục và đào tạo cần kịp thời chấn chỉnh như tình trạng thương mại hoá trong dạy thêm, học thêm; việc thay sách giáo khoa; tiêu cực, lãng phí trong thi tuyển; việc tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng... Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện.

PHẦN THỨ HAI

Một số bài phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Lễ khai giảng năm học mới của Đại học Quốc gia Hà Nội

(Ngày 18-8-2001)

Nhân dịp khai giảng năm học mới, thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi thân ái gửi tới các giáo sư, các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ, nhân viên, các em học sinh, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội lời chúc mừng nồng nhiệt nhất. Tôi cũng thân ái gửi tới các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ, nhân viên trong ngành giáo

dục và đào tạo cùng đội ngũ đông đảo học sinh, sinh viên cả nước lời chúc sức khỏe và thành đạt nhân dịp bắt đầu năm học mới 2001-2002, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đưa dân tộc ta vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Nhân loại đã bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới với những biến đổi to lớn, ghi đậm những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Sự phát triển mạnh mẽ của thế giới trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, đã tạo ra thời cơ mới, đồng thời cũng đặt ra cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta những thử thách to lớn. Trên cơ sở giữ vững mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong những thập niên đầu của thế kỷ mới, mục tiêu của Đảng ta đã xác định là phải tăng GDP (tổng sản phẩm trong nước) của đất nước lên gấp đôi sau mỗi thập niên, phấn đấu đến năm 2010 đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, đến năm 2020 đưa nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp. Đây là mục tiêu chiến lược và là thử thách có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của dân tộc ta trong thời kỳ mới. Ngày nay, cuộc đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc không chỉ là bình đẳng về chính trị, mà còn phải bình đẳng cả về kinh tế, văn hóa và về cơ hội phát triển. Kinh tế không đủ mạnh, không làm chủ được công nghệ hiện đại, không vươn tới để chiếm lĩnh được những đỉnh cao của khoa học - kỹ thuật, không chấn hưng được đất nước thì không thể nói đến bình đẳng thực sự. Dân tộc ta đã trải qua mấy nghìn năm đấu tranh

kiên cường để dựng nước và giữ nước, từ một dân tộc nô lệ và đói nghèo, Việt Nam đã trở thành một dân tộc đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong đấu tranh vì tự do và độc lập. Đó cũng chính là sức mạnh truyền thống to lớn để hôm nay chúng ta tiếp tục vững bước trong cuộc đấu tranh chống nghèo nàn và lạc hậu, nhằm xây dựng một nước Việt Nam công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh cùng sánh bước với các dân tộc phát triển trên thế giới trong thế kỷ mới. Tuy nhiên, sự phát triển với tốc độ cao trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế của thế giới ngày nay, một mặt tạo ra cho các quốc gia thời cơ lớn để phát triển, mặt khác đặt ra những thách thức rất lớn phải vượt qua để giữ vững độc lập tự chủ trong quá trình cạnh tranh gay gắt về kinh tế, đồng thời cũng làm nảy sinh những tiêu cực mới do chủ nghĩa thực dụng, làm xói mòn truyền thống đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc. Hơn lúc nào hết, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc, bảo tồn bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong cuộc đấu tranh xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, ngày càng hiện đại và văn minh, luôn là nhiệm vụ hàng đầu của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Mục tiêu chiến lược và yêu cầu bức xúc trên đây đã xác định vai trò then chốt của khoa học - công nghệ và vị trí quốc sách hàng đầu của công tác giáo dục và đào tạo, trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục đại học. Các trường đại học vừa là các trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ lớn, vừa là nơi đào tạo chủ yếu nguồn nhân lực trí tuệ cho đất nước. Do đó, trong công cuộc đổi mới nền giáo dục nước nhà, phải dành cho hệ thống giáo dục đại học

sự quan tâm và đầu tư thích đáng, để hệ thống giáo dục đại học luôn phát triển tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển ngang tầm với hệ thống đại học trong khu vực và trên thế giới. Mặt khác, bản thân hệ thống giáo dục đại học, mà trực tiếp là các trường đại học phải không ngừng tự đổi mới để phát triển, đặc biệt là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng thực sự của văn bằng, chứng chỉ. Không ngừng chăm sóc, bồi dưỡng các thầy giáo, cô giáo và nâng cao chất lượng các giáo trình là những yếu tố có ý nghĩa quyết định để nâng cao chất lượng dạy và học, đào tạo được một đội ngũ trí thức trẻ có lòng yêu nước nồng nàn, có trình độ trí tuệ cao, có ý chí chấn hưng đất nước, có đạo đức trong sáng, hết lòng phục vụ nhân dân, có thể lực cường tráng... đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp phát triển đất nước. Cần chăm lo, khuyến khích những tài năng trẻ ngay từ trong nhà trường, giúp đỡ những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trong đời sống, để cho mọi thanh niên có ý chí và năng khiếu ở mọi vùng của đất nước thuộc các dân tộc đều có thể thành đạt trên con đường đạt tới học vấn bậc cao.

Trong thời đại ngày nay, tri thức phải trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, đáp ứng kịp thời và nhạy bén những yêu cầu bức xúc và đa dạng của cuộc sống. Các trường đại học cần gắn bó chặt chẽ hơn nữa với thực tế sản xuất và đời sống và cần nhận thức được sức sống của mình từ chính trong thực tế sản xuất của đất nước và đời sống của đồng bào, thực hiện phương châm “Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với đời sống xã hội”. Làm sao để các trường đại học cùng

đội ngũ các nhà trí thức khoa học - công nghệ ngày càng gắn bó với đồng nghiệp, với công nhân, nông dân, góp phần lớn hơn và hiệu quả thiết thực hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, coi trọng các vùng trọng điểm kinh tế, đồng thời quan tâm nhiều hơn nữa các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và những vùng còn nhiều khó khăn. Theo tinh thần đó, bên cạnh các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ thực tiễn rất phong phú của các cán bộ giảng dạy đại học, tôi hoan nghênh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các trường đại học, cao đẳng trong cả nước đã phát động và triển khai phong trào sinh viên tình nguyện. Đây là việc làm tốt không chỉ đối với các địa phương mà còn có ý nghĩa giáo dục thiết thực đối với thế hệ trẻ hôm nay khi được sống trong thực tế sinh động của đất nước mình, của nhân dân mình. Tuy nhiên, phong trào này cần phải đổi mới hơn nữa, thiết thực hơn nữa, để không chỉ là những cuộc động viên có tính hình thức mà phải đem lại hiệu quả cụ thể, không phải chỉ có một bộ phận sinh viên tham gia mà tất cả mọi sinh viên đều là những chiến sĩ tình nguyện. Mỗi trường đại học, cao đẳng có thể đăng ký kết nghĩa với một tỉnh, một huyện, một xã, nhất là các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số để đưa phong trào thanh niên tình nguyện trở thành một phong trào xã hội sâu rộng, thường xuyên và là một hoạt động giáo dục bổ ích cho học sinh, sinh viên cả nước.

Đại học Quốc gia là một mô hình đại học mới. Sau tám năm xây dựng và phát triển của các đại học quốc gia, trong đó có Đại học Quốc gia Hà Nội đã khẳng định chủ trương

đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong đổi mới hệ thống giáo dục đại học. Tôi nhiệt liệt biểu dương Đảng bộ và tập thể cán bộ, học sinh, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội về những thành tích mà các đồng chí đã đạt được trong thời gian qua. Sự khẳng định chủ trương đúng đắn đó chỉ có thể thể hiện trong thực tế chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Phát huy truyền thống vẻ vang gần nửa thế kỷ xây dựng và phát triển của các trường đại học thành viên, với nghị lực và những kinh nghiệm quý báu trong những năm đầu xây dựng và phát triển, tôi tin rằng Đảng bộ, cán bộ và sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội cũng như Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong giai đoạn phát triển mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, xây dựng thành công các trung tâm đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và quốc tế, xứng đáng với niềm tin và lòng mong muốn của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Đảng và nhân dân ta rất tự hào về thế hệ trẻ Việt Nam, trong đó có tuổi trẻ học đường của thời kỳ đổi mới. Phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc anh hùng, thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay đang gánh vác trọng trách lớn lao cùng dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ mới - thế kỷ của trí tuệ, của khoa học và công nghệ, của kinh tế tri thức. Kiên trì học tập, mạnh dạn suy nghĩ, sáng tạo và rèn luyện, phát huy tinh thần tự học, tự hoàn thiện tri thức và nhân cách với hoài bão lớn vươn tới những đỉnh cao của khoa học công nghệ, có phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam,

với bản lĩnh vững vàng, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu hòa bình, giàu lòng vị tha và nhân ái, có lối sống trong sạch, giản dị, văn minh lịch sự, có đủ sức khỏe để có thể đảm đương sứ mệnh phát triển đất nước và hội nhập bình đẳng với bạn bè trên thế giới trong thời kỳ mới. Đó là những gì mà Đảng và nhân dân ta luôn kỳ vọng ở thế hệ trẻ, trong đó có tuổi trẻ học đường hôm nay. Hãy phấn đấu để luôn xứng đáng với lời dạy và lòng mong ước của Bác Hồ kính yêu: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các em”.

Tôi cũng rất mong các cô giáo, thầy giáo thi đua dạy tốt, nêu gương sáng về mọi mặt cho các em học sinh, sinh viên.

Nhân dịp khai giảng năm học mới, tôi xin gửi đến các giáo sư, các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ, nhân viên, các em học sinh, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội lời chúc sức khỏe và thành đạt. Chúc Đại học Quốc gia Hà Nội tiếp tục phát triển lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, phấn đấu trở thành là cờ đầu và tiêu biểu của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam trong thế kỷ mới.

2. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

(Ngày 13-10-2001)

*Thưa các thầy giáo, cô giáo, các thế hệ cán bộ và sinh viên
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội,*

Thưa các đồng chí đại biểu,

Tôi rất vui mừng được đến thăm và làm việc với Nhà trường nhân dịp các đồng chí chuẩn bị tổ chức Lễ kỷ niệm 45 năm Ngày thành lập và đón nhận danh hiệu cao quý Nhà nước phong tặng - Huân chương Hồ Chí Minh.

Thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt chúc mừng những thành tựu của Nhà trường và xin gửi tới các nhà giáo lão thành, các cô giáo, thầy giáo, các thế hệ cán bộ, nhân viên và sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội lời thăm hỏi chân tình cùng những tình cảm nồng ấm nhất.

Đi lên cùng đất nước, trải qua non nửa thế kỷ phấn đấu không mệt mỏi, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã trưởng thành vượt bậc và đã là cái nôi cho sự hình thành và phát triển nhiều trường đại học kỹ thuật công nghiệp ở nước ta. Trong hệ thống giáo dục đại học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã và đang là một trường đại học công nghệ giữ vai trò đầu ngành trong cả nước.

Nhiều thế hệ giáo viên, sinh viên của Trường Đại học Bách

khoa Hà Nội đã có những cống hiến xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhiều giáo viên và sinh viên của Trường đã lên đường nhập ngũ và hàng trăm người đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu. Đóng góp to lớn nhất của Nhà trường là đã đào tạo và cung cấp cho đất nước hơn 61 nghìn kỹ sư, hàng trăm tiến sĩ và thạc sĩ thuộc nhiều ngành nghề khoa học kỹ thuật và kinh tế công nghiệp quan trọng. Các thế hệ kỹ sư Bách khoa đã có mặt trên mọi miền của đất nước, hầu hết đã và đang hoạt động đầy tâm huyết trong các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật cũng như quốc phòng - an ninh. Trong số họ, nhiều người đã trở thành anh hùng lao động, anh hùng và các tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang, trở thành các cán bộ khoa học - kỹ thuật đầu đàn, các nhà lãnh đạo và quản lý giỏi.

Cùng với những cống hiến trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ cao, hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường trong suốt 45 năm qua cũng đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Từ những đề tài thiết thực phục vụ chiến đấu được quân và dân cả nước biết đến qua các thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cho đến hàng nghìn đề tài khoa học thuộc các chương trình trọng điểm đã được triển khai nghiên cứu thành công tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội mà phần lớn đã được chuyển giao và ứng dụng trong sản xuất, đời sống, quốc phòng, mang lại hiệu quả kinh tế - kỹ thuật đáng kể, đã góp phần tạo nên sự khởi sắc cho nền công nghiệp non trẻ của nước nhà.

Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của Nhà trường, những năm gần đây trong thời kỳ đổi mới, Trường Đại học

Bách khoa Hà Nội đã quyết tâm khắc phục khó khăn, dám nghĩ dám làm, chủ động sáng tạo, đi đầu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, tạo được sự tin nhiệm cao của xã hội đối với sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tăng cường đáng kể nguồn lực đất nước, tạo dựng được uy tín rộng rãi trong quan hệ hợp tác quốc tế.

Tôi nhiệt liệt biểu dương Đảng bộ và các thế hệ cán bộ, sinh viên về những thành tích mà các đồng chí đã đạt được trong thời gian vừa qua. Tôi tin rằng Đảng bộ, cán bộ và sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc hơn nữa mọi nhiệm vụ của mình trong thời kỳ mới, xây dựng Nhà trường trở thành một trường trọng điểm quốc gia về công nghệ, đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo trình độ cao; là một trung tâm khoa học và kỹ thuật tiên tiến với một số ngành mũi nhọn đạt trình độ khu vực và thế giới, có đủ khả năng để giải quyết các vấn đề lớn về khoa học công nghệ của đất nước; là một địa chỉ đầu tư và hợp tác tin cậy, hấp dẫn đối với các tổ chức, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, xứng đáng với mong muốn của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Thưa các thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên và các em sinh viên,

Những thành tựu đã đạt được trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm cho chúng ta càng thêm tin tưởng vững chắc hơn vào tương lai rạng rỡ của một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phát triển theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tương lai tốt đẹp ấy được định đoạt bởi chính năng lực của dân tộc Việt Nam, mà thế hệ trẻ hôm nay của chúng ta,

trong đó có tuổi trẻ học đường, phải là lực lượng đi đầu. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã luôn luôn coi việc phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Vấn đề giáo dục và đào tạo đã được đề cập khá toàn diện và đầy đủ trong các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khoá VII), Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII). Gần đây, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh lại và làm rõ thêm vai trò và động lực của giáo dục - đào tạo, của khoa học - công nghệ trong mục tiêu chiến lược của Đảng, phấn đấu đến năm 2010 đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, đến năm 2020 đưa nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Vì vậy hôm nay, tôi chỉ muốn nói thêm một đôi điều sau đây:

Nhân loại đang bước vào nền văn minh trí tuệ với những biến đổi vô cùng to lớn và sự phát triển kỳ diệu của khoa học và công nghệ, đòi hỏi mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, bằng truyền thống và năng lực nội sinh của mình, phải tạo được những bước đi thích hợp để nhanh chóng tiếp cận và hội nhập vào trào lưu chung đó.

Đối với nước ta, đây thực sự là thời cơ thuận lợi to lớn để phát triển, đồng thời đây cũng lại là thách thức vô cùng gay gắt, đòi hỏi phải có nghị lực kiên cường, tài năng sáng tạo để vượt qua. Vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta là phải nắm bắt kịp thời cơ hội, vượt qua thử thách, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực tự cường,

tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước mọi diễn biến phức tạp của thế giới và khu vực. Thế kỷ XX vừa qua là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI này sẽ phải là thế kỷ xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Dân tộc ta, Đảng ta đã tự khẳng định mình trong thế kỷ XX, nhất định sẽ càng khẳng định mình hơn nữa trong thế kỷ XXI, phấn đấu đưa đất nước ta đi lên, sánh vai cùng các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Để đạt được mục tiêu chiến lược trên đây, Đảng ta đã vạch ra đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đó là con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có bước đi tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Trong 15 năm qua kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có bước tăng trưởng khá, khoa học và công nghệ có chuyển biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế - xã hội; tuy nhiên nền khoa học và công nghệ nước ta phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những đánh giá trên cho thấy vai trò chưa nổi bật và những điểm còn yếu của nền khoa học và công nghệ nước ta. Điều đó cần phải được khắc phục nhanh chóng trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Có thể thấy trong thực tiễn sản xuất ở nước ta những năm vừa qua là do chưa làm chủ được bí quyết công nghệ, không ít cán bộ kỹ thuật và công nhân chưa đạt trình độ cao và sáng tạo trong xử lý vận hành, vì vậy tuy có thiết bị hiện đại, có dây chuyền tiên tiến nhập về, nhưng sản phẩm làm ra vẫn không đạt yêu cầu chất lượng như mong muốn, công suất thiết bị máy móc sử dụng ở mức còn quá thấp, chưa tận dụng hết mọi tính năng.

Để làm ra những sản phẩm được thị trường chấp nhận, có sức cạnh tranh ngày một cao, thì việc trang bị dây chuyền thiết bị tốt thôi chưa đủ mà còn phải có những kỹ sư công nghệ, những công nhân có tay nghề phù hợp, nắm được bí quyết công nghệ, đồng thời phải có một bộ máy quản lý năng động đủ sức nắm bắt nhu cầu biến động của thị trường, có khả năng nhanh chóng tổ chức lại dây chuyền sản xuất linh hoạt, phù hợp với yêu cầu chế tạo ra những sản phẩm mới. Điều này đặc biệt quan trọng trong giai đoạn cách mạng công nghệ hiện nay, khi mà công nghệ đã thực sự trở thành nhân tố quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và thế giới.

Chúng ta quyết tâm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến lên sánh vai cùng bè bạn năm châu như Bác Hồ từng mong muốn, đồng thời cũng cần thấy trước rằng trong điều kiện cách mạng công nghệ hiện nay, thế mạnh tương đối về nguồn lao động đơn giản hoặc tay nghề thấp sẽ ngày càng mất dần đi ý nghĩa của nó và lợi thế sẽ thuộc về những quốc gia nào có nguồn nhân lực có tri tuệ cao, có kỹ năng vững vàng, có khả năng sáng tạo theo kịp sự phát triển của

khoa học - công nghệ hiện đại. Điều đó đặt ra cho các trường đại học công nghệ trong cả nước, trong đó có Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với tư cách là trường đại học công nghệ trọng điểm đầu ngành cũng như toàn bộ hệ thống giáo dục đại học nước ta phải đổi mới sâu sắc, toàn diện nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, cán bộ quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí vươn lên, có đạo đức trong sáng, có khả năng trí tuệ nắm bắt, làm chủ những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ thế giới để vận dụng vào nước ta, đồng thời được bồi dưỡng phương pháp, năng lực sáng tạo, khả năng tự đào tạo, có thể học tập và cống hiến suốt đời vì đất nước, vì nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Được biết trong thời gian gần đây, chúng ta vừa hạ thủy con tàu trọng tải 6.000 tấn, đưa con đầu lòng của ngành công nghiệp đóng tàu biển nước ta. Đó là một tin vui, rất đáng phấn khởi. Với một đất nước có trên 3.000 km bờ biển, có vùng biển bao la thì việc phải phát triển ngành này là một tất yếu khách quan. Sẽ còn phải tiếp tục cho ra đời những con tàu, đội tàu có trọng tải lớn hơn thế nữa. Tuy nhiên, để có được những con tàu như thế hẳn không phải là một chuyện dễ dàng. Hàng loạt vấn đề về công nghệ phải được đặt ra để giải quyết. Tất nhiên, đây cũng chỉ là một ví dụ cụ thể trong rất nhiều việc đã được thực hiện trong các ngành bưu chính viễn thông, dầu khí... Nêu một ví dụ nhỏ với một đối tượng sản phẩm cụ thể như vậy là để đặt ra và thực hiện một vấn đề có tính nguyên tắc là Nhà trường phải luôn gắn bó chặt chẽ hơn nữa với sản xuất, với các doanh nghiệp, tăng cường đoàn kết, huy động tiềm lực của đội ngũ các nhà

khoa học chuyên ngành, bao gồm cả các nhà khoa học người Việt Nam định cư ở nước ngoài để cùng nhau góp sức phục vụ cho được những mục tiêu mà nền kinh tế của đất nước đặt ra. Đối với những vấn đề như thế, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội cũng như các trường đại học công nghệ đã và đang có những thế mạnh cần được phát huy.

Rồi còn biết bao nhiêu vấn đề khác nữa mà sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đang đòi hỏi. Một mặt, khoa học công nghệ phải tập trung sức góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, giải quyết những vấn đề bức xúc, tạo việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Mặt khác, phải vươn lên nhanh chóng đạt trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... Sử dụng những công nghệ mới nhất của thế giới để phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp. Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải luôn luôn đi đầu, đi trước một bước để thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trước mắt, đồng thời chuẩn bị cho mai sau. Các đồng chí hãy cùng suy nghĩ bằng cả trí tuệ và tâm huyết của mình để tham mưu cho Đảng và Nhà nước, nghiên cứu đề xuất những phương án khả thi, những đề tài thiết thực về những vấn đề bức xúc và đa dạng đặt ra trong cuộc sống hàng ngày, cũng như những vấn đề lớn hơn trong tương lai của dân tộc.

Đảng và Nhà nước đang kỳ vọng rất nhiều ở đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ, trong đó có đội ngũ các nhà khoa học ở các trường đại học. Đảng và Nhà nước đã và sẽ tiếp tục dành cho các trường đại học, các viện khoa học và

trung tâm nghiên cứu sự quan tâm và đầu tư thích đáng để các nhà khoa học và công nghệ có thêm điều kiện thuận lợi phát huy tài năng, sức sáng tạo và lòng nhiệt huyết của mình tương xứng với yêu cầu và kỳ vọng ấy.

Cho đến nay, nước ta đã có mấy chục vạn cán bộ có trình độ đại học, trong đó có trên 10 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, hơn 50 nghìn cán bộ đang làm việc trong khu vực nghiên cứu khoa học, trên 30 nghìn cán bộ công tác trong hơn 200 trường đại học và cao đẳng và khoảng gần 20 nghìn cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trong khu vực sản xuất. Đó là một thành tựu rất đáng tự hào của ngành giáo dục và đào tạo, một nguồn vốn rất đáng quý của chúng ta.

Tuy vậy, bên cạnh những nỗ lực của các nhà khoa học, của các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy đã đem lại những kết quả không nhỏ trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, vẫn còn tồn tại một số mặt mất cân đối. Ở đây, liên quan đến khoa học và công nghệ, tôi chỉ xin nêu một ví dụ cụ thể: đó là cơ cấu và sự phân bố đội ngũ còn chưa hợp lý giữa các vùng, miền trong cả nước; đó là số cán bộ được đào tạo về các ngành kỹ thuật, công nghệ chiếm tỷ lệ còn thấp (khoảng trên 20% trong tổng số những người được đào tạo); đó là cơ cấu đào tạo các bậc học từ học sinh học nghề, học sinh trung học chuyên nghiệp đến sinh viên đại học và cao đẳng còn chưa phù hợp với yêu cầu cân đối trong lực lượng lao động ở nước ta. Đây là vấn đề cần được xem xét, phân tích rõ hiện trạng, tìm ra được nguyên nhân và đề ra được những biện pháp khắc phục có hiệu quả.

Thưa các đồng chí,

Trước khi đến đây, tôi vừa được nghe báo cáo của đồng chí Hiệu trưởng nhà trường. Tôi cũng vừa đi thăm một số phòng thí nghiệm và Trung tâm nghiên cứu khoa học của Trường. Tôi rất hài lòng về những việc mà Nhà trường đã làm được và ủng hộ những dự kiến phát triển mà Nhà trường sẽ triển khai thực hiện trong thời gian tới. Tôi hoan nghênh sự quan tâm săn sóc của Nhà trường đến thế hệ trẻ của trường để mỗi một sinh viên có đầy đủ điều kiện phát triển tài năng, phát huy hết mọi năng khiếu và ý chí của mình để thành đạt trên con đường học vấn và rèn luyện, phấn đấu trở thành những trí thức trẻ có lòng yêu nước nồng nàn, có trình độ tri tuệ cao, có đạo đức trong sáng, hết lòng phục vụ nhân dân, chuẩn bị đầy đủ hành trang cho các em vững vàng làm chủ tương lai của đất nước.

Được biết, sinh thời Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta đã ba lần đến thăm Trường, thăm hỏi cán bộ và sinh viên Nhà trường. Những lời căn dặn ân cần của Bác sẽ mãi mãi được ghi đậm nét trong trái tim, khối óc mỗi một cán bộ và sinh viên tiếp nối từ thế hệ này đến thế hệ khác. Tôi rất mong các cô giáo, thầy giáo, cán bộ, nhân viên và sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội hãy nỗ lực hết mình để luôn luôn xứng đáng với lời dạy và lòng mong ước của Bác Hồ kính yêu.

Một lần nữa, tôi xin gửi tới các giáo sư, các nhà khoa học, các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ, nhân viên và toàn thể các em sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội lời chúc

sức khoẻ và thành đạt. Chúc Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tiếp tục lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, mãi mãi xứng đáng với những phần thưởng cao quý, những danh hiệu vẻ vang mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã trao tặng.

Xin chân thành cảm ơn.

3. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Trường Tiểu học Trưng Vương Hà Nội

*(tại Lễ khai giảng năm học mới Trường Tiểu học Trưng Vương,
quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, ngày 4-9-2001)*

Hôm nay, tôi rất vui mừng đến dự Lễ khai giảng năm học mới và lễ phát động phong trào “Thiếu nhi thủ đô Anh hùng xây dựng thành phố Vì hòa bình” do Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội tổ chức tại Trường Tiểu học Trưng Vương, một trường có truyền thống dạy tốt, học tốt. Tôi thân ái chào mừng các thầy giáo, cô giáo và các cháu thiếu nhi, học sinh.

Tôi rất phấn khởi biết rằng, những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thủ đô đã dành cho thiếu nhi sự quan tâm chăm sóc ân cần, sâu sắc. Ngành giáo dục và đào tạo thủ đô đã đầu tư nâng cao chất lượng dạy và học. Thành đoàn Thanh niên là một trong những tổ chức được Đảng bộ giao nhiệm vụ dìu dắt Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh thành phố đã không ngừng đổi mới công tác thiếu nhi, tạo được nhiều phong trào có ý nghĩa, thu hút đông đảo thiếu niên, nhi đồng tham gia. Điều đó đã thể hiện sự chuẩn bị tích cực và đầy trách nhiệm của toàn thành phố đối với thế hệ công dân tương lai, thế hệ sẽ góp tài, góp sức xây dựng thủ đô văn minh, giàu đẹp.

Tôi cũng được biết rằng, để đáp lại sự quan tâm của gia đình, nhà trường, xã hội, thiếu nhi thủ đô đã phát huy

truyền thống của biết bao lớp măng non đất Thăng Long, ra sức thi đua rèn luyện, phấn đấu, lập nên nhiều thành tích xuất sắc trên mọi lĩnh vực: học tập, lao động, sinh hoạt, văn nghệ, thể dục, thể thao, tích cực tham gia công tác xã hội... Nhiều cháu là con ngoan, trò giỏi, đã đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi thành phố và quốc gia; nhiều cháu đạt huy chương vàng trong các kỳ thi đấu thể thao trong nước và quốc tế; nhiều cháu tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn; giúp đỡ các bạn bè gặp khó khăn, là những cán bộ Đội xuất sắc. Những thành tích của các cháu đã làm vui lòng cha mẹ, thầy cô, là niềm tự hào của thủ đô, niềm hy vọng của đất nước trong thế kỷ XXI. Các cháu thật xứng với danh hiệu "Cháu ngoan Bác Hồ - Chủ nhân Thăng Long", chủ nhân thành phố Anh hùng, thành phố Vì hòa bình. Thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương, khen ngợi các cháu.

Hôm nay, các cháu đang sống trong thế kỷ XXI, thế kỷ đòi hỏi chủ nhân của nó phải có tầm trí tuệ cao, thể chất cường tráng, đời sống tinh thần phong phú, đạo đức trong sáng, giàu bản lĩnh và có ý thức trách nhiệm công dân, để đưa đất nước và thủ đô tiến mạnh vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thành đoàn Hà Nội đã phát động phong trào: "Thiếu nhi thủ đô Anh hùng xây dựng thành phố Vì hòa bình". Đây sẽ là cơ hội để các cháu rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành; chúc các cháu hãy phát huy truyền thống của tuổi

nhỏ thủ đô, truyền thống 60 năm sáng ngời trang sử Đội để tiếp tục lập nhiều thành tích mới trong phong trào đẩy ý nghĩa này.

Tôi xin chúc ngành giáo dục và đào tạo thủ đô tiếp tục có nhiều đổi mới trong giảng dạy, học tập, thi hành tốt Luật giáo dục, tiếp tục củng cố hệ thống giáo dục, đào tạo, xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới trường học, trở thành địa phương gương mẫu trong việc nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, góp phần phát huy nguồn lực con người, một nguồn lực vô cùng to lớn, có ý nghĩa quyết định nội lực của chúng ta trong thời kỳ mới.

Tôi cũng đề nghị các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong Năm xã hội tình nguyện vì trẻ em đặc biệt khó khăn, Năm gia đình và trẻ em, Hà Nội cũng như các tỉnh, thành phố trong cả nước hãy chăm lo hơn nữa và tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của thiếu nhi, học sinh, giúp đỡ các cháu có năng khiếu tiến xa hơn, giúp các cháu có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có số phận rủi ro được đến trường với thầy, với bạn theo nguyện vọng chính đáng của các cháu và gia đình, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, đào tạo. Đặc biệt trong thời điểm này, có thể nói các cháu thiếu nhi, học sinh thủ đô bước vào năm học mới có nhiều thuận lợi hơn các cháu thiếu nhi, học sinh ở các vùng sâu, vùng xa, vùng vừa bị thiên tai, nhất là ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hiện nay nước lũ ngày một dâng cao, làm ngập nhiều vùng, hàng trăm phòng học bị ngập lụt, hàng nghìn học sinh

không thể đến trường để khai giảng năm học mới đúng kế hoạch. Tôi đề nghị trước mắt, hãy tập trung thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” 5-9, để ngày khai giảng năm học mới thật sự là ngày hội lớn của các cháu; đồng thời yêu cầu các ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng địa phương, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai quan tâm hơn nữa và có kế hoạch phù hợp với hoàn cảnh của địa phương mình để bảo đảm tốt nhất việc học tập của các cháu.

Chúc thầy và trò của thủ đô đạt thành tích cao trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt.

Chúc các đại biểu mạnh khỏe. Chúc các cháu thiếu nhi, học sinh thủ đô chăm ngoan, học giỏi.

4. Bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải tại Hội nghị giáo dục đại học

(Hà Nội, từ ngày 1 đến ngày 3-10-2001)

Thưa các đồng chí,

Tôi rất vui có dịp đến dự Hội nghị giáo dục đại học này, một hội nghị quan trọng của ngành giáo dục và đào tạo được tổ chức vào năm đầu của thế kỷ XXI và sau Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo để nhận thấy giáo dục đại học có vai trò đi đầu, hướng dẫn, vì đó là nơi tiếp nhận tri thức ở mức cao nhất, là nơi đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho đất nước, cũng là nơi đào tạo các nhà giáo cho các bậc học thấp hơn. Giáo dục đại học có tác động càng mạnh mẽ hơn đối với sự phát triển xã hội loài người ở giai đoạn hiện nay, khi khoa học công nghệ tiến bộ vượt bậc, kinh tế tri thức đang hình thành và phát triển.

Qua 15 năm đổi mới, giáo dục đại học nước ta đã có bước tiến nhất định. Quy mô giáo dục đại học tăng nhanh, các loại hình đào tạo được phát triển, bao gồm các đại học quốc gia, đại học khu vực đa ngành, đa lĩnh vực, các trường đại học, các trường đại học mở, các trường cao đẳng cộng đồng ở các địa phương, các trường đại học và cao đẳng dân lập. Cơ cấu của bậc đại học với ba cấp đào tạo chính là cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ được xác lập, phù hợp với sự phát triển

kinh tế - xã hội nước ta và hội nhập với khu vực và thế giới. Mục tiêu và chương trình đào tạo đại học được cải tiến một bước. Cơ sở vật chất của các trường đại học bước đầu được tăng cường.

Tuy có những thành tựu nói trên, giáo dục đại học nước ta đang còn nhiều yếu kém, bất cập. Điểm nổi bật là chất lượng đào tạo còn rất yếu, việc đào tạo đại học còn ít gắn với sản xuất và đời sống, với nghiên cứu khoa học. Phương pháp dạy và học còn lạc hậu, chưa phát huy tính chủ động và tư duy sáng tạo của người học. Giáo dục trí lực chưa kết hợp nhuần nhuyễn với trau dồi đạo đức. Đội ngũ nhà giáo đại học vừa thiếu lại vừa yếu. Hệ thống thi cử nặng nề và kém khoa học, đặc biệt là thi tuyển đại học. Những hiện tượng tiêu cực trong thi cử, trong quản lý văn bằng còn phổ biến. Hệ thống quản lý giáo dục của chúng ta kém hiệu quả và nhiều người trong đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục có nếp nghĩ, cách làm giống cách đây vài chục năm. Những yếu kém nói trên đã kìm hãm hệ thống giáo dục đại học nước ta và đang làm xã hội lo lắng.

Là Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Hội đồng Giáo dục quốc gia, tôi cùng vui với các đồng chí về những thành tựu thì càng thấm thía về trách nhiệm của mình trước những yếu kém của giáo dục đại học, day dứt trong lòng và trăn trở trong trí óc để cùng các đồng chí tìm cách thực sự đưa được giáo dục đại học của nước ta tiến lên.

Đại hội IX của Đảng đã khẳng định mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001- 2010) là: đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng

cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại hoá.

Mục tiêu trên đây đề ra triển vọng đầy phần khởi và nhiệm vụ rất nặng nề cho cả hệ thống giáo dục và cho nền giáo dục đại học nước ta.

Hôm nay, tôi đến đây chính là để nói lên rằng: tương lai của đất nước ta, ý nguyện của nhân dân ta; chủ trương của Đảng và Nhà nước ta đòi hỏi biết bao, trông đợi biết bao ở các đồng chí và Chính phủ luôn luôn sát cánh với các đồng chí, hết lòng hết sức phấn đấu làm tròn trách nhiệm của Chính phủ để cùng các đồng chí và tạo điều kiện giúp các đồng chí đáp ứng điều đòi hỏi và niềm trông đợi bức xúc, thiết tha, và cơ bản ấy.

Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình bày tôi nghĩ là đầy đủ, không thiếu điều gì, về đánh giá tình hình giáo dục nước ta, những thành tựu, những yếu kém và phương hướng phát triển thời gian tới. Tôi xin nhấn mạnh thêm một số điểm. Ngay về những điểm đã có lựa chọn, chúng ta cũng đã quen thuộc và từng thảo luận nhiều lần. Nếu có gì mới mẻ, thì là ở chỗ lần này chúng ta quyết không chỉ nói, viết và bàn, mà phải làm thiết thực và tìm ra cách làm thật sự có hiệu quả.

Thứ nhất là chất lượng giáo dục đại học.

Trường đại học, qua toàn bộ hoạt động giảng dạy và học tập tất cả các môn học, cần bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm say mê học tập, say mê tìm tòi phát hiện những cái

mới, lòng ham muốn cống hiến cho nhân dân và niềm hoài bão đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, để có thể sánh vai cùng các cường quốc năm châu, như Bác Hồ đã căn dặn.

Trong thời đại khoa học và công nghệ phát triển rất nhanh, trường đại học cần giúp sinh viên thu nhận được những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất và chủ yếu dạy cho sinh viên cách học, cách tư duy sáng tạo. Người sinh viên biết cách học và quen tư duy sáng tạo thì mới có thể thích ứng với mọi tình huống trong thị trường lao động và trong đời sống xã hội khi ra trường. Một năng lực cụ thể rất quan trọng mà trường đại học cần trang bị cho sinh viên là năng lực tìm việc làm và tạo ra việc làm cho bản thân và cho những người khác. Sinh viên phải biết cách làm việc trong một tập thể, biết cách hợp tác với mọi người, đồng thời phải có năng lực cạnh tranh cả trong nước, ở khu vực và trên thế giới.

Để đào tạo được đội ngũ nhân lực như trên, phải bắt đầu từ việc thiết kế chương trình và nội dung đào tạo. Tôi được biết Bộ Giáo dục và Đào tạo đang cùng các trường đại học xây dựng các khung chương trình chuẩn cho giáo dục đại học. Đây là một việc làm cần thiết để tiêu chuẩn hoá, để hội nhập với khu vực và quốc tế, đồng thời giữ gìn những tiêu chuẩn và giá trị của dân tộc ta, của định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên chuẩn hoá không phải là nhất loạt, bậc đại học phải là bậc đại học đa dạng, bảo đảm các sắc thái của các ngành, nghề khác nhau, các địa phương khác nhau.

Muốn thực hiện được chương trình tốt phải có phương

pháp dạy và học tốt. Một số giáo sư đại học nói đây là khâu yếu nhất của các trường đại học nước ta hiện nay. Dạy đại học chủ yếu là dạy cho sinh viên cách học, như vậy trước hết nhà giáo phải là người biết cách học, biết nghiên cứu khoa học, biết thu thập, lựa chọn, xử lý thông tin, ham mê hiểu biết, ham mê khám phá cái mới. Các trường đại học nên tổ chức trao đổi về phương pháp giảng dạy mới, phát huy tính chủ động, óc sáng tạo của sinh viên.

Cái quyết định nhất về chất lượng đào tạo là đội ngũ nhà giáo đại học. Tôi được biết trong hệ thống giáo dục đại học nước ta hiện nay, trung bình cứ 30 sinh viên mới có một nhà giáo và ở một vài trường đến hơn 100 sinh viên mới có một nhà giáo. Với tỷ lệ này thì nhà giáo đại học không có đủ thì giờ để học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ, để gần gũi, giúp đỡ sinh viên. Tôi đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và các bộ có liên quan khẩn trương thực hiện Chỉ thị ngày 27-8-2001 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp cấp bách xây dựng đội ngũ nhà giáo; thực hiện tốt việc gửi sinh viên, gửi cán bộ khoa học, nhà giáo đại học đi học tập ở nước ngoài theo nhiều hình thức khác nhau, đúng những ngành, nghề mà các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các địa phương cần và sử dụng có hiệu quả những người học xong trở về phục vụ đất nước. Để bổ sung nguồn lực giảng dạy đại học trong nước, cần tận dụng đội ngũ các cán bộ ở các viện và trung tâm nghiên cứu. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia cùng các bộ có liên quan cần bàn bạc

để trước mắt có thể huy động đội ngũ cán bộ nghiên cứu tham gia giảng dạy đại học và tiến tới có sự kết hợp về mặt tổ chức, sao cho công tác đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học gắn bó chặt chẽ với nhau. Việc mời các giáo sư giỏi từ nước ngoài, kể cả chuyên gia Việt kiều có năng lực đến giảng ở các trường đại học Việt Nam cần được khuyến khích.

Để bảo đảm chất lượng của các sinh viên và nghiên cứu sinh được đào tạo, các trường đại học cần lập một hệ thống đánh giá kết quả đào tạo của mình theo những tiêu chí chuẩn xác, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần khẩn trương xây dựng các quy trình kiểm định chất lượng cho một số ngành đào tạo quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học và dần dần mở rộng ra toàn bộ hệ thống các trường đại học và cao đẳng.

Thứ hai là quy mô đào tạo. Trong khi đặt mỗi quan tâm hàng đầu vào chất lượng đào tạo đại học, chúng ta không thể không chú ý đến số lượng sinh viên đại học. Công cuộc phát triển kinh tế, xã hội trong thời đại ngày nay có nhu cầu lớn và tăng nhanh về nguồn nhân lực kỹ thuật cao được đào tạo ở các trường đại học và cao đẳng. Vì lẽ đó, con số 120 sinh viên trên một vạn dân ở nước ta hiện nay là con số thấp đối với một nền kinh tế đang công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chúng ta cần tiếp tục tăng quy mô giáo dục đại học một cách hợp lý. Làm thế nào vừa tăng quy mô, vừa bảo đảm chất lượng trong điều kiện nguồn lực của chúng ta còn hạn hẹp? Chúng ta phải tìm được lời giải thích hợp cho bài toán này.

Tôi cho rằng ở đây cần có tư duy mới về chất lượng giáo dục

đại học, một chất lượng cao có phân loại thích hợp. Ý tưởng này trước hết phải thể hiện ở mạng lưới các trường đại học. Trong mạng lưới đó, các đại học quốc gia đóng vai trò quan trọng, tiếp đến là các trường đại học trọng điểm. Các trường cao đẳng công nghệ và cao đẳng cộng đồng trực tiếp chuẩn bị nhân lực kỹ thuật và công nghệ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói chung, đặc biệt cho các công ty nhỏ và vừa, cho các nông trại và các cơ sở công nghiệp nông thôn, là những bộ phận rất quan trọng của nền kinh tế nước ta hiện nay. Ngoài loại hình đào tạo truyền thống, phải sử dụng các công nghệ đào tạo cho số đông, đào tạo từ xa.

Bên cạnh các trường công lập, tôi đặc biệt lưu ý các đồng chí về các trường đại học, trường cao đẳng dân lập. Đây là loại hình trường mới đối với chúng ta. Các trường này khác với các trường công lập về cơ chế huy động nguồn lực vật chất, nhưng không thể khác về mục tiêu giáo dục chung. Một mặt cần xây dựng cách quản lý chất lượng thích hợp cho các trường đại học này, mặt khác cần bảo đảm cho sinh viên và nhà giáo của các trường này được hưởng các chính sách của Nhà nước. Đối với những trường đại học dân lập hoạt động tốt, Nhà nước sẽ nghiên cứu chính sách hỗ trợ, khuyến khích. Sắp tới, chúng ta tiếp tục phát triển thêm trường đại học dân lập phù hợp với định hướng của mạng lưới đại học, có chuẩn mực về cơ sở vật chất, về giáo viên.

Hệ thống các trường đại học và cao đẳng không nên chỉ chú trọng đến nhiệm vụ đào tạo chính quy để cấp văn bằng, mà phải quan tâm thích đáng đến nhiệm vụ giáo dục thường

xuyên. Ngày nay, công nghệ biến đổi rất mau lẹ, những điều học được trong nhà trường trở nên lạc hậu rất nhanh, người lao động muốn làm việc tốt trong doanh nghiệp cũng như trên ruộng đồng thì trình độ phải được thường xuyên cập nhật. Các trường đại học và cao đẳng phải làm nòng cốt trong việc giáo dục thường xuyên, phải trở thành trung tâm văn hoá khoa học của các vùng, các địa phương, góp phần biến nước ta thành một xã hội học tập như Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra, biến dân tộc ta thành một dân tộc thông thái như Bác Hồ từng mong muốn.

Thứ ba là những giải pháp chủ yếu để tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học. Trong báo cáo, đồng chí Bộ trưởng đã đưa ra chín giải pháp quan trọng. Tôi đề nghị nên lựa chọn một số việc có tính chất đột phá, sao cho khi tiến hành được các việc đó thì cả hệ thống sẽ chuyển dịch theo hướng đi lên.

Lâu nay xã hội nói nhiều về nạn dạy thêm, học thêm không lành mạnh, về nạn thi cử nặng nề, tốn kém và ít hiệu quả. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra một số chủ trương và biện pháp để hạn chế nạn dạy thêm, học thêm không lành mạnh, nhưng hiệu quả của các biện pháp đó không cao, phải chăng vì chúng ta chưa tác động vào nguyên nhân trực tiếp gây ra hiện tượng này. Tôi đồng ý với một số chuyên gia là một trong những nguyên nhân trực tiếp của nạn dạy thêm, học thêm là hệ thống thi cử vào đại học và cao đẳng nặng nề, kém khoa học, buộc học sinh phải luyện tủ, học tủ nhiều, gây phí tổn nhiều cho gia đình học sinh, cho Nhà nước, cho xã hội, mà hiệu quả lại thấp. Bộ Giáo

dục và Đào tạo phải quyết tâm đổi mới thi cử, trước hết là đổi mới kỳ thi tuyển đại học, một kỳ thi hằng năm tác động đến rất nhiều thanh niên, nhiều gia đình và cả xã hội. Nên tính toán áp dụng công nghệ mới, sao cho tăng được độ chính xác của việc tuyển chọn, giảm bớt sự căng thẳng trong kỳ thi, giảm bớt tiêu cực trong tổ chức thi cử, chấm thi, đồng thời bảo đảm quyền tự chủ cho nhà trường trong việc lựa chọn thí sinh và bảo đảm tính dân chủ cho thí sinh trong việc lựa chọn ngành, nghề và nhà trường.

Bên cạnh đó, trong việc cải cách chế độ tiền lương, hướng giải quyết với những người hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công (trong đó có giáo dục và đào tạo), là đổi mới cơ chế kinh phí, bảo đảm thu nhập hợp lý cho thầy giáo, thầy thuốc và những người làm dịch vụ công, đồng thời có chính sách, biện pháp thiết thực giúp đỡ người nghèo được hưởng dịch vụ công, trước hết là được học tập, được khám chữa bệnh.

Trong hoàn cảnh nguồn ngân sách nhà nước rất hạn hẹp, Chính phủ kiên quyết tăng cường đầu tư đúng nơi, đúng lúc cho giáo dục, đồng thời chúng ta phải huy động mọi nguồn lực của xã hội, thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá giáo dục. Ngân sách nhà nước tập trung cao cho việc củng cố thành quả phổ cập tiểu học, thực hiện phổ cập trung học cơ sở và phát triển nguồn nhân lực cho đất nước. Đối với giáo dục đại học, Nhà nước sẽ tập trung đầu tư bằng nhiều loại nguồn vốn của mình để xây dựng lại đại học quốc gia, các trường đại học trọng điểm, một số ngành quan trọng ở

những trường đại học khác và công nghệ thích hợp để làm nhiệm vụ đào tạo từ xa.

Cuối cùng, là đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục, quản lý đại học. Tôi được biết trong hội nghị này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ động đề xuất một số quy định về phân cấp cho các trường đại học. Đó là xu hướng tốt. Tuy nhiên việc phân cấp thực hiện không dễ dàng, nó đòi hỏi phải cải tổ hệ thống tổ chức và nâng cao trình độ cán bộ. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xác định rõ vai trò quản lý nhà nước của mình, tập trung làm tốt ba nhiệm vụ chủ yếu: *một là*, xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngành; *hai là*, xây dựng cơ chế, chính sách và quy chế quản lý nội dung, chất lượng đào tạo; *ba là*, tổ chức thanh tra, kiểm tra và thẩm định. Để làm tốt các nhiệm vụ đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phải sắp xếp lại tổ chức, đổi mới công tác tổ chức cán bộ, đổi mới phương thức chỉ đạo của Bộ và phong cách làm việc. Đặc biệt cần tập trung vào một số khâu đột phá, làm dứt điểm trong một vài năm.

Cần phân cấp hợp lý về công tác quản lý giáo dục giữa Bộ và các trường đại học, giữa Bộ và các địa phương. Các trường đại học là nơi tập trung trí tuệ cao, ở đó có Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, lại gần với địa phương nơi trường đóng trụ sở, nên có thể và cần giao cho nhà trường đại học quyền chủ động cao. Việc phân cấp quản lý cho các trường đại học là để các trường thực hiện sáng tạo hơn, tốt hơn, có hiệu quả hơn cho các mục tiêu giáo dục và đào tạo trong chiến lược và quy hoạch chung của cả nước, theo sự quản lý nhà nước thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mặt khác, các trường đại học càng có quyền chủ động cao thì càng có trách nhiệm xã hội cao, quyền hạn và trách nhiệm tương xứng và gắn bó với nhau không thể thiếu mặt nào.

Nhân đây, tôi đặc biệt lưu ý Bộ việc quản lý các trường đại học, cao đẳng dân lập, cơ sở đào tạo có đầu tư nước ngoài, Bộ cần tập trung rà soát, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đối với các loại trường này, chỉ đạo, khắc phục xu thế thương mại hoá, đặc biệt chú trọng chấn chỉnh việc quản lý tài chính, quản lý đào tạo.

Thưa các đồng chí,

Chính phủ có quyết tâm cao trong sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo, tạo tiền đề và nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước theo Nghị quyết Đại hội IX. Bản thân ngành giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, và từng đồng chí ngồi ở đây phải cố gắng vượt bậc. Tôi mong rằng các đồng chí tìm tòi, sáng tạo, có những giải pháp đột phá để tạo bước phát triển rõ rệt giáo dục đại học trong những năm đầu của thế kỷ, đưa ngành giáo dục và đào tạo nước ta thoát khỏi tình trạng lạc hậu so với các nước trong khu vực, góp phần đưa nước ta vượt qua tình trạng kém phát triển. Cuộc chiến đấu này đòi hỏi nhiệt huyết và ý chí cách mạng không kém những cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến trước đây. Tôi hy vọng các đồng chí đạt nhiều thành công trong cuộc chiến đấu đó.

Để kết thúc, tôi muốn nhắc lại lời nhắn gửi của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong tác phẩm cuối cùng của đồng

chỉ viết về giáo dục năm 1999:

“Hỡi anh chị em làm khoa học ở nước ta! Hỡi anh chị em làm giáo dục ở nước ta! Hãy đoàn kết lại, đoàn kết một lòng, đoàn kết vì sự nghiệp lớn, sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, lẽ sống của chúng ta.

Hỡi các bạn trẻ, đi vào thế kỷ mới trong thời đại mới, các bạn hãy học tập để thành người và để làm người, góp phần vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, xứng đáng với cha anh, sánh vai cùng bè bạn trên thế giới”.

5. Bài phát biểu của đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương

*(tại Hội thảo “Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ 2001-2010”,
Hà Nội, ngày 7-5-2001)*

Đào tạo nghề là sự nghiệp của toàn xã hội, nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam. Vì vậy, khi xây dựng chiến lược cần có sự tham gia, phối hợp giữa các ban của Đảng, cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức quần chúng, các tổ chức xã hội, các nhà khoa học và những người làm công tác quản lý, chỉ đạo thực tiễn... Hội thảo về Chiến lược phát triển đào tạo nghề do Ban Khoa giáo Trung ương và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức là việc làm hết sức cần thiết, góp phần cụ thể hoá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 đã được Đại hội IX của Đảng thông qua (phần phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ).

I. Đánh giá thực trạng đào tạo nghề thời kỳ 1991-2000

Đào tạo nghề đang đứng trước những thách thức và cơ hội lớn lao khi bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh phát triển của thế giới và khu vực bên cạnh những thuận lợi cũng còn nhiều khó

khẩn và phức tạp. Thời gian qua đào tạo nghề đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khoá VIII. Tuy nhiên, đào tạo nghề cũng còn một số bất cập, thể hiện ở:

- Quy mô đào tạo nhỏ bé, tốc độ phát triển chậm, mất cân đối giữa các bậc học, cơ cấu ngành nghề và cơ cấu vùng, miền.
- Quan niệm của xã hội vẫn còn coi trọng bằng cấp, học vị mà chưa quan tâm đúng mức đến vai trò, vị trí và giá trị nghề nghiệp. Đây là yếu tố tâm lý mà chúng ta phải phấn đấu vượt qua.
- Việc phân luồng học sinh sau bậc trung học cơ sở dành cho sự nghiệp dạy nghề còn quá thấp.
- Đầu tư cho đào tạo nghề còn hạn hẹp và có xu hướng giảm dần từ 7,3% năm 1999 đến 3,5% năm 1995, từ năm 1996 đến nay có tăng nhưng cũng chỉ đạt 4,7% ngân sách Nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo vào năm 2000.

Những tồn tại bất cập trên thể hiện nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội chưa đầy đủ và chưa tương xứng với vai trò, vị trí của đào tạo nghề trong sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Vì vậy, việc xây dựng chiến lược phát triển đào tạo nghề trong thời gian tới là hết sức cấp bách và phải có sự phối hợp tốt với các chiến lược khác, nhất là phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chiến lược giáo dục đào tạo và chiến lược việc làm...

II. Một số căn cứ để xây dựng chiến lược phát triển đào tạo nghề giai đoạn 2001-2010

1) Khi nghiên cứu, xây dựng chiến lược trước hết cần phải quan tâm đến khái niệm, cấu trúc và sự vận hành của cấu trúc. Đào tạo nghề phải được hiểu rộng hơn và phải được coi là sự nghiệp của toàn xã hội. Đào tạo nghề không chỉ bó hẹp trong các trường dạy nghề, các trung tâm dạy nghề, các lớp dạy nghề mà còn được thực hiện rộng rãi trong sản xuất, trong cộng đồng, trong các xã, bản, làng và là công việc của toàn xã hội. Chiến lược đào tạo nghề phải huy động cao nhất sức mạnh của toàn xã hội tham gia đào tạo nghề.

2) Chiến lược phát triển đào tạo nghề phải xuất phát từ chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực là vốn quý nhất của đất nước và phải được phát huy không ngừng và không có giới hạn. Vì vậy, phải có chính sách phát huy cao nhất trí tuệ, năng lực của người lao động, phải phấn đấu cho sự toàn dụng lao động, người lao động có quyền được học tập và quyền được làm việc. Một nghiên cứu khoa học cho thấy, ở Nhật Bản mới sử dụng 30% năng lực con người, ở Ấn Độ chỉ số trên là 5%, nên có nghiên cứu thì chắc rằng tỷ lệ đó ở Việt Nam còn thấp. Trí tuệ và năng lực của người lao động là vấn đề quan trọng nhất và cần được đầu tư đào tạo và sử dụng có hiệu quả. Thực tiễn cho thấy không phải là vốn nhiều hay ít, tài sản nhiều hay ít, cái đó rất cần nhưng quan trọng nhất là biết khai thác, phát huy nguồn nhân lực và trí tuệ của người Việt Nam khi bước vào thế kỷ XXI.

3) Vấn đề liên thông trong đào tạo: Đây là vấn đề mới

nhưng lại rất quan trọng. Phải chỉ ra con đường cho người học vào thế giới nghề nghiệp không phải đi vào ngõ cụt. Hệ thống đào tạo nghề phải mềm dẻo, linh hoạt, đa dạng, liên thông để không hạn chế khả năng phát triển của người lao động. Họ có thể học lên cao đẳng kỹ thuật, kỹ sư thực hành và các bậc học cao hơn khi có điều kiện. Có như vậy mới thu hút được người giỏi vào lĩnh vực này. Cống hiến và giá trị cao nhất của những người giỏi nghề phải được tôn vinh và đối xử bình đẳng như với các nhà khoa học, các chuyên gia.

4) Vấn đề đào tạo nghề và việc làm: Định hướng của Đảng ta là phấn đấu thực hiện mục tiêu có công ăn, việc làm và quyền được làm việc cho mọi người trong xã hội.

Chiến lược phải tìm biện pháp để mọi người lao động trong xã hội có công ăn, việc làm và như vậy thì mới có thể thực hiện quyền bình đẳng. Người lao động tự do có việc làm và tự tạo được việc làm trong nền kinh tế nhiều thành phần. Làm thế nào để từng bước thực hiện được “Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động” theo Điều 55 của Hiến pháp năm 1992 đã quy định là một trong những mục tiêu quan trọng của chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện những mục tiêu này cần giải quyết tốt mối quan hệ “cung - cầu” của nguồn nhân lực trong thị trường sức lao động có sự quản lý của Nhà nước.

5) Phải làm thay đổi nhận thức và tâm lý của xã hội và chính người lao động, muốn vậy cần có cơ chế chính sách đề cao giá trị thành quả lao động của họ. Kết quả lao động, năng suất lao động phải được tôn vinh và đối xử đúng với thang giá trị. Thang giá trị của đào tạo nghề và trình độ

tay nghề phải thay đổi để tạo động lực cho người lao động yên tâm đi vào con đường học tập nghề nghiệp, sống bằng nghề và có điều kiện phát triển năng lực hành nghề, làm giàu cho mình và cho xã hội. Chúng ta phải biết quý trọng những người lao động trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội, hết sức đề cao tay nghề và lương tâm nghề nghiệp. Các nghề nhân là vốn quý của chúng ta. Ông cha ta có câu “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, nếu có nghề thì cơ hội tìm việc làm nhiều hơn không có nghề.

III. Về mô hình phát triển đào tạo nghề

Đào tạo nghề là sự nghiệp của toàn xã hội vì vậy phải huy động, khơi dậy năng lực của toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp đào tạo nghề. Sắp tới đào tạo nghề phải phát triển theo hai mô hình:

- Tập trung xây dựng các trường trọng điểm: Đây là xương sống của hệ thống đào tạo nghề. Cần tiến hành nghiên cứu và thí điểm mô hình đào tạo nghề bốn ngăn: đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ tiên tiến, sản xuất thử, tổ chức sản xuất ra sản phẩm và đào tạo lao động có tay nghề cao. Trường trọng điểm có thể đặt dưới sự quản lý của Tổng cục Dạy nghề, của các bộ, ngành lớn ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi trường trọng điểm cần được đầu tư thoả đáng.

- Xây dựng hệ thống các loại hình trung tâm dạy nghề ở quận, huyện, thị xã (mỗi quận, huyện có ít nhất một trung tâm dạy nghề). Các loại hình trung tâm này phải đa dạng về hình thức dạy nghề, kèm cặp, truyền nghề để phổ cập nghề, tạo điều kiện cho mọi người lao động có nghề và việc

làm. Phải rất chú ý tới cách truyền nghề truyền thống: Cần tổng kết và phổ biến kinh nghiệm, phát triển rộng khắp trong các làng nghề để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Các cơ sở dạy nghề trong tương lai dù theo mô hình nào đều phải là mô hình hạch toán kinh tế chứ không theo cơ chế bao cấp; đầu vào có thể là nguồn từ ngân sách Nhà nước, của người học nghề, từ đơn vị sản xuất, từ cơ sở đào tạo từ nước ngoài (vốn ODA hoặc FDI) và các nguồn vốn tài trợ khác; đầu ra phải trả lời cho được câu hỏi chi phí đào tạo cho người học khi thành nghề, trên cơ sở đó để ký kết các hợp đồng dạy nghề với cơ sở sản xuất.

Chiến lược phát triển đào tạo nghề được hoạch định trên cơ sở những căn cứ khoa học, có sự phối hợp của các cấp, các ngành, các địa phương sẽ có khả năng thực thi đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề ra.

6. Bài phát biểu của Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình tại Hội nghị giáo dục đại học

(Hà Nội, ngày 1 đến ngày 3 -10-2001)

Kính thưa các vị đại biểu,

Thưa các đồng chí,

Hôm nay, tôi rất vui mừng đến dự Hội nghị Giáo dục đại học, hội nghị đầu tiên của ngành đại học nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX và là năm học đầu tiên của thế kỷ XXI. Đây là thời điểm rất có ý nghĩa của quá trình 15 năm đổi mới giáo dục và đào tạo, theo đường lối đổi mới nhất quán của các Đại hội Đảng lần thứ VI, VII và VIII và đồng thời cũng là thời điểm đánh một dấu mốc mới cho lộ trình 10 năm tới, tiếp tục đổi mới giáo dục và đào tạo dưới ánh sáng của Đại hội IX, với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là: *“Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*.

Trong suốt 15 năm qua, giáo dục đại học đạt được nhiều thành tựu lớn, đã tự đổi mới một bước, góp phần đổi mới đất nước, đồng thời cũng đem lại nhiều bài học kinh nghiệm rất quan trọng: *đã đến lúc phải tổ chức tổng kết toàn diện công tác giáo dục và đào tạo trong thời kỳ này, trong đó có giáo*

dục đại học, để có thêm cơ sở thực tiễn nhằm hoạch định sự phát triển của sự nghiệp giáo dục và đào tạo và giáo dục đại học trong thời gian tới một cách bền vững. Mong rằng các trường đại học và cao đẳng cùng với Bộ luôn luôn coi trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, coi đó là một nguồn tư duy sáng tạo trong nhiều chủ trương và giải pháp.

Bản báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị này đã tập trung đánh giá kết quả thực hiện những chủ trương, giải pháp chủ yếu theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khóa VIII), trong giai đoạn 1998 - 2000 và đề ra những chủ trương giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, nhằm tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Tôi nêu một vài gợi ý về ba vấn đề đã nêu trong Hội nghị để chúng ta cùng nhau suy nghĩ và trao đổi:

Vấn đề thứ nhất. Về vai trò của giáo dục đại học nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Cho đến nay, so với 15 năm trước đây, giáo dục đại học đã có một bộ mặt khác, số người học đại học gia tăng mạnh mẽ, hiện nay có khoảng 900.000 sinh viên, với tỷ lệ 118 sinh viên /1 vạn dân (tuy nhiên so với nhiều nước, thí dụ Thái Lan, hiện nay là 216 sinh viên/1 vạn dân, ta còn quá thấp; ta dự định đến 2010, sẽ đạt 200, tức là còn thấp hơn Thái Lan bây giờ). Đã có nhiều dạng trường, lớp đại học (công lập, ngoài công lập; đại học đa lĩnh vực, đại học quốc

gia, đại học vùng, đại học chuyên ngành: đại học mở, cao đẳng sư phạm, cao đẳng đa ngành; cao đẳng cộng đồng...); nhiều hình thức đào tạo (tại chức, từ xa, tự học có hướng dẫn, bồi dưỡng ngắn hạn, giáo dục thường xuyên...). Đã có những đổi mới bước đầu về nội dung, phương pháp đào tạo cũng như sự tăng cường về cơ sở vật chất - kỹ thuật... Đó là công sức và tâm huyết của các nhà giáo, nhà quản lý và người học cũng như của các ngành, các cấp và của toàn xã hội. Tôi nhiệt liệt biểu dương những nỗ lực và những thành công đó.

Giáo dục đại học vốn có ba chức năng chủ yếu là: đào tạo, nghiên cứu và phục vụ. Thời gian qua, chủ yếu mới tập trung vào chức năng đào tạo, cơ bản là *đào tạo đại học tập trung, dài hạn*, với những quy định đã bước đầu đổi mới, nhưng chưa cơ bản và ổn định. Chưa có thay đổi gì nhiều về chương trình, nội dung, đặc biệt vẫn sử dụng những phương pháp và phương tiện giảng dạy cũ. Còn về nghiên cứu và phục vụ, nhiều trường đại học chưa chú trọng triển khai.

Trong giai đoạn 2001 - 2010, ba chức năng này của giáo dục đại học phải được thực hiện hướng vào mục tiêu “tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực”, “đưa giáo dục đại học nước ta thoát khỏi tình trạng lạc hậu so với các nước trong khu vực”, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Vai trò của giáo dục đại học trong thời gian tới cần có những quan niệm mới và có sự mở rộng đáng kể. Có thể gợi ra một vài định hướng.

a. Về mặt đào tạo, trọng tâm của giáo dục đại học là *phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm vụ này không chỉ thực hiện ở trình độ đại học dài hạn, truyền thống mà còn phải phát triển ở những hình thức đào tạo đại học, cao đẳng ngắn hạn (dưới 3 năm) với những mục tiêu đào tạo sát với nhu cầu nhân lực của từng vùng, từng địa phương, nói chung là ở nhiều trình độ, đa dạng hơn, được coi là giáo dục sau trung học. Hướng giáo dục sau trung học còn đang mới mẻ, nhưng đó là một cách “đi tắt đón đầu” để có đội ngũ nhân lực thực hành có chất lượng, phù hợp với cơ cấu lao động công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Cần khuyến khích phát triển mạnh mẽ những nhân tố mới nảy sinh trong vài năm nay, như: các loại đại học ngoài công lập, đại học từ xa, đại học mở, cao đẳng cộng đồng, giáo dục sau trung học... hướng tới xây dựng một “xã hội học tập”, như đã ghi trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Riêng về đại học dân lập, tôi nghĩ đang nổi cộm nhiều vấn đề. Bộ đã có nhiều cố gắng giải quyết, tuy nhiên vẫn chưa thực sự tạo động lực cần thiết, để phấn đấu trong vòng 10 năm tới tăng số sinh viên học đại học dân lập chiếm 30% tổng số sinh viên, như đã ghi trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch mạng lưới trường đại học (tháng 4-2001). Nên sớm có chuyên đề về đại học ngoài công lập để tiếp tục tháo gỡ nhiều trở lực đang tồn tại, thực sự bảo đảm chất lượng ở những trường này, theo tinh thần chuẩn hoá. Vấn đề quản lý đại học ngoài công lập cũng đang là vấn đề bức xúc.

Thực hiện mạnh các biện pháp quan trọng nói trên, là một

cách làm để từng bước chuyển dần nền giáo dục đại học hiện nay “còn cho số ít” sang nền giáo dục đại học đại chúng. *Cần thiết kể ngay từ bây giờ quá trình chuyển sang đại học đại chúng sao cho phù hợp với thực tiễn nước ta. Từ nay đến 2010, trên nguyên tắc đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, đi đôi với mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin vào các hình thức giáo dục đại học vào giáo dục đại học từ xa, thì giáo dục đại học sẽ thay đổi mạnh mẽ, vừa tạo nên “công bằng xã hội” về học đại học, vừa chuẩn bị tích cực và tạo chuyển biến rõ nét về “nguồn nhân lực có chất lượng mới”.* Cần nghiêm túc tham khảo kinh nghiệm thành công của một số nước được gọi là những “con rồng” gần chúng ta, để rút ra những bài học cần thiết và sáng tạo cách làm của ta.

b. Tôi muốn lưu ý một nhu cầu cấp bách là rất nhiều cán bộ đã tốt nghiệp đại học, đang làm việc, kể cả số cán bộ quản lý, rất cần được cập nhật kiến thức cho phù hợp với những chuyển đổi lớn lao trong kinh tế - xã hội; nếu trường đại học chủ động nắm bắt được nhu cầu thiết thực này, thì có thể có tác dụng ngay đối với đội ngũ nhân lực đang hoạt động. Thông qua nhiệm vụ này, các trường đại học sẽ gần bó với thực tế thường xuyên, có điều kiện để nâng cao chất lượng thực tiễn của giáo trình, cải tiến phương pháp. Đề nghị các đồng chí trao đổi xem nên làm như thế nào?

c. Về chất lượng đào tạo đại học dài hạn, cần có những nghiên cứu sâu về các giải pháp mang lại hiệu quả thực chất. Tôi rất vui mừng thấy trong những năm tới, các trường đại học sẽ có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo mới cho các ngành học với tinh thần bảo đảm chất

lượng và việc này đang được tổ chức một cách có hệ thống, có chỉ đạo, có chú trọng vận dụng sáng tạo những thành tựu hiện đại và kinh nghiệm thành công về đào tạo đại học được áp dụng phổ biến ở nhiều nước, như học chế “tín chỉ”, xây dựng các “chương trình khung”, v.v., đặc biệt là đổi mới về phương pháp giảng dạy - học tập ở bậc đại học theo hướng *thúc đẩy sinh viên tự học, tự nghiên cứu, sử dụng tốt công cụ tin học, ngoại ngữ...* Tôi cũng xin nói thêm, ngày nay, *sáng tạo ra tri thức để giảng dạy đại học bằng con đường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu triển khai, đã được thừa nhận như là một “con đường thứ hai”* rất hiệu quả không kém gì “con đường thứ nhất”, truyền thống, là dựa vào nghiên cứu cơ bản, hàn lâm (đây là một kết luận của Hội nghị quốc tế về giáo dục đại học thế kỷ XXI, tháng 12-1998 mà các đồng chí nên tham khảo).

Tôi nghĩ, cần làm khẩn trương và “chắc ăn”, tránh vội vã mà phải “làm đi làm lại”; tuy nhiên việc *nắm vững, cập nhật* những ý tưởng, giải pháp mới là rất hệ trọng, không thể xem nhẹ.

d. *Về gắn với thực tiễn*, có một số vấn đề cấp bách mà cũng là lâu dài, nên bàn như một phương hướng mới: trường đại học cần tích cực phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là ở nông thôn. Mỗi trường đại học nên có một vài xã, một vài huyện nơi trường đóng làm địa bàn rèn luyện thực tiễn cho sinh viên, có một số công ty, xí nghiệp là cơ sở thực hành về nghề nghiệp và qua đó cũng dạy cho sinh viên biết cách tìm và tạo việc làm. Cần phải nhận thức rằng chính hoạt động thực tiễn là nguồn của sáng tạo.

Tôi muốn làm rõ thêm *hai yêu cầu về chất lượng đào tạo đại học*, liên quan chặt chẽ đến việc tổ chức quá trình đào tạo theo hướng đổi mới như vừa nêu:

• **Một là:** ở thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và tương lai đang đòi hỏi cấp bách nhiều năng lực mới, như: năng lực thích ứng với thay đổi, năng lực tư duy độc lập, năng lực tự học và tự cập nhật thường xuyên kiến thức, v.v., năng lực sáng tạo và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực, kinh tế thế giới v.v.; đó là những năng lực cần thiết để tìm ra những cách làm “rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước đi trước ta” nhằm đạt mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Làm thế nào để bồi dưỡng những năng lực đó? Đó là một yêu cầu mới đối với các trường đại học của ta mà chúng ta cần đáp ứng nghiêm túc. Những năng lực nói trên phải là một nội dung cơ bản của mục tiêu đào tạo, cần được chuẩn hóa cho từng dạng đào tạo, đòi hỏi thực sự *gắn nhà trường, đặc biệt là gắn các giảng viên, với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, với thực tiễn xã hội*. Hình như chúng ta còn ít bàn về yêu cầu đó như một hướng rất quan trọng để nâng cao chất lượng một cách rõ nét và cũng để khắc phục mặt yếu kém của giáo dục đại học nước ta là chưa đáp ứng *trúng* những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội. Nói chung giáo dục đại học của nước ta còn rất nặng về “lý thuyết”, xa “thực tế”, khá “khép kín”, kém “hiệu quả”. Do đó giáo dục đại học cần phải trở thành *một hệ thống “mở”*: mở đối với đại chúng, mở đối với *thực tiễn* kinh tế - xã hội, mở đối với *thế giới, thời đại*, kể cả mở đối với các *bậc học, cấp học khác*

của hệ thống giáo dục quốc dân.

♦ **Hai là:** thời gian qua, giáo dục đại học của chúng ta thực sự còn ít quan tâm đến giáo dục đạo đức, nhân cách cần thiết cho sinh viên, để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đông đảo nhân dân đang có nhiều lo lắng về sự sa sút đạo đức của giới trẻ, trong đó có một bộ phận không nhỏ là sinh viên. Sinh viên đại học dài hạn phải trải qua kỳ thi tuyển rất căng thẳng mới đỗ được; họ là “chất liệu” tốt cho đào tạo; nhưng sau khi vào trường, trên thực tế, nhiều sinh viên đã tỏ ra thiếu trách nhiệm đối với xã hội, nhà trường, đối với gia đình và chính bản thân, cả trong việc học của mình, có nhiều hành vi, thái độ tiêu cực cần uốn nắn... Giáo dục đại học không thể coi nhẹ vấn đề giáo dục và định hướng các giá trị nhân văn, đạo đức. Cần thông suốt rằng, trong điều kiện kinh tế thị trường càng cần hình thành ở người học ý thức trách nhiệm kiên trì rèn luyện nhân cách cần thiết cho sự phát triển con người để xứng đáng với truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng, mà nét nổi bật ngày nay là những con người có “chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn”, có lòng tự trọng, tự tôn dân tộc, có tinh thần trách nhiệm cao; có lối sống văn hóa, hành vi văn minh. Cần có nhận thức rõ ràng rằng, kinh tế thị trường càng phát triển, hội nhập càng mở rộng, khoa học công nghệ càng đạt nhiều thành tựu, thì con người càng cần có bản lĩnh phân biệt đúng sai, tốt xấu để tư duy và hành động đúng hướng, có hiệu quả... Phải chú trọng đưa thanh niên, sinh viên rèn luyện trong hoạt động thực tiễn. Sinh viên đại học chính quy là những người được

hường ưu đãi lớn hiện nay trong giới thanh niên và trong tương lai, sẽ nắm nhiều cương vị quan trọng trong xã hội, cho nên cần phải giáo dục cho họ có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm cao trong việc rèn luyện nhân cách, có đức, có tài, có thái độ - hành vi ứng xử một cách văn minh, giáo dục đại học phải là một “không gian” của văn hóa đại học, bản sắc dân tộc và lối sống văn minh.

Vấn đề thứ hai. Về vai trò của người giảng viên đại học.

Đối với sinh viên, người thầy đại học vẫn phải nêu gương ở mọi nơi, mọi lúc, đặc biệt phải là tấm gương nhân cách trong đời sống, tấm gương tâm huyết với nghề, với đào tạo và nghiên cứu. Có câu ngạn ngữ: “Thầy nào, trò nấy”, các nhà giáo chúng ta ngày nay cũng vẫn phải tâm niệm điều này để thấy trách nhiệm của mình; đặc biệt về mặt phẩm chất đạo đức, đã là người thầy, nhất thiết phải có nhân cách, phải giữ tư cách trong mọi việc, đặc biệt khi có “cám dỗ”, thách thức lương tâm nhà giáo, nhất là khi thầy thực hiện chức năng thiêng liêng là đánh giá học trò; quyết không chấp nhận “mua bằng, bán điểm”.

Đi đôi với yêu cầu đạo đức đó, người thầy đại học phải biết đào tạo một cách thông minh, tạo ra những thế hệ sinh viên thông minh - những con người có năng lực, biết cách làm, không chỉ “hay làm” mà còn “làm hay”, để có cuộc sống ấm no chẳng những cho bản thân mình mà còn cho xã hội.

Người thầy ngày nay trước hết phải quan tâm đến “đạy cách học” để giúp sinh viên “học cách học”, biết “cách học suốt đời”. Người tốt nghiệp đại học ngày nay phải là “nhân lực tư duy” (thinking manpower), “nhân lực tạo nghiệp”

(entrepreneurial manpower) - những con người biết lập nghiệp, biết tạo nghiệp, biết tự tạo việc làm... Tôi nghĩ đó cũng là một mục tiêu cần thiết cho nước ta.

Theo tôi được biết, trên thế giới hiện nay đang diễn ra những thay đổi lớn về quan niệm mới trong mối quan hệ giữa người học và người dạy theo hướng nhấn mạnh vai trò tự học chủ động, sáng tạo của người học dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của người thầy, và đặc biệt về những ưu việt do áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học. Tôi đề nghị sau Hội nghị này, trong vòng 5 năm tới, một phong trào sâu rộng về đổi mới phương pháp dạy và học được phát động, mở rộng và phát triển trong các trường đại học, cao đẳng; chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái được nhiều kết quả tốt. Tôi nghĩ, đổi mới phương pháp giáo dục và đào tạo, đặc biệt ở đại học, là một con đường “đi tắt, đón đầu”, mang tính “nhảy vọt” để rút ngắn khoảng cách lạc hậu của giáo dục nước ta so với những nước khác.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong các trường đại học phải là một hướng trọng tâm trong sự phát triển giáo dục đại học trong 10 năm tới, vì cho đến nay khâu này còn rất yếu, chưa gắn bó được với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, với xã hội; giáo dục đại học chưa tạo lập được thực lực và uy tín khoa học của mình trong kinh tế - xã hội. Chính vì thế nên giáo dục đại học nước ta vẫn bị coi là “phổ thông cấp 4”. Chỉ có làm nghiên cứu khoa học, thầy mới dạy được cách tư duy: tư duy độc lập, tư duy phân tích, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo. Ngày nay trong nghiên cứu, cũng như trong các công tác khác, muốn thành công phải biết làm việc tập thể, có tinh thần đồng đội, tức là phải

biết cách hợp tác. “Khó hợp tác được với nhau” là một nhược điểm lớn, tôi đề nghị các nhà giáo, nhà khoa học trong giáo dục đại học lưu tâm, coi đó là một “lực cản” cần xóa bỏ.

Tôi đề nghị các trường đại học, trước hết các trường đại học quốc gia và trường trọng điểm sẽ liên kết với nhau và liên kết với các viện nghiên cứu khoa học để phát triển cách dạy, cách học, cách nghiên cứu mới với tinh thần “không cam chịu lạc hậu so với các nước trong khu vực”. Các trường cần có chương trình hành động thật cụ thể. Không chỉ với quyết tâm mà còn với tinh thần làm việc quyết liệt để đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Vấn đề thứ ba. Về vai trò người quản lý giáo dục đại học.

a. Đặc trưng của các trường đại học trên thế giới, về mặt quản lý, là quyền tự chủ và phải chịu trách nhiệm xã hội. Luật giáo dục nước ta cũng đã khẳng định hai tính chất cơ bản đó. Tôi hoan nghênh ý tưởng đẩy mạnh phân cấp của Bộ tại Hội nghị này với tinh thần phân cấp để phát triển. Phân cấp phải đi đôi với công tác tổ chức, quản lý, kiểm tra và thanh tra thật tốt. Rất cần tổng kết thực tiễn để phân cấp đúng việc, đúng lúc và đúng với từng loại trường.

b. Đối với cán bộ các trường đại học, tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu về năng lực, phẩm chất và uy tín của người cán bộ quản lý. Bên cạnh đó là yêu cầu phải biết tổ chức và sử dụng nguồn nhân lực và tài lực của đơn vị mình một cách có hiệu quả.

Để có được những phẩm chất và năng lực nêu trên chỉ có

thể là kết quả của một quá trình tự rèn luyện kiên trì, một quá trình tự học hỏi liên tục, biết lắng nghe và tiếp thu ý kiến của tập thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, để đưa các nhà trường đại học nước ta thoát khỏi tình trạng yếu kém. Làm được như vậy, chính là điều kiện quan trọng để đổi mới, nâng cao chất lượng của giáo dục đại học trong thời gian tới, tiến tới sánh vai với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

Xin cảm ơn.

7. Bài phát biểu của Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình tại Hội nghị các giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

(Đà Nẵng, từ ngày 18 đến ngày 20-7-2001)

Thưa các vị đại biểu và các đồng chí,

Tôi rất vui mừng đến dự Hội nghị ngành giáo dục và đào tạo tổng kết năm học 2000-2001 - năm học đầu tiên toàn ngành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Trước hết tôi hoan nghênh Ban cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ đã khẩn trương có kế hoạch trong năm học này triển khai học tập, nghiên cứu Nghị quyết Đại hội IX trong toàn ngành giáo dục và đào tạo, làm cho toàn thể cán bộ, công chức các đơn vị trong cơ quan bộ, các cơ quan quản lý giáo dục địa phương, các giáo viên, giảng viên trong các trường học quán triệt Nghị quyết Đại hội, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác trong công tác và giảng dạy, góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của ngành đề ra.

Qua theo dõi và nghe báo cáo của lãnh đạo Bộ, tôi được biết trong năm học 2000-2001, ngành đã tập trung thực hiện 5 nhiệm vụ trung tâm và đạt được kết quả khả quan: Toàn ngành đã và đang phấn đấu tăng cường việc thực hiện nền nếp, kỷ cương; tích cực củng cố và xây dựng môi trường sư

phạm, nâng dần chất lượng các hoạt động giáo dục - giảng dạy; đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông, trung học chuyên nghiệp tiếp tục được củng cố. Việc chuẩn bị đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa đang được tiến hành khẩn trương. Các trường ngoài công lập ở các bậc học mầm non, trung học phổ thông có bước phát triển khá. Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, huyện được củng cố và mở rộng thêm...

Tôi biểu dương và khen ngợi những cố gắng của các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ quản lý giáo dục các cấp và ở các bậc học, ngành học. Tôi hoan nghênh và đánh giá cao tinh thần hợp tác, cộng đồng trách nhiệm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của các ban, ngành, các đoàn thể, đặc biệt là của Hội Khuyến học và các tổ chức kinh tế - xã hội trong cả nước cũng như ở từng địa phương.

Thưa các đồng chí,

Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát của chiến lược 10 năm 2001-2010 là *“Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*. Yêu cầu đó đáp ứng nguyện vọng của nhân dân ta nhưng cũng đòi hỏi một sự phấn đấu rất cao nếu ta nhìn từ thực tiễn hiện nay. Để đạt được mục tiêu đó nhân dân ta phải hết sức nỗ lực, thực sự là một cuộc “chiến đấu” đầy thử thách, trong đó ngành giáo dục và đào tạo có một vai trò đặc biệt quan trọng. Về giáo dục - đào tạo trong thời gian tới, Đảng ta nêu rõ định hướng: *“Tiếp tục nâng cao chất*

lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề; đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân... thực hiện “giáo dục cho mọi người” và “cả nước trở thành một xã hội học tập”.

Để thực hiện được yêu cầu nói trên, ngay từ năm học 2001-2002 toàn ngành giáo dục cần nỗ lực phấn đấu, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết 40 của Quốc hội và Chỉ thị 14 của Chính phủ về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt chú trọng yêu cầu bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả của việc biên soạn, thử nghiệm, thẩm định và triển khai chương trình, sách giáo khoa mới - sẽ bắt đầu triển khai đại trà ở lớp 1 và lớp 6 từ năm học tới 2002-2003.

Tôi muốn trao đổi thêm với các đồng chí về yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện ở ngay khâu thiết kế chương trình - sách giáo khoa mới nói riêng và nhiệm vụ giáo dục - giảng dạy ở bậc phổ thông nói chung. Chất lượng giáo dục toàn diện theo các chỉ số đánh giá hiện nay ở không ít các nhà trường chủ yếu là: tỷ lệ lên lớp, xếp loại học lực, dạy đủ 9 môn, số lượng học sinh đạt giải thi học sinh giỏi, tỷ lệ tốt nghiệp... Các chỉ số này là quan trọng và trong những năm qua đã có dấu hiệu đáng mừng. Tuy nhiên chất lượng giáo dục toàn diện không chỉ căn cứ trên các chỉ số đó. Trong thực tế chất lượng giáo dục đang là một

vấn đề gây không ít lo lắng, băn khoăn trong xã hội. Những biểu hiện trong một bộ phận học sinh phổ thông hôm nay như: thờ ơ trước những vấn đề thời sự của đất nước, sa sút về phẩm chất, đua đòi ăn chơi, thậm chí có một số nhỏ đã “giải trí” bằng đua xe, dùng ma túy tổng hợp và đến các vũ trường, thích hưởng thụ, ngại lao động chân tay... đang có chiều hướng lây lan. Tôi muốn lưu ý các đồng chí rằng: trẻ em nhất là ở tuổi học sinh tất nhiên là phải được học tập và phải học tốt về văn hoá, khoa học, kỹ thuật, ngoại ngữ, tin học... để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập với cộng đồng quốc tế; đồng thời phải học để trở thành những người công dân có lý tưởng, có nhân cách, sống lành mạnh và văn minh. Đó chính là mục tiêu giáo dục mà chúng ta phải phấn đấu để thế hệ trẻ phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển đất nước và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chúng ta. Với tinh thần ấy, ngành ta đang còn có những thiếu sót, chưa có sự cân đối giữa học và hành, chưa coi trọng đúng mức đến công tác giáo dục tư tưởng - chính trị, đạo đức, hành vi, còn coi nhẹ các hoạt động, các mặt giáo dục, đặc biệt là giáo dục lao động, giáo dục gia đình, giáo dục trong đoàn thể, giáo dục thông qua các hoạt động chính trị - xã hội... Tôi mong rằng, trong thiết kế chương trình, nội dung sách giáo khoa mới cũng như trong giảng dạy các đồng chí sẽ lưu tâm đầy đủ đến yêu cầu giáo dục toàn diện nói trên.

2. Tiếp tục củng cố vững chắc kết quả xoá mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn cả nước (hiện chúng ta vẫn đang còn khoảng 1 triệu trẻ em chưa được đến trường học). Tiếp tục xoá mù chữ cho những người lớn - sau tuổi 25, vì họ là lực lượng lao động chủ yếu, đặc biệt là ở miền núi,

vùng sâu, vùng xa (công việc này có thể phối hợp với Hội khuyến học để thực hiện). Đồng thời đẩy nhanh thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chú trọng đảm bảo yêu cầu chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là về ý thức lao động, nghề nghiệp để có thể kết hợp phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, tạo cơ sở cho việc đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và của cả nước trong thập kỷ đầu của thế kỷ XXI như Chỉ thị 61-CT/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

Về vấn đề này tôi muốn các đồng chí cùng quan tâm đến một vài thông tin: trong một báo cáo nghiên cứu xã hội học - giáo dục gần đây cho thấy mỗi năm các trường đại học - cao đẳng tuyển sinh khoảng 200.000 sinh viên, nhưng số học sinh vào các trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề (dù đã tăng lên trong vài năm gần đây) cũng chỉ ở mức 120.000 đến 130.000 học sinh/năm (đây là nói về số lượng, chưa đề cập chất lượng đào tạo). Sự chênh lệch này đã khiến nhiều nơi có tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”! Trong khi đó theo số liệu điều tra của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong 5 năm gần đây (1996-2000) gần 60% số sinh viên tốt nghiệp đại học - cao đẳng chưa tìm được việc làm, nếu tính riêng khu vực các tỉnh miền Trung số sinh viên còn đang “chờ việc” lên tới 72%. Cũng phải nói thêm là tình trạng số sinh viên tốt nghiệp các trường đại học cao đẳng dư thừa ở các tỉnh, thành phố nhưng lại đang rất thiếu ở các tỉnh miền núi, Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là nguồn nhân lực lao động có tay nghề... Rõ ràng có sự chưa hợp lý giữa yêu cầu đào tạo - sử dụng lao động và đào tạo đại học hiện nay. Chúng ta

thường nói hiệu quả của giáo dục còn thấp, nhưng nhiều chuyên gia cho rằng còn có thể dẫn đến sự lãng phí về tài chính và nguồn lực con người. Chúng ta phải suy nghĩ nghiêm túc để giải quyết vấn đề này. Hướng trước mắt là phải thực hiện được *phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông*; theo tôi, muốn làm được điều này vừa phải nâng cao nhận thức trong toàn xã hội, vừa phải đa dạng các loại hình đào tạo nghề, thiết thực gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, địa phương. Cần tăng sự đầu tư cho các trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề để có sức thu hút, hấp dẫn học sinh đồng thời tạo cho họ hướng đi lên. Tôi hoan nghênh Bộ đã có phương án giải quyết vấn đề này bằng việc thí điểm mở các trường *Cao đẳng cộng đồng và các trung tâm đào tạo nghề* ngắn hạn, đáp ứng yêu cầu việc làm cho vùng và từng địa phương cùng với việc thí điểm thiết kế các chương trình, kế hoạch đào tạo *liên thông giữa phổ thông - trung học chuyên nghiệp - dạy nghề với cao đẳng kỹ thuật và các trường đại học*, mở hướng đi lên cho đội ngũ công nhân - kỹ thuật nghề, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ. Cần sớm rút kinh nghiệm để có cơ sở quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực hợp lý, đảm bảo hiệu quả giáo dục và đào tạo. Tất nhiên Nhà nước, Chính phủ cũng cần có chính sách, có quy hoạch, kế hoạch phân bổ và sử dụng những học sinh, sinh viên đã được đào tạo.

3. *Đẩy mạnh công tác đào tạo - bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất tốt, năng lực vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.* (Như tôi được biết đến năm 2000-2001 số lượng giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo ở bậc học

mầm non còn tới 58%, cấp tiểu học còn 22% và trung học cơ sở còn 15%).

Song song với việc thực hiện tiêu chuẩn hoá đội ngũ giáo viên cần tập trung giải quyết các loại hình giáo viên còn thiếu ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông đặc biệt là các loại hình giáo viên thực hiện yêu cầu giáo dục toàn diện như giáo viên Kỹ thuật, Thể dục, Nhạc, Hoạ... để nhanh chóng đáp ứng yêu cầu đồng bộ hoá đội ngũ giáo viên phổ thông. Đây là trách nhiệm của Bộ trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Cần mở rộng thêm quy mô đào tạo các loại hình giáo viên còn thiếu tại các trường sư phạm và ở các trường đại học có khoa sư phạm. Tôi đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên và sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy - học tập. Tôi được biết gần đây các đồng chí bàn nhiều đến các phương pháp phát huy tính tích cực của học sinh - tôi rất hoan nghênh. Thật ra đây không phải là một vấn đề gì mới mẻ, lâu nay ta đã nói nhiều, nhưng làm thì chậm. Nhưng tôi đặc biệt quan tâm đến việc trau dồi phẩm chất, đạo đức của nhà giáo; hơn lúc nào hết chúng ta phải đề cao “kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, vì học sinh thân yêu”. Vì trong thời điểm này, như các đồng chí đều biết, tệ nạn xã hội đang trở thành một hiểm hoạ đối với thế hệ trẻ, đang len lỏi vào nhà trường. Nhà trường phải cùng với gia đình và xã hội bảo vệ các em, giúp các em tự bảo vệ mình và mỗi người giáo viên phải thấy hết trách nhiệm to lớn của mình đối với thế hệ trẻ, vì đây là tương lai của đất nước.

4. Tăng cường công tác quản lý và thanh tra giáo dục: Cùng

cố bộ máy quản lý giáo dục các cấp, hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như điều lệ, quy chế, quy định trong các trường học, đảm bảo thi hành Luật giáo dục; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục.

Như các đồng chí đều biết, sự nghiệp giáo dục ngày càng phát triển rộng lớn, các loại hình trường, lớp công lập, ngoài công lập ngày càng đa dạng; các môn học, ngành học ngày càng phát triển, quan hệ hợp tác giáo dục giữa nước ta và nước ngoài cũng ngày càng rộng mở, do đó đòi hỏi ngành phải có sự đổi mới, cải tiến công tác quản lý ngày càng nên nếp và khoa học hơn. Quản lý tốt không những các trường công lập mà còn cả các trường ngoài công lập, tạo điều kiện cho hệ thống các trường ngoài công lập cùng phát triển, hỗ trợ cho hệ thống giáo dục. Điều đó đòi hỏi cán bộ quản lý các cấp, đặc biệt là hiệu trưởng các trường học không chỉ có uy lực mà còn phải có năng lực quản lý. Hiệu quả công tác quản lý của hiệu trưởng cuối cùng chính là bảo đảm được nền nếp, kỷ luật, kỷ cương trường học, uy tín của nghề dạy học, là tổ chức hợp lý và cỗ hiệu quả lao động của tập thể giáo viên, huy động được lực lượng cha mẹ học sinh, các đoàn thể và cộng đồng xã hội xung quanh nhà trường tích cực tham gia chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Để đổi mới và thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý trường học trong điều kiện mới, người cán bộ quản lý giáo dục phải được đào tạo cũng như bồi dưỡng về công tác quản lý, từ các vấn đề pháp luật liên quan đến giáo dục, đến vấn đề quản lý cán bộ, quản lý học sinh, sinh viên và cả về quản lý tài chính... và biết sử dụng những phương tiện hiện đại như vi tính trong quản lý. Chúng ta cần khắc phục những

hiện tượng tiêu cực trong nhà trường làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành, của nhà giáo như hiện tượng dạy thêm tràn lan, không tường minh các khoản thu chi... đó cũng chính là trách nhiệm của người quản lý. Vì vậy, người cán bộ quản lý giáo dục phải phấn đấu để có trình độ vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, về lý luận chính trị, về phẩm chất đạo đức và khả năng vận động quần chúng.

Thưa các đồng chí,

Một vài gợi ý tôi nêu ra trên đây, tôi mong các đồng chí tham dự Hội nghị sẽ trao đổi để cùng nhau tìm ra các giải pháp, biện pháp thực hiện. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng bước vào năm học mới toàn ngành giáo dục sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ hơn trong công tác quản lý, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục theo kế hoạch và nhiệm vụ cũng như các mục tiêu đề ra cho năm học. Riêng đối với Đà Nẵng - địa phương đăng cai Hội nghị này - tôi mong giáo dục thành phố Đà Nẵng tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những địa phương trong năm học vừa qua đạt được 11/11 chỉ tiêu thi đua của ngành - có thành tích phát triển giáo dục đi đầu trong cả nước, tiếp tục đạt nhiều tiến bộ mới trong năm học tới.

Chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, đạt nhiều thành tích mới, tiến bộ mới.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp!

Xin cảm ơn.

8. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Minh Hạc, Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung ương tại Hội nghị giáo dục đại học

(Hà Nội, ngày 1-10-2001)

Thưa các đồng chí!

Hôm nay, tôi rất vui mừng được dự Hội nghị giáo dục đại học, được gặp mặt và trao đổi với các bạn đồng nghiệp, những cán bộ chủ chốt của ngành đại học.

Chúng tôi đã đọc khá kỹ và chăm chú nghe báo cáo của đồng chí Bộ trưởng, một bản báo cáo khá phong phú, toàn diện. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với nhận định và đánh giá chung tình hình phát triển giáo dục đại học nước nhà trong ba năm qua: đội ngũ chúng ta đã có rất nhiều cố gắng, làm được rất nhiều việc, ngành đại học nước nhà thực sự có tiến bộ, có phát triển.

Sau đây tôi xin được trao đổi với các đồng chí một số vấn đề.

1. Trước hết, theo tôi, chúng ta hãy cùng nhau thảo luận bản báo cáo tổng kết giáo dục đại học ba năm qua của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thống nhất nhìn nhận lại xem giáo dục đại học của chúng ta hiện nay ra sao, cần đánh giá cho được và cho đúng thực trạng tình hình giáo dục đại học hiện nay và đạt tới sự thống nhất trong đánh giá này, đồng thời đề ra được các giải pháp thực thi để bước vào một giai

đoạn mới - giai đoạn tập trung vào chất lượng, phục vụ được công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng tới kinh tế tri thức mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

Nói về thành tích, báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã khẳng định trong ba năm qua thầy trò, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học (cả công lập và dân lập) đã có những cố gắng rất lớn đem lại những kết quả đáng kể, nhờ đó đã tạo được một bước phát triển về quy mô (năm 2000 so với năm 1998 số sinh viên đại học tăng 1,15 lần, tuyển sinh cao học tăng 1,65 lần, tuyển nghiên cứu sinh tăng 1,17 lần) góp phần làm cho số sinh viên trên một vạn dân tăng lên, đạt đến 118, số năm đi học bình quân của dân cư tăng, đạt đến 7,3, tốc độ tăng bình quân lao động có trình độ đại học, cao đẳng là 8,4%/năm. Xã hội hoá giáo dục đại học bước đầu có kết quả (năm 2000 trong số 918.228 sinh viên có 80.203 sinh viên của các trường dân lập, chiếm 8,7% tổng số). Cơ sở vật chất trường lớp phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học được tăng cường (hiện có 15 phòng thí nghiệm mạnh về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, tự động hoá và bảo vệ môi trường, trong đó có nhiều phòng thí nghiệm có thể so sánh với các phòng thí nghiệm trong các trường đại học ở khu vực). Bước đầu có chuyển biến về chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội (đã xuất hiện những lớp đào tạo cử nhân tài năng, kỹ sư chất lượng cao trong một số trường đại học, nhưng số này còn quá ít, ví dụ: tại Đại học Quốc gia Hà Nội số sinh viên học các lớp cử nhân tài năng chỉ mới chiếm 1,5% (250 sinh viên) so với tổng số sinh viên đào tạo), về giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho sinh viên đã được quan

tâm hơn. Bước đầu có điều chỉnh về sự mất cân đối trong cơ cấu đào tạo (trong báo cáo của Bộ đã nêu “theo thống kê của các trường đại học, cao đẳng năm 2000 trong tổng số sinh viên có 9% sinh viên là con liệt sĩ, thương binh, bộ đội xuất ngũ; 26,5% là học sinh miền núi, vùng sâu, vùng cao; 26,3% sinh viên là học sinh nông thôn (KV2-NT); sinh viên nữ chiếm 42-45%”¹). Công tác nghiên cứu khoa học trong các trường đại học bước đầu có hiệu quả (nhiều luận án tiến sĩ, thạc sĩ bảo vệ thành công. Đến năm 2000 có 160 đơn vị nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất bao gồm: viện nghiên cứu, công ty trách nhiệm hữu hạn..., mới thành lập 7 doanh nghiệp nhà trường trong 7 trường đại học, đã thực hiện hàng nghìn hợp đồng với các cơ sở sản xuất, doanh thu hơn 1000 tỷ đồng, đã đóng góp vào việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường 30 tỷ đồng)². Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh và mở rộng (đã phát triển được 30 chương trình hợp tác đào tạo cao học gồm nhiều chuyên ngành khoa học khác nhau với các nước có nền khoa học, đào tạo tiên tiến như: Pháp, Hà Lan, Canada, Thụy Điển, Đan Mạch, Ôxtrâyliia, khu vực châu Á - AIT)³. Đã có đề án hợp tác đào tạo Việt Nam - Hoa Kỳ về đào tạo sau đại học, đề án hợp tác đào tạo đại học và sau đại học Việt Nam - Liên bang Nga. Đặc biệt là đề án cử người đi đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đã được thực hiện từ năm 2000. Công tác thanh tra, kiểm tra được quan tâm, việc thanh tra văn bằng, chứng chỉ bước đầu có kết quả tốt.

1, 2. Tài liệu Hội nghị giáo dục Đại học, t.2, Hà Nội, 25-27/9/2001.

3. Hội nghị Giáo dục đại học, Hà Nội, 25-27/9/2001.

Tuy nhiên, giáo dục đại học còn *những tồn tại* phải kiên quyết khắc phục: chất lượng đào tạo thấp, còn xa mới đạt tới trình độ khu vực và thế giới. Theo đánh giá của Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) thì chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam xếp hạng 101/162 nước (Báo cáo phát triển con người 2001) và theo đánh giá của Political&Economic Risk Consultancy Ltd., hầu hết các chỉ số về chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực của doanh nhân làm việc tại châu Á thì Việt Nam là rất thấp (xếp thứ 11 trong 12 nước). Trình độ giáo viên một thời gian dài phần lớn chưa được quan tâm bồi dưỡng nên còn nhiều hạn chế, ít cập nhật kiến thức hiện đại trong giảng dạy, phương pháp giảng dạy cũ kỹ, lạc hậu, không quan tâm và thiếu các điều kiện rèn luyện kỹ năng thực hành cho sinh viên. Chương trình, giáo trình chưa được xây dựng theo hướng chuẩn hoá; công tác quản lý, trình độ cán bộ quản lý còn nhiều bất cập khiến cho nền nếp, kỷ cương bị buông lỏng, các biểu hiện tiêu cực “mua bằng, bán điểm”, “thương mại hoá”, tùy tiện trong hoạt động liên kết đào tạo... chậm được xử lý.

Nguyên nhân dẫn đến tình hình trên là do, về mặt khách quan: chúng ta đang vừa phải phát triển nhanh về quy mô, lại vừa phải gấp rút nâng cao chất lượng trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng còn nhiều hạn chế;

Về mặt chủ quan có thể nêu ba lý do chủ yếu:

- Trình độ và năng lực giáo viên còn nhiều hạn chế, bất cập;
- Trình độ và năng lực của cán bộ quản lý còn nhiều bất

cấp (do thiếu chiến lược tổng thể lâu dài, không có kế hoạch cụ thể khả thi hữu hiệu; quan điểm giải quyết bài toán quy mô - chất lượng - hiệu quả chưa hợp lý; thiếu nhiều chính sách vĩ mô tương xứng);

- Quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu chưa được quán triệt từ Trung ương đến cơ sở dẫn đến đầu tư kém hiệu quả, gây lãng phí.

Tôi xin nêu một số vấn đề trong báo cáo cần làm rõ hơn:

1. Chiến lược giáo dục - đào tạo 10 năm tới là chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo, cần phân tích kỹ hơn để đánh giá đúng về chất lượng, hiệu quả đào tạo đại học nói chung của nước ta trong 3 năm qua, của từng loại trường đại học, trường cao đẳng công lập và ngoài công lập nói riêng để làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

2. Theo chúng tôi, *vấn đề xây dựng, phát triển, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên đại học là vấn đề đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo*. Báo cáo cần quan tâm phân tích kỹ về hiện trạng đội ngũ giảng viên đại học một cách toàn diện, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp mạnh mẽ để khắc phục tình trạng thiếu hụt về số lượng, hẫng hụt về trình độ đào tạo và tay nghề, mới có thể đạt được yêu cầu đề ra trong báo cáo.

3. Theo Luật giáo dục (Điều 6, 35, 36, 39), bậc đại học có hai mức về trình độ đào tạo: trình độ cao đẳng và trình độ đại học. Trong chỉ đạo cần phân biệt rõ yêu cầu của hai

mức trình độ đào tạo này là khác nhau. Chúng tôi cho rằng trong các báo cáo, các văn bản, các số liệu... cần phải tách riêng khi trình bày về hai trình độ đào tạo này, quan niệm đúng về mục tiêu đào tạo của từng bậc học, để chỉ đạo phát triển phù hợp.

4. Về hợp tác quốc tế trong giáo dục - đào tạo, báo cáo cần đi sâu nêu rõ những tồn tại chủ yếu, phân tích nguyên nhân để rút kinh nghiệm cần thiết cho việc đẩy mạnh và mở rộng hơn việc hợp tác quốc tế trong thời gian tới, nhất là về phương diện quản lý các hoạt động này.

5. Vấn đề nghiên cứu khoa học, kết hợp hoạt động khoa học và đào tạo, khoa học và sản xuất, quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục là những nội dung rất quan trọng đối với nhà trường, đối với từng giảng viên nhưng báo cáo chưa thể hiện rõ điều này, chưa tương xứng với chức năng vốn có của trường đại học.

II. Về phát triển giáo dục đại học 10 năm tới, tôi xin phép được đặt ra một số vấn đề sau đây:

1. Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực gắn liền với đời sống tinh thần, trí tuệ, sự phát triển toàn diện con người với tư cách là mục tiêu và động lực của cách mạng Việt Nam, nó giữ vai trò động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương (khoá VIII) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định rõ mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thập kỷ đầu của thế kỷ XXI đặt ra yêu cầu cho giáo dục đại học đào tạo

nguồn nhân lực tương xứng mới có thể đảm đương được vai trò nói trên. Văn kiện của Đại hội IX cũng đã khẳng định: “Phát triển giáo dục - đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”¹. Giáo dục đại học với chức năng đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao sẽ có vị trí cực kỳ quan trọng.

Chúng ta cần phải thấm nhuần sâu sắc năm quan điểm chỉ đạo sự phát triển giáo dục - đào tạo mà Đại hội IX đã chỉ ra là:

- ♦ Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội: tập trung vào phát triển nguồn nhân lực;
- ♦ Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội;
- ♦ Phát triển giáo dục toàn diện;
- ♦ Xây dựng nền giáo dục theo hướng “Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”;
- ♦ Thực hiện công bằng trong giáo dục.

Các cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào những tư tưởng, quan điểm đó của Đảng mà cụ thể hoá thành những chương trình hành động cho đơn vị mình, nhất là quán triệt vào chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, tổ chức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001. tr.108.

các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

2. Cần phải đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học, sau đại học nhằm *đào tạo nguồn nhân lực* trình độ cao, chất lượng tốt, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Nhưng phải *đổi mới như thế nào* để có thể đóng góp vào cách “đi tắt” “đón đầu” đưa đất nước sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, về cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020? *Đổi mới với tốc độ nào* để có thể vừa đảm bảo chất lượng tốt, vừa đảm bảo số lượng, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, hướng tới kinh tế tri thức? Chúng ta cần có một kế hoạch (bước đi) cụ thể, chủ động, đồng bộ. Chúng tôi có một vài suy nghĩ như thế này xin trao đổi với các đồng chí.

a. Có lẽ hôm nay lại một lần nữa phải đặt ra vấn đề *đổi mới tư duy về giáo dục đại học*: phải tập trung hơn vào mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực, nhân tài sẽ xuất hiện trong đó. Mục tiêu này quy định nội dung giảng dạy và đào tạo nói chung phải thiết thực, không học vẹt từ chương, tăng thực hành, thực tập, chú trọng hình thành kỹ năng, khả năng giải quyết vấn đề; phải gắn bó chặt chẽ và phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội (con người đào tạo ra phải *có tay nghề, có ý thức phục vụ trước hết cho quê hương đất nước*), phải nhận thức rõ nhà trường, nhất là các trường đại học, chỉ có thể tồn tại và phát triển tốt khi hoạt động của nó thật sự gắn với xã hội, với sản xuất kinh doanh và đời sống.

b. Phải xử lý *vấn đề quy mô* phát triển giáo dục đại học

theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII) với khả năng của nền kinh tế chúng ta. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII) đã đề ra mức phấn đấu đến năm 2000 tăng 1,5 lần (so với năm 1996). Nhưng thực tế quy mô đã tăng 2,2 lần mặc dù không đủ điều kiện bảo đảm chất lượng, tỷ lệ sinh viên không chính quy so với sinh viên đào tạo chính quy còn quá cao (năm 2001 tỷ lệ chính quy / không chính quy là 577.761/340.467, xấp xỉ 1,7 lần).

Phải xem xét lại quy mô đào tạo của chúng ta, có phải là tăng quá nhanh không trong khi các yếu tố bảo đảm chất lượng còn thiếu, yếu? Thử xem có trường nào của chúng ta đã đạt chuẩn trong vùng về mặt cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa? Đội ngũ cán bộ giảng dạy tăng không đáng kể so với tốc độ tăng quy mô (từ 2, 3 vạn lên 2,4 vạn), tuổi bình quân lại cao, điều kiện cập nhật kiến thức mới rất hạn chế. Ở nhiều trường đại học dân lập không có cơ sở, trường lớp phải đi thuê là phổ biến, lớp học chưa đúng quy cách, chuẩn mực. Mà ngay trong các trường trọng điểm quốc gia còn thiếu phòng học, giảng đường; sinh viên không có chỗ ngồi học tử tế. Có tình trạng rất đáng suy nghĩ là đào tạo vượt chỉ tiêu kinh phí nhà nước, có trường đào tạo gấp 7, 8 lần chỉ tiêu, hầu hết gấp 3, 4 lần (chỉ riêng Đại học Y Hà Nội hầu như các năm đều chỉ đào tạo đúng chỉ tiêu kinh phí nhà nước). Không những thế còn có tình trạng tuyển sinh cho nợ đầu vào ở một số trường đại học dân lập. Có phải như trong báo cáo của Bộ đã nhận định “động lực kinh tế” đang dần dần trở thành thống trị không?

Trong khi chạy theo quy mô, lại không chú ý tới cơ cấu đào

tạo dẫn đến tình trạng mất cân đối nghiêm trọng: mất cân đối về trình độ đào tạo, tỷ lệ nguồn nhân lực của nước ta hiện nay 1 đại học, 1,6 trung học chuyên nghiệp, 3 công nhân. Nếu như vậy bao giờ chúng ta mới xoay lại được “*hình tháp ngược*”? Mất cân đối về cơ cấu ngành nghề (16 trường đại học dân lập đào tạo 42 ngành nhưng có đến 70% số học sinh theo học các ngành kinh tế, luật kinh tế, tin học, ngoại ngữ); mất cân đối về thành phần xã hội: con em xuất thân nông thôn chỉ chiếm trên 50% tổng số sinh viên¹, trong khi 78% số dân nước ta còn sống về nghề nông. Rõ ràng ở đây phải suy nghĩ đến vấn đề công bằng xã hội.

Những điều vừa trình bày dẫn tới nhận định rằng: nói chung không điều khiển được cơ cấu nghề đào tạo, cứ theo “*nhu cầu giả tạo*” của xã hội. Chúng ta điều khiển được hay là không muốn điều khiển?

c. Vấn đề nổi cộm nhất mà ngành giáo dục và cả xã hội rất quan tâm, lo lắng nhiều là *chất lượng đào tạo đại học thấp*, không đáp ứng yêu cầu của nguồn nhân lực về tay nghề và đạo đức. Phần lớn các học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trước khi được nhận vào làm việc tại các cơ sở đều phải đào tạo lại.

Có sự phân cực rất rõ rệt sinh viên: một số rất ít đạt trình độ khá tốt, một số trình độ chỉ trung bình, quá nhiều cử nhân trình độ không tương xứng với bằng đại học. Có phải phần lớn sinh viên chưa say sưa học tập, học một cách thụ

1. Tài liệu Hội nghị Giáo dục đào tạo, t.2, Hà Nội, 25-27/9/2001.

động, thiếu tư duy sáng tạo, không vận dụng kiến thức vào thực tiễn, một số ít quan tâm đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Chất lượng tư tưởng chính trị còn nhiều hạn chế. Qua điều tra nghiên cứu của đề tài khoa học cấp nhà nước KHXH 04-07-CD cho thấy:

- + Xu hướng thiếu trung thực trong học tập đang ở mức báo động: trên 40% sinh viên có biểu hiện không trung thực (gian lận trong thi cử, trốn vé tàu xe...).
- + Lý tưởng độc lập dân tộc không gắn với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.
- + Ít sinh viên có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng.
- + Có một bộ phận đáng kể sinh viên tỏ thái độ mong muốn có quốc tịch nước ngoài khi có điều kiện.

Xã hội, đất nước thu nhận những sản phẩm như vậy quả thật đáng lo ngại! Làm sao với nguồn nhân lực đó có thể phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

Sở dĩ có tình hình trên, theo chúng tôi có thể nhấn mạnh vào mấy nguyên nhân: thiếu giáo viên, nhiều trường quá nửa cán bộ giảng dạy vẫn ở tình trạng “cơm chấm cơm”, chưa đạt chuẩn. Cơ sở vật chất thiếu thốn, kinh phí đầu tư hạn chế. Phương pháp giảng dạy lạc hậu, nặng lý thuyết ít thực hành... và tổng quát hơn cả, có lẽ xu thế chạy theo dạy chuyên môn đơn thuần đang ngày càng tăng, ít lo cho mục tiêu chung của nền giáo dục đại học nước nhà. Nếu thật như vậy, thì thật đáng lo, và có thể nói rõ hơn, thật sự là nguy cơ.

d. Phải xây dựng phát triển *đội ngũ cán bộ giảng dạy* đủ số lượng, chất lượng đạt chuẩn một cách toàn diện là yếu tố

quyết định sự phát triển và chất lượng giáo dục đại học trong thời gian tới.

Theo tôi, một giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với phát triển giáo dục đại học trong thời gian tới là xây dựng đội ngũ giảng viên, có quy hoạch chủ động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ một cách toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, để có đủ lực lượng kế cận, đủ khả năng và với tinh thần trách nhiệm cao đối với việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng, những người “công dân hữu ích”, đầu tàu của nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

e. Đổi mới chương trình, giáo trình, nhất là chương trình thực hành, thực tập, công tác xã hội theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng dần đạt chuẩn khu vực và quốc tế, tăng thực hành, rèn luyện kỹ năng tư duy độc lập, sáng tạo, bảo đảm 100% sinh viên có giáo trình, tài liệu tham khảo, có thể tự học, tự nghiên cứu có kết quả.

Xây dựng và thực hiện phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động sáng tạo của sinh viên.

g. Khuyến khích mở rộng hợp tác quốc tế về giáo dục-đào tạo, đồng thời quản lý chặt chẽ, có hiệu quả công tác này, nhất là việc quản lý nội dung các chương trình, giáo trình, tài liệu, các giáo sư, giảng viên thỉnh giảng.

h. Chúng tôi ủng hộ kiến nghị tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học, nhà nước có ưu tiên về đất đai cho đại học dân lập; trước mắt đủ phòng học, giảng đường, cơ sở thí nghiệm.

Quan tâm đặc biệt vấn đề xây dựng ký túc xá giải quyết chỗ ở cho sinh viên. Có thể coi đầu tư vào giáo dục, làm ký túc xá cho sinh viên... là một con đường thực hiện công bằng xã hội, góp phần cân đối cơ cấu xã hội, cơ cấu vùng miền trong đào tạo.

i. Bộ có chủ trương xây dựng trường chuẩn ở giáo dục phổ thông. Theo tôi, ở đại học cũng nên thực hiện chủ trương này, có thể xây dựng khoa chuẩn, trường chuẩn.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Để thực hiện các biện pháp trên, các cấp uỷ Đảng từ trung ương đến địa phương cần thường xuyên lãnh đạo và kiểm tra sát sao hơn việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về giáo dục - đào tạo. Đưa việc lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng nề nếp, kỷ cương trong giáo dục - đào tạo thành một trong những chỉ tiêu phấn đấu xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh. *Tổ chức Đảng là hạt nhân lãnh đạo trong nhà trường*, kể cả các loại hình nhà trường ngoài công lập (bao gồm cả các cơ sở giáo dục nước ngoài được phép mở tại Việt Nam). Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trước hết biểu hiện ở chỗ phải kiểm tra việc tổ chức quản lý tốt hoạt động của các trường phù hợp mục tiêu giáo dục và các quy định về hoạt động giáo dục của nhà nước ta. Đồng thời phát huy vai trò của các đoàn thể và tổ chức quần chúng trong sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo.

Để thực hiện nghiêm túc những yêu cầu của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội

ng nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII) về giáo dục đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học trở lên phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo đà cho giáo dục đại học phát triển mạnh mẽ hơn, trong những năm tới chúng ta phải nhanh chóng khắc phục những tồn tại đã nêu trên, giải quyết ngay và có kết quả các bức xúc trong giáo dục đại học.

Chúng ta đang cùng với nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới, thời đại của nền văn minh trí tuệ. Giáo dục đại học có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tương lai của dân tộc chắc chắn sẽ có bước tiến mới, điều đó sẽ được quyết định bởi đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy đại học.

Xin chúc sức khoẻ các đồng chí!

Xin cảm ơn!

9. Báo cáo tổng kết Hội nghị giáo dục đại học của đồng chí Nguyễn Minh Hiền, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Hà Nội, ngày 3-10-2001)

Sau hơn hai ngày làm việc khẩn trương trên tinh thần thiết thực, dân chủ, thẳng thắn và đầy ý thức trách nhiệm, Hội nghị Giáo dục đại học của chúng ta đã đạt được kết quả tốt đẹp. Để chuẩn bị cho Hội nghị này, từ mấy tháng trước đây Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được ý kiến đóng góp bằng văn bản của nhiều trường đại học về mục tiêu, nội dung cần đưa ra bàn tại Hội nghị sau đại học 3 năm trước đây, các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đối với giáo dục đại học trong thời gian tới. Lãnh đạo Bộ cùng một số Vụ chức năng cũng đã có các buổi làm việc riêng với lãnh đạo hai Đại học Quốc gia, các Đại học Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng, với gần 20 trường đại học và một số nhà khoa học có kinh nghiệm trong quản lý giáo dục đại học để lấy ý kiến về những vấn đề cần đưa ra bàn trong hội nghị và các văn bản dự thảo chuẩn bị cho Hội nghị này. Bộ cũng đã tổ chức một số hội thảo, thành lập một số tổ chuyên gia tư vấn để lấy ý kiến về những vấn đề có thể còn nhiều ý kiến khác nhau về xây dựng chương trình khung, về đổi mới tuyển sinh, về kiểm định điều kiện bảo đảm chất lượng, về phân cấp quản lý. Các tài liệu và thông tin cần thiết về Hội nghị đã được

đưa lên mạng để tất cả những ai quan tâm, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài, đều có thể tham khảo được.

Theo báo cáo của Ban tổ chức và Ban thư ký hội nghị, tham dự Hội nghị lần này có 474 đại biểu, trong đó 312 là đại biểu của các đại học, trường đại học, học viện, 42 đại biểu của các bộ, ban, ngành ở Trung ương, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, 60 đại biểu thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo và 60 nhà báo. Trong hội nghị đã có 32 đại biểu phát biểu ý kiến.

Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Thủ tướng Phan Văn Khải, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm và các đồng chí lãnh đạo khác. Những ý kiến trong các bài phát biểu đầy tâm huyết của mình, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã có những gợi ý quan trọng trong việc đánh giá tình hình giáo dục đại học nước ta, cả những thành tựu, những yếu kém, bất cập, đồng thời cũng chỉ ra phương hướng phát triển và cách làm sao cho có hiệu quả. Toàn ngành sẽ nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm túc những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Thủ tướng và đồng chí Phó Chủ tịch nước trong quá trình triển khai những chủ trương giải pháp nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, tiếp tục đổi mới, tạo cho được chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đầu thế kỷ XXI.

Hội nghị cũng đã được nghe các đồng chí lãnh đạo các bộ,

ban, ngành phát biểu ý kiến. Các ý kiến này đã giúp cho Hội nghị những định hướng quan trọng trong đổi mới giáo dục đại học, nhất là những giải pháp về xây dựng đội ngũ giáo viên, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, xây dựng cơ chế quản lý mới để tạo quyền chủ động cho các trường đại học về mặt tài chính và tổ chức nhân sự.

Các đại biểu đã bày tỏ sự nhất trí cao với bản báo cáo của Bộ tại Hội nghị, cả về phần đánh giá kết quả thực hiện những chủ trương, giải pháp chủ yếu đề ra trong Hội nghị Đại học (tháng 4-1998) và Hội nghị Sau đại học (tháng 3-1999) theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII), nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học giai đoạn 1998-2000 và phần những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2001-2010.

Về đánh giá thực trạng tình hình giáo dục đại học, các đại biểu cho rằng, việc đánh giá những mặt chưa được, các yếu kém, khuyết điểm của giáo dục đại học trong 3 năm qua là nghiêm túc, khách quan và công bằng. Một số đại biểu đề nghị khẳng định rõ hơn những thành tựu của giáo dục đại học, ghi nhận đầy đủ hơn sự cố gắng của thầy, trò và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học trong điều kiện kinh phí eo hẹp, các điều kiện bảo đảm chất lượng còn rất thiếu thốn.

Các đại biểu đều nhất trí cho rằng, những mục tiêu và giải pháp nêu trong báo cáo của Bộ là đầy đủ, có tính khả thi, đồng thời cũng thể hiện quyết tâm của toàn ngành, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đưa giáo dục đại học nước ta lên ngang tầm với trình độ tiên tiến của các nước trong

khu vực và vươn tới trình độ thế giới, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong phần tổng kết hội nghị, tôi xin chỉ tập trung vào một số nội dung đang được chúng ta và xã hội đặc biệt quan tâm và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

1. Về quy mô, chất lượng và mạng lưới đại học

Trong báo cáo chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như trong phát biểu của các vị đại biểu đều nhấn mạnh: từ nay đến năm 2010 chất lượng phải là mục tiêu hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học (chất lượng giáo dục đại học ở đây theo gợi ý của Thủ tướng Phan Văn Khải cần được hiểu theo tư duy mới là một chất lượng cao, có phân loại thích hợp). Phát triển quy mô trên cơ sở các điều kiện bảo đảm chất lượng, bảo đảm cơ cấu hợp lý, gắn đào tạo với sử dụng. Phải tạo cho được chuyển biến cơ bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả đào tạo.

Từng trường đại học phải có những giải pháp để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chất lượng đó phải được thể hiện ở bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, óc thẩm mỹ và sức khoẻ. Trong điều kiện hiện nay, điều cần đặc biệt lưu ý là: sản phẩm đào tạo của chúng ta phải có khả năng thường xuyên cập nhật được kiến thức, không những có khả năng thích ứng và tìm được việc làm mà còn có khả năng tự tạo ra việc làm, có năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực làm việc đồng đội, tập thể, năng lực tự học, tự rèn, tự đánh giá, có năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động, cả ở trong nước, ở khu vực và toàn thế giới. Để làm được điều

đó, cần phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, coi đây là yếu tố hàng đầu để nâng cao chất lượng.

Về quy mô, trong một vài năm trước mắt giữ tỷ lệ tăng quy mô hằng năm khoảng 5%. Sau này, khi các điều kiện bảo đảm chất lượng được cải thiện và có nhu cầu mới về nhân lực trình độ cao, quy mô đào tạo có thể sẽ tăng thêm ở một số ngành và một số khu vực. Quy mô đào tạo của các đại học quốc gia và các trường đại học trọng điểm sẽ được điều chỉnh theo hướng tăng nhanh đào tạo sau đại học, tập trung vào đào tạo cán bộ có trình độ cao. Các trường đại học khác sẽ bảo đảm việc đào tạo nguồn nhân lực đại trà phục vụ cho từng khu vực và cho cả nước.

Bộ sẽ chỉ đạo hoàn chỉnh mạng lưới trường đại học, cao đẳng. Tập trung đầu tư cho các đại học quốc gia và các trường đại học trọng điểm để các trường này sớm thực sự trở thành các trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao. Phấn đấu để đến năm 2010 chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học ở một số lĩnh vực trọng điểm ngang tầm với các trường tiên tiến trong khu vực và ngang tầm quốc tế, là các đơn vị đầu tàu thúc đẩy toàn bộ hệ thống giáo dục đại học Việt Nam trong quá trình hội nhập.

Ưu tiên đầu tư và gấp rút đào tạo cán bộ cho các trường đại học ở Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, phát triển thêm một số trường đại học bán công, dân lập, tư thục. Hướng dẫn thực hiện Nghị định 18/2001/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của các cơ sở văn hoá giáo dục nước ngoài tại Việt Nam. Nghiên cứu trình Chính phủ cho phép

một số trường đại học trọng điểm liên kết với các cơ sở nước ngoài có uy tín, mở các cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao với mức học phí phù hợp cho những đối tượng có đủ trình độ và điều kiện, tạo điều kiện để có thể cạnh tranh bình đẳng với các cơ sở giáo dục đại học với 100% vốn nước ngoài trong “du học tại chỗ” theo tinh thần: không để công dân Việt Nam, các tổ chức Việt Nam thua thiệt so với nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục đại học.

Các trường cần gấp rút xây dựng lộ trình để đạt các tiêu chí về số sinh viên/giảng viên, đạt tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ vào năm 2005 và đến năm 2010.

2. Về chương trình, giáo trình, phương pháp dạy và học

Các trường phải xây dựng được kế hoạch đổi mới toàn diện về nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục đại học, coi đây là một trong những khâu đột phá để đổi mới giáo dục đại học theo hướng “chuẩn hoá, hiện đại hoá”. Toàn ngành sẽ tập trung hoàn thành việc xây dựng chương trình khung trong năm học 2001-2002. Trong việc xây dựng chương trình khung, vai trò của các đại học quốc gia, các trường đại học trọng điểm là đặc biệt quan trọng, vì chính các trường này được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức hoạt động của các hội đồng khối ngành, ngành và chủ trì soạn thảo các giáo trình dùng chung.

Chương trình khung là cơ sở để bảo đảm tính chuẩn mực, cơ bản, hiện đại, thiết thực, kế thừa và liên thông, bảo đảm tính đa dạng trong sự thống nhất về chuẩn kiến thức của chương trình giáo dục đại học, tạo thuận lợi cho việc công nhận văn bằng giữa các quốc gia và sự hội nhập. Đang

nhien trong xây dựng chương trình, chúng ta phải tính đến việc giữ gìn những tiêu chuẩn và giá trị của dân tộc, của định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm tới, Bộ và các trường đều phải đầu tư kinh phí từ nhiều nguồn và sự chỉ đạo để thực hiện việc biên soạn giáo trình với những kế hoạch cụ thể từng năm đối với từng khối ngành, ngành và từng trường.

Đẩy mạnh việc ứng dụng các công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin, trong việc đổi mới cơ bản phương pháp giáo dục đại học, sau đại học. Các trường đại học sư phạm phải đi đầu trong việc đổi mới phương pháp dạy và học, chủ động và tích cực tham gia vào việc đổi mới giáo dục phổ thông.

3. Về mở rộng áp dụng học chế tín chỉ và tiến hành kiểm định chất lượng

Ngay trong năm học này Bộ sẽ tổ chức các đợt tập huấn về quy trình đào tạo theo học chế tín chỉ tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các trường đại học cần chủ động liên hệ với các trường đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này để tìm hiểu các kinh nghiệm về thiết kế chương trình, xây dựng kế hoạch, bảo đảm các điều kiện về lớp học, giảng viên, cán bộ quản lý, giáo trình, tài liệu tham khảo, tổ chức lớp học và các khâu thanh tra, kiểm tra, quản lý điều hành quá trình đào tạo từ trường xuống các bộ môn trên cơ sở ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các trường áp dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan trong việc thi, kiểm tra đánh giá.

Bộ sẽ có quyết định chính thức về việc chọn một số tiêu chí cơ bản về điều kiện bảo đảm chất lượng theo đề nghị của các nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục và Viện Khoa học giáo dục để áp dụng thí điểm vào một số trường ngay trong năm học 2001-2002 sau đó rút kinh nghiệm mở rộng ra các trường từ năm học 2002-2003. Bộ sẽ tổ chức hướng dẫn và tập huấn cho các trường về sử dụng các tiêu chí và cơ chế tự đánh giá.

4. Về cải tiến chế độ tuyển sinh

Chúng ta ghi nhận sự cố gắng to lớn của các trường đại học, cao đẳng trong công tác tuyển sinh mấy năm vừa qua, nhưng chúng ta cũng thấy rằng đây là một trong những vấn đề rất bức xúc, phải có quyết tâm và những giải pháp để đổi mới kỳ thi tuyển sinh đang rất nặng nề, tốn kém. Về lâu dài, phải có phương án giải quyết đồng bộ như đã trình bày trong báo cáo của Bộ và tham luận của các đại biểu. Ngay từ kỳ thi năm 2002 chúng ta sẽ áp dụng một số giải pháp nhằm giảm bớt sự căng thẳng, tốn kém, nâng cao tính nghiêm túc, độ chính xác của việc tuyển chọn, bảo đảm tính dân chủ, công khai trong tuyển sinh, đồng thời góp phần ngăn chặn các biểu hiện lệch lạc như học lệch, học tủ, mở các lớp luyện thi tràn lan. Sẽ chỉ đạo các trường mở rộng việc liên kết trong việc sử dụng chung đề thi và kết quả thi trong việc tuyển chọn sinh viên. Sắp xếp để các đại học quốc gia và một số trường trọng điểm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thi vào đợt đầu tiên. Thí điểm việc đặt ra “ngưỡng” đối với một số ngành ở các trường này. Xếp

lich thi của các trường đại học ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trùng về khối thi với các trường ở các địa phương. Các trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp Trung ương có thể không cần tổ chức riêng kỳ thi mà căn cứ nguyện vọng đăng ký của thí sinh, lấy kết quả thi đại học ở trường cùng khối thi và ngành nghề đào tạo. Điều chỉnh môn thi và thời gian thi. Khuyến khích các trường mở rộng việc sử dụng phương pháp trắc nghiệm. Bộ sẽ tổ chức mời chuyên gia huấn luyện, tổ chức việc góp sức xây dựng ngân hàng đề thi, chuẩn bị các chương trình phân mềm, trang thiết bị để có thể chấm và thống kê điểm tự động.

Do tầm quan trọng và tính nhạy cảm của vấn đề tuyển sinh đại học và cao đẳng, ngay sau Hội nghị này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thành lập tổ công tác bao gồm một số chuyên gia tập trung nghiên cứu, đề xuất các phương án cụ thể, sau đó lấy ý kiến của các trường và hoàn chỉnh để thông báo rộng rãi vào cuối tháng 11-2001.

Tuyển sinh sau đại học sẽ được cải tiến theo hướng kết hợp tuyển sinh sau đại học trong nước với đào tạo sau đại học ở nước ngoài. Mở rộng việc phân cấp và sự liên kết trong tuyển sinh giữa các cơ sở có cùng chuyên ngành đào tạo. Đa dạng hoá các hình thức thi tuyển, kết hợp thi với tuyển trong ngành đào tạo nghiên cứu sinh. Riêng vấn đề tuyển cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nghiên cứu những ý kiến đề xuất của các trường: tổ chức thi chuyên môn và xét các tiêu chuẩn khác (đạo đức, chính trị...) trước, sau đó thi ngoại ngữ, ai đạt thì cử đi ngay, ai chưa đủ điều kiện thì sẽ chuẩn bị tiếp để đi vào các đợt sau.

Bộ cũng sẽ phân cấp nhiều hơn cho các trường trong việc tuyển chọn và liên hệ với các trường đại học nước ngoài để gửi cán bộ đi đào tạo.

5. Về phát triển khoa học công nghệ

Phải tạo ra cho được chuyển biến cơ bản trong nhận thức về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong giáo dục đại học, coi đây như một trong ba nhiệm vụ của trường đại học: đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội (như Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã nhấn mạnh trong bài phát biểu vừa rồi).

Các trường đại học cần coi trọng và triển khai nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu những vấn đề phục vụ công tác giáo dục, đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Cần kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trong các trường đại học, kết hợp nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học, đặc biệt ở trình độ tiến sĩ. Tập trung nghiên cứu các hướng nghiên cứu khoa học ưu tiên của Nhà nước về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, tự động hóa, giáo dục bảo vệ môi trường. Đặc biệt quan tâm tới công tác nghiên cứu về công nghệ thông tin và thực hiện nhiệm vụ đào tạo thêm 50.000 cán bộ công nghệ thông tin vào năm 2005. Nâng cao chất lượng trong việc xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ theo hướng nghiên cứu, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ các kết quả nghiên cứu. Củng cố các trung tâm khoa học công nghệ, các viện trong trường đại học và các doanh nghiệp trong trường học để hoạt động có hiệu quả hơn. Bộ

Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan nhà nước để dành kinh phí thích đáng cho nghiên cứu khoa học và công nghệ của các trường đại học, đúng với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các trường. Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ phát huy hiệu quả các phòng thí nghiệm đã được đầu tư. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế quản lý khoa học công nghệ. Tăng cường phân cấp hơn nữa cho các trường đại học trong công tác lập kế hoạch thực hiện và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Hoàn thiện cơ chế liên kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên để hoạt động này có hiệu quả. (Có chế độ khuyến khích, động viên sinh viên có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học như cấp học bổng để đi đào tạo ở nước ngoài, xét các phần thưởng khoa học, tiếp nhận vào các trường...).

6. Về phân cấp mạnh mẽ nhằm tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học

Đây là một trong những khâu đột phá với phương châm: Phân cấp để phát triển. Như Thủ tướng Phan Văn Khải đã chỉ đạo: “Các trường đại học là nơi tập trung trí tuệ cao, ở đó có Đảng uỷ, Ban giám hiệu, lại gần với địa phương nơi trường đóng trụ sở, nên có thể và cần giao cho trường quyền chủ động cao. Việc phân cấp cho các trường đại học là để các trường thực hiện sáng tạo hơn, tốt hơn, có hiệu quả hơn các mục tiêu giáo dục và đào tạo trong chiến lược

và quy hoạch chung của cả nước, theo sự quản lý thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mặt khác, các trường đại học càng có quyền chủ động cao thì càng có trách nhiệm xã hội cao, quyền hạn và trách nhiệm tương xứng, gắn bó với nhau không thể thiếu mặt nào”.

Với vai trò quản lý nhà nước của mình, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ sắp xếp lại tổ chức, đổi mới công tác tổ chức cán bộ, đổi mới phương thức chỉ đạo của bộ và phong cách làm việc, tập trung làm tốt ba nhiệm vụ chủ yếu là: xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngành; xây dựng cơ chế chính sách và quy chế quản lý nội dung, chất lượng đào tạo; tổ chức thanh tra, kiểm tra và thẩm định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thực hiện việc phân cấp mạnh mẽ ngay trong năm 2001 theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác đào tạo đại học, sau đại học, công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; công tác quản lý tài chính, công tác tổ chức và nhân sự đối với các trường trực thuộc.

Đề nghị các bộ, ngành, các địa phương có trường cũng cần phân cấp mạnh mẽ cho các trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Cũng theo tinh thần đó Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ cùng các bộ, ngành hoàn chỉnh trình Chính phủ cơ chế mới, tạo quyền chủ động cho các trường đại học trong lĩnh vực quản lý lao động, quản lý tài chính, tài sản, quản lý xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị. Các trường đại học cũng cần chuẩn bị tốt về mọi mặt, nâng cao năng lực để tiếp nhận và thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và quản lý theo cơ

chế mới, phải có đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ, cơ chế thanh tra, kiểm tra, thực hiện công khai, dân chủ trong quản lý, đồng thời cũng cần nghiên cứu để phân cấp cho các đơn vị trực thuộc mình (các trường đại học thành viên, khoa, phòng, ban...).

7. Về việc chấn chỉnh kỷ cương, nền nếp, giải quyết các vấn đề nổi cộm trong ngành

Bộ và từng trường phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định hiện hành; xử lý kịp thời và nghiêm túc các vi phạm trong dạy và học, các tiêu cực trong thi cử, quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ, trong các hoạt động “liên kết” đào tạo trái với quy định, các sai phạm trong quản lý tài chính, chấn chỉnh các biểu hiện “thương mại hóa” trong giáo dục.

*

* *

Có thể nói, các vấn đề được đặt ra và thảo luận tại Hội nghị lần này đều không phải là những vấn đề mới (kể cả quy trình đào tạo theo học chế tín chỉ, phương pháp thi trắc nghiệm, kiểm định chất lượng đào tạo, việc tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học...). Cái mới của Hội nghị lần này là sự quyết tâm, sự thống nhất trong chỉ đạo, cách làm và bước đi cụ thể, khả thi và có trọng tâm, trọng điểm. Hy vọng rằng, với quyết tâm và tinh thần đổi mới, chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện tốt lời hứa với Thủ tướng Phan Văn Khải và Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình là quyết không chỉ nói, viết và bàn, mà

phải làm thiết thực và tìm ra cách làm thực sự có hiệu quả.

Thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng toàn thể các giáo sư, giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ, công nhân viên và sinh viên toàn ngành đại học tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các bộ, ban, ngành liên quan quan tâm đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị.

Tôi cũng xin cảm ơn các đồng chí phóng viên các báo, đài đã có sự hợp tác chặt chẽ với ngành giáo dục và đào tạo, đã đến dự và đưa tin về Hội nghị.

Xin cảm ơn trường Đại học Bách khoa Hà Nội, các cơ quan trong Bộ đã đóng góp cho sự thành công của Hội nghị.

Tôi xin tuyên bố kết thúc Hội nghị Giáo dục đại học.

Xin kính chúc sức khỏe các vị khách quý và các đồng chí!

10. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Minh Hạc, Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung ương tại Hội nghị các giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

(Đà Nẵng, từ ngày 18 đến ngày 20-7-2001)

Dại hội IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc, loài người bước vào thời đại mạng. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu, thế kỷ nước nhà đi vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó có cả nhiệm vụ từng bước xây dựng kinh tế tri thức. Ở thế kỷ này khoa học và công nghệ sẽ tiếp tục có những bước nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, nền văn minh trí tuệ khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của tri thức. Đi vào thiên niên kỷ mới tất cả các quốc gia đều chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, coi đây là con đường và biện pháp cơ bản để chấn hưng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội. Hơn nữa, ngày nay tương lai của giáo dục luôn luôn được xem xét và tạo lập trong mối quan hệ giữa quốc gia, khu vực và quốc tế. Dù còn có những sự khác biệt, giáo dục đã mang tính toàn cầu hóa, sự hội nhập đang tạo ra những khả năng mới về hợp tác. Trong phạm vi giáo dục, tính toàn cầu hóa chính là sự phấn đấu đạt tới những chuẩn mực chung về đào tạo nguồn nhân lực. Vì mục tiêu này, việc học tập suốt đời hướng tới một xã hội học tập đã trở thành một triết lý của thời đại. Giáo dục vì sự phát

triển con người, phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì một tương lai bền vững, một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đây chính là định hướng chiến lược, và chương trình hành động của toàn nhân loại.

Nhận thức rõ tính chất của thời đại và với phương châm dân chủ, đoàn kết, đổi mới và trí tuệ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta đã thành công tốt đẹp. Tôi đề nghị ngành chúng ta lấy tám chữ này làm phương châm quản lý sự nghiệp giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ XXI. Hội nghị của chúng ta có nhiệm vụ xây dựng được một chương trình hành động cụ thể nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đọc kỹ bản Tổng kết năm học 2000 - 2001 của Bộ, về cơ bản chúng tôi nhất trí với báo cáo, đồng thời nhân dịp này chúng tôi xin phát biểu một số ý kiến để các đồng chí tham khảo xung quanh mấy vấn đề:

1. Đóng góp vào Báo cáo tổng kết năm học;
2. Đại hội IX của Đảng và sự phát triển giáo dục - đào tạo;
3. Năm vững và phấn đấu đạt mục tiêu giáo dục;
4. Một số vấn đề khác.

I. Một số ý kiến đóng góp vào nội dung tổng kết năm học 2000 – 2001

1. Những thành tựu của ngành giáo dục và đào tạo

- a. Ban Khoa giáo Trung ương hết sức vui mừng nhận thấy,

sau hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khóa VIII), nhất là trong năm học 2000 - 2001 sự nghiệp giáo dục đã có những chuyển biến quan trọng và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đang mở ra những triển vọng mới của một thời kỳ phát triển mới.

Năm học 2000 - 2001 vừa qua chúng ta đã có một ngày lịch sử, ngày 28-12-2000, nhà nước đã long trọng công bố cho thế giới và đồng bào cả nước, Việt Nam đã hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và đang bắt đầu sự nghiệp phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Cũng trong năm học này, ngành giáo dục - đào tạo đã đạt được nhiều *thành tựu nổi bật* đáng được ghi nhận, trong đó có:

- Quy mô đào tạo tiếp tục tăng, tổng số học sinh (kể cả nhà trẻ, mẫu giáo) lên tới 21.210.846, số lượng học sinh khá, giỏi tăng lên.
- Chất lượng giáo dục có chuyển biến bước đầu, các điều kiện đảm bảo chất lượng đang được kiện toàn.
- Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục được củng cố, tăng cường theo hướng chuẩn hóa, có nhiều đóng góp tích cực cho sự thành công của năm học 2000 - 2001.
- Cơ sở vật chất tuy còn nhiều khó khăn, nhưng vẫn được nâng cấp, cải thiện.
- Toàn ngành đã phấn đấu tăng cường trật tự, kỷ cương, xây dựng củng cố môi trường sư phạm ngày một tốt hơn...

Như vậy, cùng với kết quả xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học, sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở

vật chất, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của con em nhân dân.

b. Tuy nhiên công tác giáo dục - đào tạo còn nhiều bất cập, trước hết phải giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc như Đại hội IX đã chỉ ra¹. Chất lượng, hiệu quả của giáo dục và đào tạo tuy đã có những chuyển biến, nhưng nhìn chung còn thấp so với yêu cầu; cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, mất cân đối về bậc học, về ngành nghề, về vùng lãnh thổ; việc giáo dục đạo đức, chính trị trong các trường học chưa được quan tâm đúng mức. Trình độ học vấn ở một số vùng còn quá thấp. Các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục và đào tạo còn nhiều, chậm được khắc phục.

c. Nguyên nhân làm cho giáo dục nước ta chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém, về mặt khách quan, là trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng còn hạn chế thì giáo dục vừa phải phát triển nhanh về quy mô, vừa phải gấp rút nâng cao chất lượng. Đây là một mâu thuẫn lớn, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai đã nêu, nhưng mới giải quyết bước đầu. Về quản lý giáo dục - đào tạo còn thiếu nhiều chính sách vi mô tương ứng để xử lý những mối quan hệ lớn trong giáo dục - đào tạo như: số lượng - chất lượng, đào tạo - sử dụng, cung - cầu, chi phí - lợi ích, cơ cấu kinh tế - xã hội - cơ cấu lao động - cơ cấu đào tạo, tập trung - phân quyền; chưa phối hợp tốt và sử dụng thực sự có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và của xã hội. Một số chủ trương đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa,

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.111.

phương pháp dạy và học trong triển khai còn nhiều lúng túng. Cơ chế quản lý giáo dục - đào tạo chưa theo kịp thực tiễn phát triển. Hơn nữa, quan điểm giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư để phát triển, nhiều nơi, nhiều lúc vẫn chưa được quán triệt.

2. Những vấn đề trong báo cáo cần làm rõ hơn

- Về đội ngũ giáo viên: Trong báo cáo có nói đến nhiều tình thiếu giáo viên, song không nêu số lượng thiếu là bao nhiêu, cụ thể ở địa phương, cấp học nào, loại hình giáo viên? Theo chúng tôi, thì giáo viên hiện nay vừa thiếu vừa thừa, không đồng bộ về cơ cấu. Do đó, báo cáo cần bổ sung để làm rõ hơn về vấn đề này, nhất là các loại hình giáo viên như: giáo dục công dân, nhạc, họa, thể dục...

- Về tổ chức Đảng trong trường học, báo cáo còn chung chung, không có số liệu thống kê về đảng viên trong giáo viên. Cần nói rõ còn bao nhiêu trường chưa có chi bộ riêng, đồng thời nên phân tích tình hình tư tưởng, chính trị của đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh trong trường.

- Về việc các trường tiểu học dạy đủ 9 môn như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai đã khẳng định, nên nói rõ ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ và thành phố chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong cả nước? Việc thực hiện ở các vùng miền khác như thế nào? Sắp tới chúng ta giải quyết tình hình này ra làm sao, để bảo đảm công bằng và chất lượng giáo dục của học sinh giữa các vùng miền?

- Cần kiểm điểm việc thực hiện chủ trương học 2 buổi/ngày. Văn kiện Đại hội lần thứ IX đã ghi: "Phấn đấu để

ngày càng có nhiều trường tiểu học đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường”.¹ Bây giờ ngành chúng ta có thực hiện chủ trương này không? Thực hiện bằng cách nào?

- Việc phát triển các trường ngoài công lập, với tỷ lệ 0,3% (tiểu học), 3,1% (trung học cơ sở), 34,3% (trung học phổ thông), cần có sự phân tích và định hướng trong tương lai, đặc biệt là việc quản lý chất lượng dạy và học cũng như quản lý công tác tài chính trong các trường này.

- Về cơ sở vật chất của nhà trường, báo cáo cũng cần nói rõ thêm về thiết bị dạy học, thư viện. Hiện nay, cả nước mới có 64% trường có thư viện. Vấn đề phòng học 3 ca còn 1072, sẽ giải quyết thế nào?

- Cuối cùng, báo cáo cần đi sâu phân tích những nguyên nhân thành công và những tồn tại cần khắc phục để đưa nền giáo dục nước nhà đi vào thế kỷ mới, vào thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II. Đại hội lần thứ IX của Đảng và những vấn đề đặt ra với giáo dục và đào tạo

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định rõ mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là “*Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.110.

2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”.¹

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, chúng ta sẽ tiến theo con đường công nghiệp hóa rút ngắn, trên cơ sở kết hợp linh hoạt và hợp lý những bước đi tuần tự với những bước nhảy vọt, nhanh chóng đạt tới trình độ tiên tiến về khoa học và công nghệ, đặc biệt chú trọng những ngành mũi nhọn như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng, cần ứng dụng ngày càng nhiều những tri thức mới để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động đi nhanh vào kinh tế tri thức ở những ngành, những lĩnh vực mà đất nước ta có điều kiện.

Song, nếu không có nguồn nhân lực tương xứng thì ngay cả những kỹ thuật hoàn thiện nhất cũng trở nên vô dụng. Do vậy, để bảo đảm cho đất nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải coi trọng công tác khoa giáo, nhất là hai lĩnh vực trọng yếu là giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, như các văn kiện của Đại hội lần thứ IX đã khẳng định: **phát triển giáo dục và đào tạo** được coi là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.24.

phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững¹; **phát triển khoa học và công nghệ** cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước². Đặc biệt, việc “tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ” đã được xác định là một trong ba khâu đột phá then chốt để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội³. Coi giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực là một bứt phá quan trọng để đi vào thực hiện chiến lược 2001 - 2010.

Trên tinh thần cơ bản của Đại hội IX, có thể khái quát và phát triển thành các quan điểm sau đây để chỉ đạo ngành giáo dục - đào tạo:

1. Phát triển giáo dục toàn diện

Thực hiện giáo dục toàn diện nhằm đào tạo những người lao động có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có đạo đức, có tri thức văn hóa, có sức khỏe và có kỷ luật. “Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên”. Phải làm sao giáo dục truyền thống cách mạng, văn hóa dân tộc thấm đượm xuyên suốt các môn học, các hoạt động và mọi hình thức giáo dục. Ở đây, việc chú trọng cải tiến nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta phù hợp với từng bậc

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.108-109; 112; 219.

học, cấp học là hết sức quan trọng. Quan tâm đến việc tăng cường học ngoại ngữ, tin học.

2. Xây dựng nền giáo dục theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”

Nền giáo dục đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nền giáo dục được chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa.

Chuẩn hóa có thể hiểu bao gồm chuẩn hóa chương trình, nội dung giảng dạy, sách giáo khoa, giáo trình và quy trình kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục - đào tạo. Đặc biệt nhấn mạnh chuẩn hóa tiêu chí đánh giá sản phẩm cuối cùng của giáo dục là con người và nguồn nhân lực; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; chuẩn hóa về cơ sở vật chất, trường lớp, các trang thiết bị dạy và học cho tất cả các cấp học, bậc học...

Hiện đại hóa giáo dục hiểu trong nội tại của ngành là cập nhật với thời đại ngày nay, hiện đại hóa nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo, trong đó đưa vào những nội dung mới phản ánh những thành tựu mới nhất của văn hóa, khoa học và đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo phù hợp với xu thế hiện đại, hiện đại hóa các phương tiện dạy và học, tăng cường các thiết bị thông tin, viễn thông, nối mạng các nhà trường đóng vai trò then chốt.

Xã hội hóa giáo dục là huy động lực lượng của toàn xã hội cùng tham gia vào quá trình giáo dục - đào tạo, đồng thời chính là tạo điều kiện để mọi người dân được thụ hưởng các thành quả do hoạt động giáo dục đem lại. Cần khắc phục tình trạng coi giáo dục - đào tạo chỉ là việc riêng của ngành cũng như cách hiểu xã hội hóa giáo dục đơn giản chỉ là tìm

cách tăng thêm nguồn thu cho giáo dục từ người học.

3. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục

Công bằng xã hội là sự bình đẳng trong cơ hội tiếp cận, tham gia vào quá trình giáo dục, là sự đối xử như nhau với mọi học sinh tại các cơ sở đào tạo khác nhau. Đây là một trong những nội dung chính của việc xây dựng nền giáo dục định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cơ hội được học tập cho mọi người, tạo điều kiện cho nhân dân lao động, nhất là con em các gia đình nghèo và diện chính sách được học hành. Phải tiếp tục duy trì chính sách ưu tiên, hỗ trợ giáo dục cho các khu vực khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, học sinh nghèo, trẻ em khuyết tật. Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho những học sinh giỏi, những người có năng lực được học tập thuận lợi hơn ở tất cả các bậc học. Cần chú ý các biện pháp về tài chính, về giáo viên, huy động sự tham gia của địa phương, gia đình vào giáo dục nhằm thực hiện tốt công bằng xã hội trong giáo dục.

4. Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội "Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội"

Đây vừa là yêu cầu của việc kế thừa các nguyên tắc xây dựng nền giáo dục cách mạng, vừa là đòi hỏi của việc nâng cao hiệu quả giáo dục phục vụ sản xuất, đời sống. Nhà trường phải chú ý giáo dục ý thức, khả năng lao động, thực hành cho học sinh trong quá trình dạy học; nhưng quan trọng hơn là làm cho những điều học sinh được học trong nhà trường phải gắn với nghề nghiệp và cuộc sống của họ

trong tương lai. Đặc biệt coi trọng kết quả cuối cùng ở người học là đạo đức và tay nghề. Chúng ta phải làm cho toàn bộ nền giáo dục thích ứng với nhu cầu và đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển giáo dục theo kế hoạch và theo yêu cầu của thị trường lao động.

5. Coi trọng hướng nghiệp, dạy nghề, tập trung vào mục tiêu nhân lực

Như trên đã trình bày, con người và nguồn nhân lực có vai trò quyết định như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Toàn bộ hệ thống giáo dục - đào tạo, từ tiểu học đến đại học, phải tập trung phục vụ mục tiêu này, làm cho tinh thần hướng nghiệp cùng với hướng học đi vào từng giờ học, từng học sinh, như cha ông ta đã từng dạy “nhất nghệ tinh nhất thân vinh”, chấm dứt động cơ đi học vì mảnh bằng “hư văn” (Phạm Văn Đồng). Các môn học, cả khoa học xã hội - nhân văn lẫn khoa học tự nhiên, đều phải dạy theo tinh thần kỹ thuật tổng hợp, gắn bó các nội dung khoa học với đời sống hàng ngày, với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho học sinh một mặt biết được xu hướng năng lực của mình, mặt khác, biết yêu cầu ngành nghề của địa phương, vùng và cả nước, đồng thời biết hướng sự phát triển bản thân cùng với hướng chọn nghề. Hơn nữa đến bậc học trung học phổ thông, như kinh nghiệm của gần 10 năm qua đã khẳng định, có thể và cần cho tất cả các em đều được thử sức mình qua việc học một nghề cụ thể. Thời đại ngày nay là thời đại lao động ngày càng căng thẳng, ngày càng đòi hỏi cao, cả về thể lực, tâm lực, trí lực và biểu hiện cụ thể qua kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công nghệ.

III. Bám sát và kiên trì thực hiện mục tiêu của nền giáo dục

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”¹. Vì vậy, mục tiêu của nền giáo dục là phải phát triển con người và nguồn nhân lực trên cơ sở “bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và tự tôn dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà kinh doanh, nhà quản lý. Chính sách sử dụng lao động và nhân tài phải tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của các tập thể và cá nhân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước”². Giáo dục và đào tạo giữ vai trò chủ đạo trong việc bồi dưỡng tri thức, kỹ năng, hình thành nhân cách góp phần phát triển con người và nguồn nhân lực. Con người chính là sản phẩm cuối cùng của giáo dục và phải được đánh giá qua thực tiễn.

Chúng ta chưa có điều kiện tổng kết về vấn đề quan trọng này, nhưng qua kết quả nghiên cứu của chuyên đề cấp nhà nước KHXH 04-07-CD về: “Thực trạng và giải pháp giáo

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.20; 201-202.

dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống cho thanh niên học sinh, sinh viên trong chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, ta thấy đến lớp 12 tình hình tư tưởng đạo đức của học sinh đang đặt ra nhiều vấn đề hết sức bức xúc. Vì vậy mọi hoạt động giáo dục cần quán triệt bám sát thực hiện mục tiêu đào tạo đã được Đại hội lần thứ IX nêu ra.

IV. Về chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ mới

Trong những năm tới, ngành giáo dục - đào tạo phải thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục - đào tạo, đặc biệt tập trung mọi lực lượng thực hiện bằng được chủ trương phổ cập giáo dục trung học cơ sở, như đã nêu trong Chỉ thị số 61 – CT/TW ngày 28-12-2000 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 41/2000/QH10 của Quốc hội.

Bước vào thế kỷ XXI, chất lượng nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định trong việc phát huy nội lực, phát triển đất nước, hợp tác và cạnh tranh trong hội nhập khu vực và quốc tế, điều đó đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao học vấn của người lao động. Vì vậy, việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong giai đoạn 2001 - 2010 có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhằm tạo nền cho sự phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mục tiêu phổ cập trung học cơ sở là nâng cao mặt bằng dân trí một cách toàn diện, làm cho hầu hết công dân đến 18 tuổi đều tốt nghiệp trung học cơ sở, kết hợp *phân luồng* sau

cấp học này, tạo cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, phát huy cao độ tính độc lập, năng động, sáng tạo và bản lĩnh chính trị của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

V. Một số giải pháp phát triển giáo dục trong những năm tới

Về cơ bản chúng tôi nhất trí với những biện pháp mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu ra, ở đây chúng tôi xin nhấn mạnh thêm một số điểm:

1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên

Đại hội IX đã chỉ ra: “Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng miền núi cao, hải đảo”¹.

Đào tạo và nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên là khâu đột phá có ý nghĩa quyết định, góp phần triển khai chiến lược phát triển giáo dục mà Đại hội IX đã thông qua:

- Phải chuẩn hóa giáo viên về mọi mặt, không phải chỉ chuẩn hóa trình độ đào tạo, tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo giáo viên theo hướng hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.204.

đại hóa; giáo viên tự rèn luyện khả năng thích nghi, tự cập nhật kiến thức và năng lực tư duy độc lập, sáng tạo; đạt một tỷ lệ nhất định giáo viên đạt trên chuẩn.

- Coi trọng bồi dưỡng cho giáo viên năng lực cải tiến phương pháp, có phương pháp tổng hợp để thích ứng, có phương thức làm việc phù hợp với tình hình ở địa phương.

- Tăng cường đào tạo giáo viên đáp ứng nhu cầu của các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập. Kết hợp giữa đào tạo với các chính sách thu hút, tuyển dụng để bảo đảm đủ giáo viên phổ thông theo định mức. Bổ sung đội ngũ giảng viên đại học để giảm tỷ lệ sinh viên/ giáo viên trung bình trong ngành đang quá cao hiện nay (từ 30 xuống khoảng 20).

- Phát huy vai trò nòng cốt của các trường sư phạm trong công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Nâng cấp các trường trung học sư phạm lên cao đẳng sư phạm, tiến tới đào tạo giáo viên giáo dục mầm non và tiểu học có trình độ cao đẳng sư phạm trở lên. Thành lập các khoa sư phạm, các trung tâm đào tạo giáo viên trong các trường đại học và cao đẳng khác. *Tập trung xây dựng hai trường đại học sư phạm trọng điểm vừa đào tạo giáo viên có chất lượng cao, vừa nghiên cứu khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến.* Ưu tiên đào tạo giáo viên người dân tộc và giáo viên biết tiếng dân tộc cho các cơ sở giáo dục ở vùng có nhiều người thuộc các dân tộc thiểu số. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học trình độ cao của các viện nghiên cứu trong nước và các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng.

Chúng ta cần thật sự củng cố đội ngũ giáo viên và cán bộ

quản lý các cấp, làm cho đội ngũ trong sạch vững mạnh.

2. *Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 đã nêu rõ việc “khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc”¹.

Chương trình và sách giáo khoa phải bảo đảm tính hệ thống, kế thừa, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam; tiếp thu những thành tựu giáo dục tiên tiến trên thế giới.

Bảo đảm thống nhất về chuẩn kiến thức, kỹ năng và tăng cường tính liên thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục sau trung học, đồng thời có các phương án áp dụng chương trình, sách giáo khoa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các địa bàn khác nhau; chọn lọc, đưa vào chương trình các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh (các chương trình đang thử nghiệm cần sửa theo hướng “giảm tải” và thiết thực, hướng vào mục tiêu đào tạo); hết sức coi trọng tính thực tiễn. Cần đổi mới mạnh mẽ việc kiểm tra, đánh giá, nhất là thi tốt nghiệp các cấp học. Tội tán thành kiến nghị Chính phủ và Quốc hội cho bỏ kỳ thi tốt nghiệp tiểu học. Đồng thời, tiếp tục rà soát, kiểm tra, phát hiện và xử lý những trường hợp sử dụng văn bằng chứng chỉ không hợp pháp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.203.

Các địa phương cần tập trung chỉ đạo và tạo điều kiện để ngành giáo dục bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và có chất lượng việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch; cân đối ngân sách địa phương, khai thác và huy động thêm các nguồn ngoài ngân sách, bảo đảm kinh phí cho việc nâng cấp và xây dựng trường lớp, khắc phục tình trạng học 3 ca, thực hiện kiên cố hóa trường lớp, tạo điều kiện từng bước chuyển sang dạy học 2 buổi/ ngày, trước hết là đối với các trường tiểu học; đồng thời tăng cường cung cấp trang thiết bị và đồ dùng dạy học cho nhà trường, nhất là đối với môn tin học, máy tính và nối mạng Internet, như trong Chiến lược 2001 - 2010 đã nêu. Khẩn trương hoàn thành tốt công tác chuẩn bị để thực hiện rộng rãi trong toàn quốc việc dạy - học theo chương trình mới, bắt đầu ở lớp 1 và lớp 6 từ năm học 2002 - 2003, ở lớp 10 từ năm học 2004 - 2005. Phấn đấu đến năm học 2006 - 2007 tất cả các lớp cuối cấp đều thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Để thực hiện các biện pháp trên, các cấp ủy Đảng từ trung ương đến địa phương thường xuyên lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về giáo dục - đào tạo. Đưa việc lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng nền nếp, kỷ cương trong giáo dục - đào tạo thành một trong những chỉ tiêu phấn đấu xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Tổ chức Đảng phải là hạt nhân lãnh đạo trong nhà trường, điều này đặc biệt quan trọng, nhất là đối với các loại hình nhà trường ngoài công lập (kể cả các cơ sở giáo dục nước ngoài được phép mở

tại Việt Nam), trong đó bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng biểu hiện ở chỗ phải tổ chức quản lý tốt hoạt động (đặc biệt về nội dung giáo dục và về các hoạt động tài chính để ngăn chặn xu hướng lợi dụng hoạt động giáo dục vào mục đích kinh doanh vụ lợi) của các trường này phù hợp mục tiêu giáo dục và các quy định về hoạt động giáo dục của chế độ ta. Đồng thời phát huy vai trò của các đoàn thể và tổ chức quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Hội khuyến học...) trong sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo.

Thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ trung tâm của toàn ngành từ trung ương tới địa phương. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể cần quán triệt sâu sắc những quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết nhằm thống nhất ý chí và hành động, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong hoạt động giáo dục ở mọi cấp, trước mắt là trong năm học 2001 - 2002.

Xin chúc các đồng chí sức khỏe, chúc Hội nghị thành công!

11. Bài phát biểu kết luận của đồng chí

Nguyễn Minh Hiền, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị các giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo

(Hà Nội, từ ngày 18 đến ngày 20-7-2001)

Sau hai ngày rưỡi làm việc khẩn trương, chúng ta đã hoàn thành chương trình của Hội nghị. Tham dự Hội nghị giám đốc sở năm nay có 343 đại biểu gồm các đồng chí giám đốc, trưởng phòng tổng hợp, chủ tịch công đoàn giáo dục các tỉnh, hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm trực thuộc và chủ nhiệm khoa sư phạm của các trường đại học có đào tạo giáo viên. Hội nghị rất phấn khởi được đón Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình; đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm; đồng chí Cù Thị Hậu, Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, các đồng chí lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Thanh niên, Thiếu niên, Nhi đồng của Quốc hội, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Thi đua khen thưởng Nhà nước, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Khuyến học Việt Nam đến dự. Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã phát biểu ý kiến chỉ đạo hội nghị. Các đồng chí lãnh đạo ban, ngành ở trung ương cũng đã có nhiều ý kiến đóng góp quý báu vào nội dung của Hội nghị.

Phát biểu tại Hội nghị, sau khi biểu dương những nỗ lực của các thầy giáo, cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã yêu cầu toàn ngành phấn đấu thực hiện bốn nhiệm vụ: đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; phát huy kết quả xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học và đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất tốt, năng lực vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đạt chuẩn đào tạo; tăng cường công tác quản lý và thanh tra giáo dục. Đồng chí Phạm Minh Hạc, thay mặt Ban Khoa giáo Trung ương; đồng chí Lương Ngọc Toàn, thay mặt Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội cũng đã bày tỏ sự nhất trí đối với báo cáo của Bộ, đồng thời góp ý thẳng thắn và cụ thể về một số vấn đề tồn tại cần giải quyết của ngành nhằm triển khai thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội IX.

Trong hai ngày rưỡi, hội nghị đã dành ba buổi làm việc chung tại hội trường, một buổi thảo luận tổ và một buổi làm việc riêng đối với từng thành phần tham gia hội nghị. Tại các cuộc họp toàn thể, đã có bốn báo cáo chuyên đề được trình bày. Tại các cuộc họp thảo luận tổ, đã có 41 đồng chí phát biểu ý kiến đề cập 40 vấn đề cần được xem xét giải quyết.

Để ngay sau Hội nghị này chúng ta có thể kịp thời triển khai những nhiệm vụ trung tâm của năm học 2001 - 2002, bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu của Đại hội IX và các Nghị quyết của Quốc hội, tôi xin lưu ý các đồng chí một số điểm sau đây:

I. Về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2000 - 2001

Trong bản báo cáo của Bộ được trình bày tại buổi khai mạc, chúng ta đã kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện năm nhiệm vụ trung tâm của ngành. Điều cần phải khẳng định là, trong năm học vừa qua, ngành giáo dục - đào tạo đã có những chuyển biến quan trọng và đang bước vào thời kỳ phát triển mới. Điều này đã được các đồng chí lãnh đạo và các vị đại biểu tham dự hội nghị và dư luận xã hội ghi nhận.

Đó là: nền nếp, kỷ cương đang từng bước được chấn chỉnh; việc triển khai các Nghị quyết số 40/2000/QH10 và 41/2000/QH10 được tiến hành mạnh; tất cả các mặt hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đều được quan tâm và đạt kết quả đáng kể; đội ngũ giáo viên được tăng cường, cơ sở vật chất và thiết bị được cải thiện nhiều so với những năm trước đây; nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, của Bộ và một số bộ, ngành có liên quan đã được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi để ngành tiếp tục củng cố và phát triển. Gần đây nhất, trong hơn một tháng qua, việc tổ chức các kỳ thi đã có nhiều tiến bộ, bảo đảm nghiêm túc, công bằng, tạo thuận lợi cho thí sinh, được các ngành, các cấp và dư luận xã hội ủng hộ và ghi nhận.

Bên cạnh những kết quả trên, còn không ít vấn đề tồn tại phải giải quyết. So với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngành ta còn phải phấn đấu khắc phục những hạn chế về chất lượng và hiệu quả; về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; về cơ sở vật chất và thiết bị. Những mặt hạn chế

đó có phần do điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhưng về mặt chủ quan, một nguyên nhân quan trọng là năng lực của bộ máy quản lý và về cơ chế quản lý giáo dục còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới sự nghiệp giáo dục.

Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ xin hoan nghênh và tiếp thu những ý kiến phê bình của các đồng chí đối với những thiếu sót và khuyết điểm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đồng thời đề nghị các đồng chí giám đốc sở cũng cần cộng tác chặt chẽ với Bộ, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong toàn ngành từ cơ quan Bộ đến các sở và các nhà trường. Bài học lớn nhất mà chúng ta cần phải thống nhất với nhau là cơ quan quản lý của ngành ở trung ương cũng như địa phương cần quyết tâm chuyển mạnh sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tập trung vào các nội dung: xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục, chỉ đạo đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục và tìm kiếm, khai thác các nguồn lực để thực hiện xây dựng và triển khai hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Đây là những nhiệm vụ chủ yếu, xuyên suốt mọi hoạt động, bảo đảm để công tác quản lý giáo dục được đổi mới phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển giáo dục hiện nay.

II. Về mục tiêu, nhiệm vụ năm học 2001 - 2002 và các giải pháp thực hiện

Những vấn đề này đã được trình bày trong báo cáo của Bộ

và về cơ bản đã được các đồng chí nhất trí trong các cuộc thảo luận tại hội nghị. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch nước, phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Ban Khoa giáo Trung ương và Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội và ý kiến bổ sung của các đồng chí, tôi xin nhấn mạnh một số vấn đề:

1. Về nhiệm vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

Toàn ngành thống nhất về nhận thức và hành động, không đặt lại vấn đề có làm hay không, mà cần nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và của Đại hội IX, kiên quyết vượt mọi khó khăn, chuẩn bị chu đáo, khẩn trương việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; vừa đổi mới nội dung, phương pháp, vừa hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị.

Chúng ta cần tiếp thu các ý kiến đóng góp xây dựng của các nhà giáo, các nhà khoa học, các bậc cha mẹ học sinh, của xã hội nói chung để hoàn chỉnh chương trình và sách giáo khoa; tuân thủ nghiêm ngặt những quy định, bảo đảm tiến độ và chất lượng biên soạn, thí điểm, thẩm định chương trình và sách giáo khoa mới.

Các sở giáo dục và đào tạo cần ý thức được trách nhiệm của mình trong việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, chủ động chuẩn bị về đội ngũ và cơ sở vật chất để có điều kiện thuận lợi hơn trong việc áp dụng chương trình và sách giáo khoa mới, bảo đảm để triển khai đại trà chương trình và sách giáo khoa mới ở lớp 1 và lớp 6 bắt đầu từ năm học 2002 - 2003.

Các trường và khoa sư phạm cần chủ động nhập cuộc, tham gia tích cực vào công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, bảo đảm 100% giáo viên lớp 1 và lớp 6 nắm vững chương trình và sách giáo khoa mới trước khi áp dụng vào việc giảng dạy.

Trong quá trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, chúng ta vừa phải triển khai thay sách lần lượt từng lớp, vừa phải tiếp tục thực hiện chương trình và sách giáo khoa cũ ở các lớp còn lại. Nhưng tất cả các lớp, các cấp học, bậc học đều phải thực hiện yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, tích cực phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội, HIV/AIDS xâm nhập vào nhà trường; cải tiến phương pháp dạy học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự học; làm tốt hơn công tác hướng nghiệp, giúp cho học sinh có thái độ đúng đắn trong chọn ngành, chọn nghề và có quyết tâm lập thân, lập nghiệp.

Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Bộ sẽ khẩn trương xây dựng đề án cụ thể về dạy ngoại ngữ và tin học ở phổ thông.

Các địa phương cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, chủ động mở rộng dần việc dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục 2 buổi/ ngày, Bộ sẽ làm việc với Bộ Tài chính và Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ tháo gỡ những khó khăn, khẩn trương xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương thực hiện tốt chủ trương này.

Bộ sẽ nghiên cứu xây dựng mô hình trường trung học phổ thông kỹ thuật. Tôi được biết, Đà Nẵng và một vài địa

phương khác đã sẵn sàng tham gia thí điểm mô hình này. Bộ hoan nghênh và sẽ tạo điều kiện để các sở tham gia thí điểm xây dựng mô hình này ở địa phương.

2. Về nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Trước hết phải củng cố và phát huy kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; tập trung hỗ trợ các xã, huyện chưa đạt chuẩn; đồng thời thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, chống tái mù chữ.

Cần đẩy nhanh quá trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Bộ sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội để có các văn bản quy định về định mức, chính sách, chế độ đối với giáo viên và các đối tượng tham gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Trong năm học 2001 - 2002, việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở được thực hiện theo chương trình trung học cơ sở và bổ túc trung học cơ sở hiện hành. Những nơi thực hiện thí điểm chương trình trung học cơ sở mới thì phổ cập theo chương trình đó.

Các địa phương đã đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở cần tiếp tục củng cố và phát huy kết quả đã đạt được, tiến đến phổ cập ở trình độ trung học (trung học phổ thông, bổ túc trung học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông kỹ thuật...).

3. Về nhiệm vụ xây dựng đội ngũ giáo viên

Cần tiếp tục thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, nâng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở tất cả các cấp học, bậc học,

ngành học tại các địa phương. Đồng thời mở rộng đào tạo trên chuẩn nhằm thực hiện các chỉ tiêu đã ghi trong chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2001 - 2010 và kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX.

Tiếp tục thực hiện bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ, tập trung ưu tiên cho việc bồi dưỡng phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Bảo đảm tất cả giáo viên đều nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung và phương pháp của chương trình và sách giáo khoa mới trước khi áp dụng vào giảng dạy.

Cần nâng cao vai trò và trách nhiệm của các trường đại học và cao đẳng sư phạm trong việc bồi dưỡng giáo viên trên địa bàn. Các trường đại học và cao đẳng sư phạm phải coi đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong suốt quá trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Các sở phải chủ động phối hợp với các trường để thực hiện nhiệm vụ này.

Trong việc xây dựng đội ngũ, cần ưu tiên đào tạo giáo viên tại chỗ thông qua các hình thức cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ; đồng thời thực hiện nghiêm túc Nghị định số 35/2001/NĐ-CP, làm tốt việc điều động luân chuyển giáo viên từ vùng thuận lợi đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Sau hội nghị này, Bộ sẽ làm việc với Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ để điều chỉnh thể thức tuyển dụng giáo viên, bổ sung cán bộ chuyên trách, giáo viên kiêm nhiệm làm công tác thí nghiệm, thư viện, kế toán, y tế nhà trường...; xây dựng các định mức lao động đối với giáo viên ở các cấp học, bậc học.

4. Về nhiệm vụ phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn, quan tâm giáo dục trẻ em khuyết tật và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác

Cần củng cố, kiện toàn các trường phổ thông dân tộc nội trú, hoàn chỉnh mô hình trường bán trú, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho giáo dục vùng đồng bào dân tộc và vùng đặc biệt khó khăn.

Đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo tại các trường phổ thông dân tộc nội trú (trước hết là các trường dự bị đại học và các trường tỉnh) theo hướng không chỉ đào tạo để học sinh ra trường có thể học tiếp lên bậc học trên mà còn có thể trở về xây dựng quê hương (thực hiện tốt giáo dục hướng nghiệp, khuyến nông, khuyến lâm, chăm sóc sức khỏe, quản lý ở xã, thôn, bản...). Bộ cũng sẽ xúc tiến việc xây dựng phương án áp dụng chương trình và sách giáo khoa phù hợp với vùng dân tộc, vừa bảo đảm để học sinh giữ gìn ngôn ngữ và phong tục dân tộc, vừa giúp các em sử dụng thông thạo tiếng Việt để học tiếp lên các bậc học trên.

Mở rộng cử tuyển đồng thời quản lý chặt chẽ để bảo đảm cử tuyển đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, tạo điều kiện để các em có thêm một năm học dự bị nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng trước khi đưa vào các lớp chung (đại học, cao đẳng).

Tăng cường đào tạo giáo viên người dân tộc, khuyến khích giáo viên công tác ở vùng dân tộc học tiếng dân tộc. Nghiên cứu để sớm thực hiện việc dạy tiếng dân tộc cho giáo sinh của các trường sư phạm ở các tỉnh có đồng bào dân tộc.

Cần quan tâm, chăm lo, tạo điều kiện giáo dục đối với trẻ em tàn tật, trẻ em thuộc các gia đình là đối tượng hưởng chính sách xã hội. Bộ sẽ làm việc với các bộ, ngành có liên quan và với các địa phương, tìm kiếm các nguồn tài trợ để các địa phương triển khai một cách thuận lợi công việc này.

Khẩn trương xây dựng các thông tư liên bộ hướng dẫn thực hiện Nghị định 35/2001/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đãi ngộ đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại các trường chuyên biệt và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Về đổi mới công tác kế hoạch và phân bổ ngân sách

Bên cạnh cách làm truyền thống (xây dựng kế hoạch phát triển theo từng bậc học trên phạm vi cả nước), cần thực hiện việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch các vùng kinh tế - xã hội từ mầm non đến đại học, bảo đảm sự phát triển cân đối, hài hòa cho từng khu vực, tránh sự khép kín trong từng tỉnh và sự mất cân đối giữa các bậc học.

Tiến hành phân bổ ngân sách theo đầu học sinh có tính đến điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng.

Đổi mới việc sử dụng ngân sách nhà nước, dành tỷ lệ ưu tiên cho các mục tiêu quốc gia (đổi mới chương trình và sách giáo khoa, bồi dưỡng giáo viên, nâng cấp các trường sư phạm và trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và thư viện...) cho các trường trọng điểm, các cấp học phổ cập cho vùng khó khăn.

Chúng ta sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Tài chính để trình Chính phủ các phương án nhằm thực hiện chủ trương của

Dại hội IX, tăng ngân sách Nhà nước chỉ cho giáo dục phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, Bộ sẽ lập dự án đầu tư (kết hợp nhiều nguồn) trong năm, mười năm tới tập trung vào việc xây dựng trường lớp, giải quyết những khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành.

Bên cạnh đó chúng ta cần đặc biệt lưu ý đến việc quản lý chặt chẽ việc thu - chi tài chính trong ngành, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước và các nguồn thu khác.

Trên cơ sở giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng, tiếp tục mở rộng quy mô một cách hợp lý để thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của các tầng lớp nhân dân.

Cùng với việc củng cố các trường công lập, cần tiếp tục phát triển các trường ngoài công lập (bán công, dân lập, tư thực...), đặc biệt, ở bậc giáo dục mầm non, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, trên cơ sở quy hoạch mạng lưới trường ở địa phương, đồng thời cũng cần quản lý chặt chẽ để các trường ngoài công lập phát triển đúng hướng, bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện.

Thực hiện điều chỉnh cơ cấu, phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh vào học các trường trung học chuyên nghiệp và trường nghề; thực hiện các giải pháp đơn giản hóa thể thức thi tuyển, xây dựng và áp dụng chương trình liên thông, tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng quy mô và đa dạng hóa ngành nghề đào tạo đối với

trung học chuyên nghiệp.

6. Về nhiệm vụ kiện toàn cơ quan quản lý, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về giáo dục

Các cơ quan quản lý giáo dục cần thực hiện tốt hơn nữa chức năng quản lý nhà nước, tập trung vào các nội dung chủ yếu nêu ở phần trên như đã xác định trong báo cáo. Để nâng cao hiệu quả quản lý, Bộ sẽ mở rộng phạm vi phân cấp cho cấp tỉnh. Đồng thời, các sở cần ủng hộ việc mở rộng phân cấp cho cấp huyện, dù ban đầu có thể còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng nhưng cần mạnh dạn thực hiện chủ trương này.

Trong một - hai năm tới, Bộ sẽ tập trung xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn chỉnh và tăng cường cơ sở pháp lý cho hệ thống giáo dục quốc dân.

Bộ sẽ làm việc với Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ để thống nhất về quan điểm và cách làm trong việc thực hiện chủ trương giảm biên chế hành chính, đồng thời vẫn bảo đảm khả năng thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về giáo dục.

Từ nay đến giữa năm 2002, cần tổ chức lại cơ quan bộ theo hướng thu gọn đầu mối, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị, từng cán bộ trong cơ quan. Đồng thời Bộ sẽ phối hợp với Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ để có văn bản hướng dẫn cải tiến tổ chức bộ máy và sắp xếp lại cán bộ của các sở.

Trước mắt cần đổi mới lề lối làm việc để tăng hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý giáo dục. Kiên quyết giảm bớt họp hành để tập trung vào các công việc chính của ngành.

Các hội nghị, các cuộc họp của ngành cần được chuẩn bị kỹ hơn nữa về nội dung và sắp xếp phù hợp để các địa phương có thể chủ động về mặt thời gian và đi lại đỡ tốn kém.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ; ngăn chặn, xử lý kịp thời và nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm.

Tiếp tục xây dựng, tăng cường nền nếp, kỷ cương; ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội xâm nhập vào các cơ quan giáo dục và nhà trường.

Các cơ quan quản lý giáo dục, theo sự phân cấp, đều có trách nhiệm quản lý các trường ngoài công lập, chăm lo tạo điều kiện để các trường phát triển, bảo đảm tính bình đẳng về pháp lý đối với văn bằng, chứng chỉ hợp pháp của các trường ngoài công lập; quản lý chặt chẽ để các trường ngoài công lập thực hiện đúng quy định về nội dung, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn giáo viên, thu - chi tài chính...

Tại hội nghị, các đồng chí giám đốc sở đã nêu nhiều kiến nghị, phát hiện các vấn đề và đề xuất các giải pháp. Trên đây tôi đã có kết luận về một số vấn đề và sẽ được thể hiện trong chỉ thị đầu năm học và các văn bản chỉ đạo khác của Bộ. Đối với một số vấn đề còn lại, Bộ sẽ khẩn trương nghiên cứu, giải quyết hoặc kiến nghị với các cấp có thẩm quyền giải quyết.

12. Bài phát biểu của đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội Vũ Đình Cự tại Hội thảo “Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ 2001-2010”

(Hà Nội, ngày 7-5-2001)

Vấn đề trên đã được nhấn mạnh trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá VIII). Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ IX vừa qua cũng như trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, việc chú trọng nguồn lực lao động người Việt Nam đã được đề cập khá rõ.

Dự thảo “Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ 2001 - 2010”, do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội soạn, đã trình bày khá đậm nét việc đánh giá thực trạng đào tạo nghề thời kỳ 1991-2000, rồi từ đó nêu lên mục tiêu và giải pháp phát triển đào tạo nghề giai đoạn 2001-2010.

Nhiều luận điểm, biện pháp, chính sách ở trong dự thảo đó có tính thuyết phục và tính khả thi.

Dưới đây tôi muốn góp thêm một số ý kiến để làm rõ hơn các yêu cầu và tiềm năng cần chú trọng phát huy, để thực hiện tốt một trong các nhiệm vụ hàng đầu của thập niên đầu thế kỷ này.

1. Việc làm và đào tạo nghề

Việc làm quan hệ mật thiết với đào tạo nghề. Trong dự

thảo đã đề cập, ví dụ đặt ra mục tiêu “đến năm 2010 sẽ có khoảng 80% lao động có việc làm sau khi đào tạo”.

Việc làm thực ra vừa là mục tiêu vừa là động lực cho việc đào tạo nghề. Ví dụ muốn phát triển kinh tế biển (đánh cá xa bờ...) thì phải đào tạo thủy thủ, ngược lại học nghề thủy thủ rất hăng hái, say sưa vì cảm chắc có việc làm với lương khá (có thể làm việc ở nước ngoài). Phong trào rầm rộ học tiếng Anh, vì tình... chính là gắn với việc làm được tương đối bảo đảm.

Bởi vậy quan điểm hàng đầu của việc đào tạo nghề phải là gắn việc học nghề với việc tạo chỗ làm việc có thu nhập khá hơn. Nó đúng cho lớp người trẻ tuổi phải hướng tới các nghề đòi hỏi trình độ cao hơn. Nó cũng đúng với những người thuộc lớp trung niên có nguy cơ thất nghiệp phải bắt buộc chuyển nghề. Ngay ở những nước công nghiệp phát triển, vẫn phải chịu đựng tình trạng thất nghiệp ở mức hai con số trong khi lại thiếu trầm trọng lao động có trình độ cao.

Ở nước ta vào những năm đầu thế kỷ này, chiến lược đào tạo nghề phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đối phó với làn sóng thất nghiệp do toàn cầu hoá. Cần lưu ý rằng, tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng năm của nước ta hiện nay đã tiến gần tổng giá trị sản phẩm trong nước (GDP), nên tác động của toàn cầu hoá là khó tránh khỏi (ví dụ suy thoái của kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng đến rất nhiều nghề ở nước ta).

Khu vực nhạy cảm, rất dễ bị tổn thương và các tác động lớn ở nước ta hiện nay là khu vực nông thôn, trong đó chính sách về ngành và nghề có ý nghĩa rất quyết định. Đường lối phát triển nông thôn của chúng ta đòi hỏi chính sách đào

tạo nghề phải coi nông thôn là trọng điểm để phát huy mọi tiềm năng đồng thời đối phó kịp thời với mọi thách thức phát sinh. Trong dự thảo tôi thấy còn thiếu vắng diện mạo của lời giải cho bài toán mà hàng chục năm nay là rất bức xúc: đó là tạo đủ việc làm cho lao động ở nông thôn. (Dưới đây, tôi xin nói đến một số khía cạnh của vấn đề này).

2. Đào tạo nghề ở nông thôn trong 10 năm tới

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá thực hiện khẩu hiệu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, thì quyết sách để thành công là ở chỗ phát triển nông thôn đủ mạnh sao cho giữ được lao động dư ra chuyển sang công nghiệp ngay ở nông thôn. Từ đó sẽ có nông thôn giàu và văn minh cùng tiến lên với thành phố mà do đó khoảng cách không bị ngày càng xa ra. Như vậy trong 10 năm tới sẽ có biến động dữ dội về ngành nghề ở nông thôn, vì các lý do sau đây:

- a. Sự thu hút lao động của các khu công nghiệp lân cận.
- b. Sự phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn nông thôn.
- c. Sự thay đổi cơ cấu của chính nông nghiệp (bao gồm lâm nghiệp, ngư nghiệp).
- d. Sự xuất hiện các nghề mới kèm theo việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong nông nghiệp, nhất là việc ứng dụng rộng rãi thành tựu của công nghệ sinh học, công nghệ thông tin.

Theo dự báo trong dự thảo thì sau 10 năm số lao động trong nông nghiệp sẽ giảm từ 23 triệu (hiện nay) xuống

còn khoảng 21,5 triệu, tức là giảm đi khoảng 1,5 triệu. Số lao động mới đi vào thị trường từ nông thôn sẽ được các khu vực nông nghiệp và dịch vụ thu hút thêm khoảng 8,5 triệu (kể cả 1,5 triệu nói trên) để có khoảng 22,5 triệu cho cả hai lĩnh vực này. Như vậy sẽ vượt chỉ tiêu kế hoạch chút ít, tức là số lao động nông nghiệp nhỏ hơn 50% tổng số lao động sau 10 năm. Đó là xu hướng tích cực. Tuy nhiên ở đây cần làm rõ mấy điều. Trước hết trong số 8,5 triệu lao động thu hút vào khu vực công nghiệp và dịch vụ thì có bao nhiêu lao động “bất ly hương” vẫn ở lại nông thôn. Với số này thì làm thế nào để dạy nghề cho họ gắn liền với việc làm. Mặt khác trong số 23 triệu lao động nông nghiệp hiện nay, theo đánh giá của dự thảo, chỉ có 2 triệu là được qua đào tạo nghề, như vậy có đúng không? Cũng theo dự thảo mỗi năm đào tạo thêm khoảng 250.000 lao động nông nghiệp (qua đào tạo nghề). Việc phân cấp trình độ đào tạo, thành ba cấp, không nói rõ đối với lao động nông nghiệp thì ở mỗi cấp có các lĩnh vực tương ứng nào. Hình như lao động nông nghiệp được xếp tất cả vào loại “bán lành nghề (đào tạo ngắn hạn)” “cho nhu cầu phát triển kinh tế địa phương”. Những điều chưa rõ trên đây nếu không được giải quyết đúng thì chắc chắn việc đào tạo nghề cho nông thôn khó đạt hiệu quả cao.

Nhân đây xin nêu lên một điều vô lý là ở nước ta, như nhận xét nói trên, cứ 10 người lao động nông nghiệp thì hiện chỉ có 0,88 người được coi là có nghề nông. Ấy thế mà năng suất lúa trên 1 ha lại thuộc loại cao nhất trong vùng. Có tiêu chuẩn để xếp loại công nhân từ bậc 1 đến bậc 7, còn với nông dân thì tất cả đều không bậc hay “bậc không”(!),

trừ kỹ sư nông nghiệp và kỹ thuật viên trung cấp.

Từ đây thấy rằng, để phát triển mạnh nông thôn nước ta trong 10 năm tới, ngoài việc nhà nước đầu tư đào tạo nghề làm nông cốt, thì việc huy động tiềm lực của dân để đầu tư, tổ chức tiếp thu, hoàn thiện, huấn luyện, truyền bá hàng trăm nghề cho hàng chục triệu người lại trở thành chủ yếu. Vai trò của Nhà nước ở đây là đề ra chính sách khuyến khích, quy chế hoạt động, tiêu chuẩn trình độ và hỗ trợ tài chính cho quá trình “cả làng học nghề để làm giàu” này. Đào tạo nghề phải là một bộ phận của các chương trình xoá đói, giảm nghèo, Chương trình trồng rừng, Chương trình 135, v.v.. Kinh phí 800 tỷ đồng liệu có đủ cho 10 năm hay không?

Đã xuất hiện trang trại có hàng trăm lao động, xí nghiệp làng có hàng nghìn thợ, khu công nghiệp cấp xã, v.v.. Hơn lúc nào hết, đào tạo nghề đang là yêu cầu bức xúc của địa bàn nông thôn. Nhưng đó lại là một “biển” rộng mênh mông, đa dạng ngành nghề.

3. Đào tạo nghề ở địa bàn thành phố

Theo dự báo thì sau mười năm dân số nước ta khoảng 89 triệu người, với trên 25 triệu người sống ở thành thị. Việc đào tạo nghề cho người lao động ở thành thị, nhất là lao động trẻ luôn là vấn đề bức xúc. Hiện nay, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở thành thị đang có xu hướng tăng lên với đà hội nhập và củng cố xí nghiệp nhà nước. Đồng thời lại xuất hiện tình trạng thiếu lao động trình độ cao cho một số ngành công nghiệp và dịch vụ.

Bản dự thảo “Chiến lược đào tạo nghề” có lẽ tập trung chủ yếu cho việc đào tạo nghề cho khoảng 8-10 triệu lao động

mới trong các ngành công nghiệp và dịch vụ trong 10 năm tới, nghĩa là chủ yếu hướng vào lao động trẻ của thành phố, thị trấn, v.v.. Bởi vậy mục tiêu, giải pháp, các chương trình nêu ra về cơ bản là định hướng vào địa bàn này.

Trước tiên cần phải nói rằng chiến lược này chỉ liên quan đến đào tạo nghề ở trình độ sơ cấp và trung cấp, còn việc đào tạo nghề cao cấp lại thuộc về các trường đại học và cao đẳng, nghĩa là có một sự thiếu “toàn cảnh”. Cũng vì vậy theo dự báo đến năm 2010 có khoảng 56,8 triệu người trong độ tuổi lao động, nhưng trong bản dự thảo này mới xét đến việc đào tạo nghề của khoảng 44 triệu lao động (sơ cấp và trung cấp).

Trong dự thảo có chia hệ thống đào tạo nghề thành ba cấp trình độ:

- a. Bán lành nghề (đào tạo ngắn hạn).
- b. Lành nghề (đào tạo dài hạn).
- c. Lành nghề trình độ cao (trình độ tay nghề ở bậc trung cấp và cao đẳng).

Theo tôi không nên dùng thuật ngữ “lành nghề” để chỉ cấp trình độ. Ở mỗi cấp người lao động có thể chưa lành nghề, lành nghề và rất lành nghề. Như vậy loại a và b là sơ cấp ngắn hạn và sơ cấp dài hạn (như trước đây gọi là đào tạo công nhân bậc thấp và công nhân bậc cao). Với hai loại này, nói chung là dành cho những người đã tốt nghiệp tiểu học hoặc trung học cơ sở. Tuy nhiên quan điểm cho rằng loại a “vẫn chiếm phần lớn trong tổng số lao động được đào tạo hằng năm” thì cần phải xem xét thêm. Có thể đó là tình thế

của vài năm trước mắt vì nói chung ở các thành phố có thể đạt phổ cập trung học cơ sở vào 2005. Hơn nữa số đào tạo loại a không dễ tham gia và thích nghi với thị trường lao động, luôn bị nguy cơ thất nghiệp đe dọa, thu nhập kém và cuối cùng vẫn phải đào tạo lại để “giảm nghèo” cho họ. Đối với loại b cũng có vấn đề phải thường xuyên bổ túc ngắn hạn mới đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Việc xuất khẩu lao động loại b cũng sẽ làm thu hẹp thị trường và chênh lệch mức lương trong - ngoài nước cũng sẽ giảm.

Về loại c thì cũng cần làm rõ là làm thế nào để họ có tay nghề ở bậc cao đẳng nếu họ không học ở trường cao đẳng?

Thực ra xu hướng đào tạo nghề của thế giới hiện nay hết sức đa dạng, nhưng tựu chung lại họ có hai bậc trình độ: 1) Đại học/cao đẳng; 2) (Trung cấp/trung học phổ thông) + 2 (năm) để thích nghi với xu thế phát triển công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao hiện nay. Loại này đang thiếu trầm trọng về một số ngành, đặc biệt là về các ngành mũi nhọn có liên quan với công nghệ thông tin, viễn thông. Đây chính là lĩnh vực xuất khẩu lao động có hiệu quả lớn. Do đó cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề trình độ cao kết hợp với xuất khẩu lao động (có chứng chỉ nghề của các trung tâm quốc tế có uy tín).

Với chương trình kinh phí dành cho loại hình đào tạo nghề nói trên, nghĩa là khoảng 3 tỷ đồng một năm thì khó có thể đạt mục tiêu đề ra. Do đó, vấn đề đổi mới cơ chế đào tạo nghề, huy động tối đa tiềm lực của xã hội, khuyến khích mọi loại hình đào tạo nghề, là rất cần thiết, cần làm rõ hơn, chi tiết hơn, nhất là phần tham gia của các doanh nghiệp.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo nghề

Để đào tạo nghề được cho nhiều người, đạt hiệu quả cao, hiện nay trên thế giới người ta đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong đào tạo nghề với các hình thức:

- a. Đào tạo từ xa, qua mạng, với các trung tâm dạy nghề chuyên dạy nghề qua mạng (còn gọi là trung tâm dạy nghề “ảo”). Việc thực tập ở xưởng máy cũng thực hiện qua mạng, chỉ phải trực tiếp đến xưởng “làm thực” một thời gian quy định. Hình thức đào tạo nghề này tạo cho những người học chắm chỉ điều kiện để đạt chất lượng rất cao, kể cả đối với các nghề phức tạp.
- b. Đào tạo bởi máy điện tử dạy học cho những người tự học nghề.
- c. Đào tạo nghề bởi các trung tâm dạy nghề quốc tế qua mạng Internet.

Việc này đối với nước ta còn mới mẻ, tuy nhiên nó rất có hiệu quả, cần phải triệt để vận dụng các thành tựu này của nền giáo dục hiện đại

Kết luận: Thời đại đặt ra cho sự nghiệp đào tạo nghề ở nước ta nhiều vấn đề mới, do đó cần phải có thêm nhiều đổi mới trong tư duy và tổ chức thực hiện cho nhiệm vụ cao cả này.

13. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Minh Hạc, Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Khoa giáo Trung ương tại Hội thảo “Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ 2001 - 2010”

(Hà Nội, ngày 7-5-2001)

Chúng ta bàn về “Chiến lược đào tạo nghề thời kỳ 2001-2010” đúng vào lúc toàn Đảng, toàn dân đang hân hoan đón mừng thành công rực rỡ của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, nhằm góp phần đưa nhanh Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống là một việc làm có ý nghĩa to lớn và rất thiết thực. Đại hội xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm là: “Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại... Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”¹. Đồng thời Đại hội đã thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm là: “Đến năm 2005, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp là 20- 21% GDP; công

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.28.

ng nghiệp và xây dựng 38-39%; các ngành dịch vụ 41-42%”¹. Chiến lược phát triển dạy và truyền nghề trong thập kỷ này là phải đặc lực phục vụ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu ngành trong GDP. Đại hội cũng đã thông qua chỉ tiêu tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động (bình quân 1,5 triệu lao động/năm). Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005 và 40% vào năm 2010. Đây là một chỉ tiêu cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Toàn bộ chiến lược dạy nghề bao gồm cả truyền nghề nhằm vào thực hiện bằng được mục tiêu này. Về lĩnh vực dạy nghề, Đại hội nhấn mạnh: “Hiện đại hoá một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội. Khuyến khích phát triển hệ thống các trường, lớp dạy nghề dân lập và tư thực”².

Để đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội, vai trò cực kỳ to lớn, có thể nói là quyết định, thuộc về nguồn nhân lực, cụ thể là đào tạo, bồi dưỡng, quản lý nguồn nhân lực. Vì vậy, trong thời gian tới, cùng với các chiến lược khác, chiến lược dạy và truyền nghề phải góp phần tích cực tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ về phát triển nguồn nhân lực để có bước bứt phá của toàn bộ chiến lược 2001- 2010 tiến mạnh vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Nhìn lại 4 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khóa VIII) trong lĩnh vực dạy nghề, chúng ta thấy:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 29; 36.

Hệ thống trường, lớp dạy nghề ở nước ta mấy năm gần đây có tiến bộ đáng kể. Hệ thống này khá đa dạng: 157 trường chuyên làm nhiệm vụ dạy nghề; 190 trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp có tham gia đào tạo nghề; 148 trung tâm dạy nghề, 147 trung tâm xúc tiến việc làm và dịch vụ việc làm; trên 300 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên cũng tham gia đào tạo nghề ngắn hạn; ngoài ra còn hàng nghìn lớp dạy nghề của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cá nhân và của các làng nghề truyền thống. Nhờ đó, chúng ta đã hình thành được một hệ thống cơ sở dạy nghề đa dạng, mở rộng được diện đào tạo các nghề khác nhau; quy mô đào tạo nghề tăng liên tục trong những năm gần đây, riêng năm 2000, quy mô tuyển mới tăng 3,7 lần so với năm 1991; bước đầu đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, các ngành kinh tế mũi nhọn và chương trình xuất khẩu lao động, trực tiếp góp phần tạo nên sự tăng trưởng kinh tế của đất nước trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX. Từ những thực tế sinh động này, điều cần khẳng định là phải tiếp tục xã hội hoá sự nghiệp đào tạo nghề, đa dạng hoá các loại hình trường, lớp trên cơ sở các trường dạy nghề công lập giữ vai trò nòng cốt.

Tuy nhiên, nói chung chưa khắc phục được tình trạng suy thoái trong đào tạo nghề. Hệ thống đào tạo nghề đang nổi lên những vấn đề sau đây, cần quan tâm tập trung giải quyết:

1. Đào tạo nghề chưa gắn chặt với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của từng vùng

miền lãnh thổ nói riêng. Do đó có tình trạng mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng miền... của đội ngũ công nhân kỹ thuật đã được đào tạo; mất cân đối giữa hệ thống dạy nghề với các hệ thống đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Sự phân bố các trường dạy nghề trong hệ thống mạng lưới các trường và các trung tâm dạy nghề trên địa bàn lãnh thổ không hợp lý, chồng chéo, không theo một quy hoạch tổng thể trên cơ sở yêu cầu thống nhất của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (trong phạm vi cả nước và từng vùng lãnh thổ); nhiều nơi còn mang tính tự phát, cục bộ của từng bộ, ngành, địa phương. Mặt khác, hầu hết các trường dạy nghề chính quy, các trung tâm dạy nghề, trung tâm xúc tiến việc làm, v.v. lại được xây dựng ở các thị trấn, thị xã, thành phố, nhất là ở các thành phố lớn, còn ở địa bàn nông thôn (nơi sống và làm việc của gần 80% tổng số lực lượng lao động của cả nước) thì gần như bị bỏ rơi, không có (hoặc rất ít) cơ sở dạy nghề. Hơn nữa, các trường dạy nghề cũng chưa được phủ kín ở tất cả các tỉnh trong cả nước (đến nay vẫn còn 10 tỉnh trắng về trường dạy nghề, chưa có trường dạy nghề riêng của tỉnh mình). Sự bất hợp lý này trong mạng lưới các cơ sở dạy nghề tuy đã được phát hiện khá sớm, song, cho tới nay về cơ bản vẫn chưa được giải quyết. Chính phủ cần ban hành quyết định về mạng lưới trường và trung tâm dạy và truyền nghề (và có thể cả trường trung học chuyên nghiệp).

3. Hiện nay, cả nước có 190 trường cao đẳng và đại học (trong đó 92 trường đại học và 98 trường cao đẳng), trong khi đó chỉ có 156 trường dạy nghề (kể cả 27 trường mới xây

dụng cách đây vài năm). Hơn nữa, tất cả các trường dạy nghề đều có quy mô nhỏ, chỉ có 8% tổng số trường có quy mô trên 1000 học sinh; số còn lại chỉ có quy mô khoảng trên dưới 500 học sinh. Các trường cao đẳng và đại học đều có quy mô không dưới 1000 sinh viên. Nói như vậy để thấy một điều vô cùng bất hợp lý - hệ thống và quy mô dạy nghề ít hơn đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng, đại học, cần mau chóng điều chỉnh; không có ý phải đưa quy mô các trường dạy nghề đều lên một vài nghìn. Mặt khác, tuyệt đại bộ phận học sinh học nghề lại được đào tạo ngắn hạn (chẳng hạn, năm 2000 số học sinh được đào tạo ngắn hạn là 693.000 so với 127.000 được đào tạo dài hạn). Chúng ta khuyến khích các hình thức đào tạo ngắn hạn lẫn dài hạn. Nhưng không thể để quy mô đào tạo dài hạn như thế này. Có thể nói, hiện nay ở nước ta, hệ thống trường dạy nghề có quy mô nhỏ bé nhất so với quy mô của hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học (một hình thái ngược). Đội ngũ công nhân kỹ thuật, do đó, chưa đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt đối với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, cũng như yêu cầu của các ngành công nghệ cao, yêu cầu của xuất khẩu lao động..., không chỉ về mặt chất lượng mà cả về số lượng. Tình hình này nếu không sớm được giải quyết sẽ tác động rất xấu đến sự phát triển của đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, và có thể mạnh dạn nói rằng, không công nghiệp hoá đất nước được.

4. Tình trạng nội dung chương trình, phương pháp đào tạo nghề hiện nay nói chung đã lạc hậu, lại không được thiết

kế liên thông với các cấp học phổ thông và các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Chính phủ cần có quy định cụ thể về việc liên thông này để bảo đảm quyền lợi của học sinh học nghề được phát triển tài năng và chí tiến thủ, đồng thời khuyến khích học sinh vào trường dạy nghề. Hệ thống đào tạo nghề chậm được đổi mới, một phần đáng kể chưa gắn đào tạo với sử dụng, với sản xuất và việc làm; chưa theo sát yêu cầu và sự chuyển động của thị trường lao động. Chúng ta phải đào tạo được đội ngũ những công nhân lành nghề đáp ứng cả thị trường lao động trong nước, và cả thị trường nước ngoài; làm được như vậy, giáo dục nghề còn trực tiếp phục vụ đường lối mở cửa, hội nhập, hợp tác và phát triển của Đảng và Nhà nước ta. Cần lưu ý rằng, việc giáo dục toàn diện phải tạo cho người học một học vấn chung trên cơ sở giáo dục đạo đức công dân, chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (vốn văn hoá chung chưa được chú ý đúng mức).

5. Trong nhiều năm qua, bộ máy quản lý nhà nước về đào tạo nghề không ổn định, luôn trong tình trạng tách, nhập, làm cho bộ máy này từ trung ương đến địa phương bị thu hẹp dần, yếu kém, không đủ sức quản lý toàn bộ hệ thống dạy nghề đa dạng; cơ chế quản lý lại song trùng, đan xen hết sức phức tạp. Tuy gần đây, từ khi thành lập lại Tổng cục Dạy nghề trong Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tình hình đã được cải thiện, bước đầu bộ máy quản lý hệ thống đào tạo nghề đã được củng cố và tăng cường. Song, nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn và bất cập. Hơn nữa, việc thể chế hoá các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực đào tạo nghề thành những cơ chế, chính

sách cụ thể lại quá chậm. Nhìn chung, còn thiếu nhiều văn bản dưới Luật Giáo dục và Luật Lao động bảo đảm một hệ thống chính sách đồng bộ, thông thoáng đủ sức tạo động lực cho ngành dạy nghề đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Vấn đề này cần được giải quyết đồng bộ với việc tổ chức quản lý vĩ mô nguồn nhân lực, xây dựng và phát triển thị trường lao động. Trong công tác quản lý hiện nay còn có một việc cần làm đó là làm sao cho xã hội khắc phục được tâm lý bằng cấp; thoát khỏi được ảnh hưởng xấu từ ngàn đời để lại là giáo dục khoa cử, quan trường; làm sao cho đa số nhân dân có tinh thần thực nghiệp. Cần tiếp tục nâng cao dân trí, điều đó là đương nhiên nhưng phải làm cho ở đông đảo dân cư dân trí phải trở thành nhân lực, trí tuệ thành trí lực, tinh thần thành tâm lực, trình độ học vấn phải thành tay nghề, tức là thành các lực lượng sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần. Chẳng phải chỉ là thay đổi tâm lý xã hội, mà cần đổi mới cả nền giáo dục nước nhà theo hướng đó. Hơn thế nữa, cần có các chính sách tương ứng, chẳng hạn chính sách cán bộ, chính sách dùng người, theo hướng khuyến khích tính hiệu quả, khuyến khích tâm lý thực nghiệp, thực tiễn trong thanh niên học sinh và cha mẹ các em. Khái quát lại, chúng ta cần một thang giá trị hợp thời đại mới, một thước đo giá trị đúng đắn và một sự định hướng giá trị kịp thời cho toàn xã hội, nhất là cho thế hệ trẻ.

6. Yêu cầu trang bị cho một trường dạy nghề, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay, đòi hỏi phải chi phí tốn kém. Song, trên thực tế, những năm qua nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực này đã quá eo hẹp lại liên tục bị cắt giảm (trong khi quy mô

liên tục tăng). Tỷ lệ đầu tư cho dạy nghề từ nguồn kinh phí nhà nước (trong tổng ngân sách đầu tư cho giáo dục) giảm từ 7,3% năm 1991 xuống còn 3,9% năm 1996; năm 2000 tuy có nhiều cố gắng, nhưng cũng chỉ đạt 4,7%. Tình hình này dẫn đến tình trạng không đủ tiền chi cho các yêu cầu của công tác đào tạo. Chất lượng đào tạo công nhân kỹ thuật, do vậy, còn thấp xa so với yêu cầu sử dụng của các xí nghiệp, nhà máy vốn đang ngày một hiện đại hơn. Không có thiết bị cần thiết thật khó chuyển tải được nội dung đổi mới, khó cải tiến phương pháp dạy học.

7. Trong các trường dạy nghề hiện có khoảng 6.000 giáo viên (đội ngũ này trong các trường cao đẳng và đại học là 30.309). Nhìn chung, đội ngũ này còn quá nhỏ bé so với nhu cầu, lại không đồng bộ về cơ cấu ngành nghề đào tạo, cơ cấu trình độ, v.v.; đặc biệt là đội ngũ này còn chưa được bồi dưỡng cập nhật kiến thức kịp thời, mới chỉ một số ít có cơ hội tiếp cận với công nghệ tiên tiến, hiện đại; còn thiếu trầm trọng đội ngũ giáo viên đào tạo công nhân kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ cao. Chưa tận dụng và khuyến khích các nghệ nhân tham gia công việc đào tạo công nhân. Chúng tôi cho rằng, thực trạng về đội ngũ giáo viên dạy nghề là rất đáng lo ngại, cần được Nhà nước quan tâm hơn và phải được xử lý bằng nhiều biện pháp quyết liệt, để từ đó giải quyết vấn đề chất lượng và hiệu quả đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật.

Nói chung, toàn bộ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, trong đó có giáo dục nghề đều phải tiếp tục đổi mới theo hướng “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”, như Đại hội IX đã chỉ ra. Ở đây chúng tôi muốn nêu lên một ưu tiên, có thể là

hàng đầu, là chuẩn hoá, hiện đại hoá đội ngũ giáo viên các trường dạy nghề. Tất nhiên hoàn toàn không coi nhẹ việc chuẩn hoá và hiện đại hoá thiết bị và nội dung, chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy và học. Có như vậy mới hy vọng *tăng nhanh quy mô, thực hiện chất lượng, bảo đảm hiệu quả* của sự nghiệp dạy và truyền nghề, có thể góp phần xứng đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực - một yếu tố quyết định nhất trong nội lực của dân tộc bước vào một thế kỷ mới, thế kỷ chấn hưng đất nước thành một nước công nghiệp, hiện đại, phồn vinh, tự do, hạnh phúc. Cuộc sống đang đòi hỏi chúng ta phải đổi mới mạnh mẽ giáo dục và đào tạo, trong đó có đào tạo nghề, để đáp ứng một cách có hiệu quả nhất những yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: HOÀNG PHONG HÀ

ĐINH THỊ MỸ VÂN

ĐOÀN PHƯƠNG NHU

Vẽ bìa: NGUYỄN THỊ HÒA

Trình bày: PHÒNG TẠO MẪU

Sửa bản in: NHẬT MINH

In 1.500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Nxb. Chính trị quốc gia.

Giấy phép xuất bản số: 572-87/CXB-QLXB, cấp ngày 24-1-2002.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2002.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008

FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbcctqg@hn.vnn.vn

TÌM ĐỌC

Câu lạc bộ Nhà báo kinh tế Việt Nam

Trung tâm Thông tin Bộ Giáo dục - Đào tạo

**- TOÀN CẢNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VIỆT NAM
(VIETNAM EDUCATION DISCOVERY)**

Phạm Minh Hạc

**- GIÁO DỤC VIỆT NAM TRƯỚC NGUỒN CỦA THẾ KỶ XXI
(XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI, CÓ SỬA CHỮA, BỔ SUNG)**

Lê Văn Giang

**- NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN CỦA KHOA HỌC GIÁO DỤC
(SÁCH THAM KHẢO)**

Giá: 45.000đ